



CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 31 - THÁNG 11.2011

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **PHÁP THÍ LÀ BỐ THÍ TỐI THƯỢNG** (Tỳ Kheo Thích Tín Nghĩa), trang 1
- **CHÌA KHÓA HỌC PHẬT** (Thích Thông Hải), trang 2
- **VỮ TRỤ TRONG LÒNG BÀN TAY** (thơ Hàn Long Ẩn), trang 2
- **CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HT. THÍCH THIỆN MINH** (Thích Nguyên Siêu), trang 2
- **THU ĐẾN** (thơ Phạm Quốc Bảo), trang 4
- **TÍNH VĂN HỌC QUA PHẨM ĐƯỢC THẢO DỤ...** (Thích Nữ Khánh Năng), trang 4
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC**, (HT. T. Thắng Hoan), tr. 5
- **NGUỒN SINH LỰC ĐẠO PHẬT QUA TRUNG BỘ KINH** (Thích Nữ Trí Hải), trang 6
- **SIÊU XUẤT TỰ TẠI** (thơ Vĩnh Hào), trang 6
- **DƯ ẨM TỪ CỎ ĐI VỀ** (Thảo Lư), trang 7
- **TÌM HIỂU TÁNH KHÔNG** (Hoang Phong dịch), trang 8
- **CHIẾC PHONG CÂM...** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 9
- **MẮT BÓNG HẠC VÀNG** (thơ Tâm Tấn), trang 10
- **TINH THẦN PHẬT GIÁO CỦA STEVE JOBS...**(CNN - Ngọc Hằng dịch), trang 11
- **THÀNH ĐẠO TRONG MẮT EM** (Tâm Minh – V. Thúy Nga), tr. 12
- **CHỚM THU, ĐI VỀ** (thơ Hiền Nguyễn), trang 12
- **ÔNG TRỜI TRONG TÂM THỨC VIỆT** (Cư sĩ Nguyễn Giác), tr. 13
- **TRĂNG TIỀN** (thơ Nguyễn Thị Minh Thủy), trang 13
- **NẮNG MƯA LÀ BỆNH CỦA TRỜI** (thơ Ngô Tăng Giao), tr. 15
- **ÂM THANH CỦA IM LẠNG** (Vĩnh Hiền), trang 15
- **HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PP BẮC MỸ & DẠ TIỆC XÂY CHÙA BÁT NHÃ**, trang 16 & 17
- **LỄ PHẬT THÀNH ĐẠO, GIỚI ĐÀN HUYỀN QUANG, HỘI CHAY CHÙA PHÁP VŨ**, trang 19
- **GỌI TIẾNG MUÔN TRÙNG** (Cư sĩ Liên Hoa), trang 21
- **HOA QUỲNH MÙA THU** (thơ Ngu Chủ), trang 21
- **TỪ BI LÀ VŨ KHÍ...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 21
- **QUÉT RÁC** (Vĩnh Hào), trang 22
- **VÀO THU, VỌNG CÓ HƯƠNG...** (thơ Thích Nữ Viên Quang), tr. 22
- **ÔNG PHẬT BÙN** (Thuần Bạch kể, Ngọc Bảo dịch), trang 23
- **SÔNG NI-LIÊN-THIÊN** (thơ Nhựt Thanh - Tuyết Nguyễn), trang 23
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 24

PHÁP THÍ LÀ BỐ THÍ TỐI THƯỢNG

Tỳ Kheo Thích Tín Nghĩa



Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni; chư tôn Giáo Thọ và Ban Tổ Chức,

Kính thưa quý học viên và toàn thể quý Phật tử hiện diện hôm nay,

Trước hết chúng tôi xin thành tâm tri niệm công đức của chư tôn giáo phẩm của hai giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, đã vì lòng thương đối với hàng Phật tử, vì trách nhiệm hoằng pháp của Sư giả Như Lai, phối hợp hài hòa tốt đẹp để tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ I năm nay.

Chúng tôi cũng hết sức cảm kích và tán thán tinh thần cầu học tiến tu của quý học viên Phật tử, đã cố gắng thu xếp việc nhà, việc sở, từ những nơi xa xôi tụ về đây, tham dự khóa tu 4 ngày 4 đêm của lần tổ chức đầu tiên này.

Kính thưa quý liệt vị, Chắc chắn quý vị sẽ đồng ý với chúng tôi rằng, sự khởi đầu của bất kỳ chương trình nào cũng có những trở ngại, khó khăn, nhất là một khóa tu tổ chức cho hàng trăm người, chỉ được thông báo thời gian và địa điểm trong vòng 3 tháng. Nhưng, như quý vị

chứng kiến, Ban Tổ Chức đã thu xếp nhanh chóng để có được một đạo tràng trang nghiêm, tốt đẹp như hôm nay; và quý vị học viên cũng đã vượt qua những trở ngại về không gian, thời gian, để có mặt tại đây thật đông đảo. Đây đáng gọi là **thành tựu thứ nhất** của Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ.

Đạo tràng tu học thật trang nghiêm đã có; Ban Giáo Thọ với những vị Tăng Ni uyên thâm Phật học, cũng đã có; Ban Tổ Chức với những vị Tăng Ni và Phật tử chăm lo chu đáo cho trọn khóa tu học cũng đã có. Vậy, điều cần làm của quý vị học viên là phải trân trọng từng giờ phút của các khóa lễ, các buổi giảng, các cuộc hội thảo: hãy lắng tâm học hỏi, chí thành tụng niệm, thành thật trao đổi và xây dựng với nhau, sao cho khóa tu học này trở thành một đạo tràng tiêu biểu của Tuệ học Phật giáo tại Bắc Mỹ này. Có như vậy quý vị mới gặt hái được những thiện-quả và tư lương quý giá cho con đường tu tập của mình, đồng thời là dấu hiệu **thành tựu trong bước thứ hai** của Khóa Tu Học.

Bước thứ ba không kém quan trọng, đó là làm sao duy trì được tinh thần cầu học tiến tu của quý vị, không để sút giảm, thối thất. Nơi đâu và khi nào, chúng tôi tổ chức được Khóa Tu Học, quý vị hãy cố gắng thu xếp để tham dự, nỗ lực tu học từng bước tiến

tới, không mỏi mệt. Không những bản thân mình tinh tấn tu học, còn phải giới thiệu, khích lệ, tạo duyên lành cho gia đình thân thuộc và bạn đạo khác cùng tham gia. Được như vậy thì trong sự tinh tấn của quý vị cũng đồng thời thực hành được hạnh lợi tha như lời Phật dạy. Đây là **thành tựu thứ ba** mà chúng tôi tin rằng quý vị có thể thực hiện để có những khóa tu học kế tiếp, đông đảo hơn, qui mô hơn, và lợi lạc rộng rãi hơn.

Kính thưa quý liệt vị,

Trong Sáu ba-la-mật của Bồ-tát, Bồ-thí đứng hàng đầu; trong hạnh Bồ-thí, Pháp thí là tối thượng. Đem Chánh Pháp vi diệu trang trải cho muôn loài khiến cho tất cả dần dần thoát ly khổ não, hưởng về an vui giải thoát, đó là công đức mà tất cả chư vị, từ Ban Giáo Thọ, Ban Tổ Chức, chí đến quý vị học viên, đang thực hiện ngay nơi Khóa Tu Học này. Xin thành kính tri ân, và kính chào tất cả quý liệt vị.

Nam mô Tinh Tấn Đồng Mãnh Phật

(Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ, đọc trong Lễ Khai Mạc Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ I, tại thành phố Oxnard, Nam California, ngày 28/10/2011)



KHOA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LAN THỜI TẠI THÀNH PHỐ OXNARD, CALIFORNIA, TỪ NGÀY 27 NẾN 31 THÁNG 10 NĂM 2011

CHÌA KHÓA HỌC PHẬT

Thích Thông Hải

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Hòa thượng chứng minh,

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni Giáo thọ cùng chư tôn đức trong Ban Tổ Chức, chư tôn đức quang lâm hỗ trợ và khích lệ Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ I tại thành phố Oxnard, California năm nay,

Kính thưa quý thiện nam tín nữ ủng hộ đạo tràng, cùng toàn thể quý học viên tham dự,

Ai trong chúng ta cũng từng nghe bốn câu kệ nói lên yếu chỉ của Tổ sư Thiền như sau:

*"Giáo ngoại biệt truyền
Bất lập văn tự
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật."
(Truyền riêng ngoài giáo
Không lập văn tự
Chỉ thẳng tâm người
Thấy tánh thành Phật).*

Nếu dựa vào bốn câu trên, những người học Thiền thời nay dễ bị sai lạc, cho rằng không cần ngôn ngữ văn tự, không cần đọc và học kinh sách.

Thực ra, yếu chỉ của khẩu quyết này thực ra chỉ áp dụng trong một số trường hợp và căn cơ đặc biệt, khi mà nhân duyên ngộ đạo đã đến mức chín muồi, khi mà bối cảnh học Phật của người đương thời rơi vào tình trạng chú trọng hình thức lễ nghi, chấp chặt vào ngôn ngữ văn tự, không đặt sinh mệnh của mình vào mục tiêu tối hậu là giải thoát giác ngộ. Còn trong tất cả mọi trường hợp của người con Phật thì, việc khai mở trí tuệ giác ngộ đều phải kinh qua con đường thực nghiệm Giới, Định và Tuệ.

Một cách cụ thể, chúng ta phải bắt đầu cuộc hành trình tiến đến mục tiêu sau cùng bằng những bước chân vững chãi của Tuệ học qua Văn, Tư và Tu. Lắng nghe thuyết giảng, đọc và nghiên cứu kinh sách là Văn; tư duy, chiêm nghiệm, quán xét, chọn lọc những điều đã nghe và đọc là Tư; thực tập, ứng dụng và chia sẻ những điều đã học đến với mọi người là Tu. Đây là chìa khóa tu học của người con Phật trong tất cả mọi hoàn cảnh, mọi quốc gia và thời đại.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ do chư tôn đức Tăng Ni tại Hoa Kỳ và Canada phối hợp tổ chức không ngoài mục đích trao đến quý học viên Phật tử chiếc chìa khóa ấy. Có được chìa khóa trên tay, quý vị có thể vững tin nơi kiến giải và tư duy của mình; kiểm soát và điều hướng lời nói, hành động, cũng như đời sống thường nhật của mình theo chánh đạo; và tinh tấn thực hiện chánh niệm, chánh định để đạt được an lạc, hạnh phúc chân thật trong hiện tại và tương lai.

Thay mặt Ban Tổ Chức, chúng con xin thành kính dâng lễ tri ân chư tôn thiền đức chứng minh và hỗ trợ cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần đầu tiên; và xin hết lòng tán dương tinh thần cầu học của tất cả học viên có mặt hôm nay.

Sự có mặt của chư tôn đức và quý học viên nơi đây biểu lộ sự đồng tâm của tất cả chúng ta đối với hướng đi cao cả của người con Phật, đó là: *"Duy Tuệ Thị Nghiệp."*

Xin cảm ơn tất cả chư liệt vị.
Nam mô Khải giáo A Nan Đà Tôn giả.

Trưởng Ban Tổ Chức
Hòa thượng Thích Thông Hải
(Diễn văn Khai Mạc Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ I—2011)

Vũ trụ trong lòng bàn tay

*Ta mặc võng nằm bên hiên vắng
Núi trắng về ngự giữa bàn tay
Đem trái đất vo thành hạt cát
Đặt trên đầu ngón trỏ, ngắm... cũng hay!*

*À rành nữa, ta sẽ gom bốn biển
Nhúm lại còn giọt nước long lanh
Ta hái hết những vì sao ẩn hiện
Kết chúng thành nốt nhạc vô thanh.*

*Rồi ta rũ mặt trời cùng ghé xuống
Để đêm ngày hiện diện chung nhau
Ta thả thả hộp chung trà ngủ muộn
Bồng giạt mình qua mấy thế kỷ sau.*

(Thiên Trúc, San Jose, đêm thu 2011)

HÀN LONG AN



CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN MINH

Thích Nguyên Siêu

1. Dẫn Nhập:

Con đường hoằng dương Phật pháp của Đạo Phật Việt Nam đã viết nên những trang sử hạnh nguyện từ bi, hành trạng vô úy, đại hùng của chư vị lịch đại Tổ Sư kể từ thời du nhập cho đến hôm nay. Con đường hoằng dương Phật pháp ấy có lúc thăng, có khi trầm theo vận nước, nhưng Đạo Phật Việt Nam luôn hiện hữu và tồn tại trong trái tim dân tộc suốt chiều dài lịch sử hai ngàn năm qua. Chính trái tim ấy đã đẩy những dòng máu để nuôi lớn Tăng già Việt Nam trở thành những bậc xuất trần thượng sĩ. Hòa Thượng Thích Trí Quang đã viết: *"Dòng máu của Tăng già Việt Nam là dòng máu trí tuệ, sáng suốt, dòng máu đại hùng, đại lực; dòng máu từ bi hỷ xả, dòng máu tinh tấn, dũng mãnh, dòng máu ấy đủ tất cả, không thiếu một đức tính tốt di truyền nào. Con đẻ của dòng máu ấy là những anh hùng vĩ đại, lợi tha và giác tha, cứu khổ và giải thoát cho muôn loài. Dòng máu ấy làm cho Tăng già thành bậc giác tha, những Đức Phật. Dòng máu ấy là dòng máu Chánh giác cao cả của Đức Phật vậy."* (1)

Tiếp nối dòng máu của chư vị Tổ đức, Thiền sư Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mâu Tử và nền văn hóa giác ngộ Luy Lâu, Hòa Thượng Thích Thiện Minh đã thừa tiếp và thắp sáng ngọn đèn Chánh pháp từ đó, để qua những tháng ngày hoằng pháp độ sanh, Hòa Thượng đã đem hết tâm huyết của mình phục vụ cho nhân quần xã hội. Bằng khả năng sẵn có, bằng ý chí kiên định, Hòa Thượng đã chấn tích văn du khắp các miền: từ Huế lên Cao nguyên, xuống miền Nam, ra miền Trung để điều động Phật sự, hoạch định chương trình hoằng pháp, thiết lập các cơ sở chi hội, khuôn hội, tổ chức các đại hội từ hạ tầng cơ sở đến trung ương đầy mạnh công cuộc chấn hưng Phật giáo, tạo dựng nền hòa bình cho quê hương dân tộc.

Hình ảnh Hòa Thượng trong chiếc áo tràng đà, chiếc kính gọng đen to bản cổ hữu, thật thâm trầm, đĩnh đạc, biểu hiện một Tăng tướng oai nghi mà qua những thập niên đương đại Hòa Thượng là bậc thiệu long Thánh chúng, là rường cột của Giáo Hội. Hòa Thượng đã dâng hiến trọn đời cho dân tộc, Đạo Pháp. Trong hàng Tăng đoàn, nơi ngôi Tổ đình, Hòa Thượng là bậc Chứng trung tôn để truyền trì mạng mạch Phật pháp; còn khi dẫn thân vào đời hoằng pháp thì Hòa Thượng là một chiến lược gia, là một nhà hùng biện. Đến khi bị tù ngục qua bao chế độ thì Hòa Thượng là Bồ tát hóa thân vào đời ác năm trước và chịu khổ nhục thay cho mọi người. Tâm tư của Hòa Thượng lúc nào cũng thanh thản, trầm tĩnh như tướng mạo của Hòa Thượng. Sau năm 1975, chế độ Cộng Sản Việt Nam bức hại, khủng bố Hòa Thượng, nhưng vẫn giữ lập trường dứt khoát, không bao giờ bắt tay với cộng sản. Hòa Thượng đứng thẳng người làm vị thuyền trưởng để lèo lái con thuyền

Giáo Hội vượt qua cơn phong ba bão táp của chế độ nghiệt ngã cộng sản Việt Nam. Hòa Thượng đã khẳng định dứt khoát qua cuộc nói chuyện với tướng Đỗ Mậu:

"Dù tình thế có đi về đâu, thì Phật Giáo vẫn đứng trong lòng dân tộc mà đấu tranh cho đến cùng, bằng thể cách này hay chiến thuật khác. Thiếu tướng cứ tin đi, còn Giáo Hội, còn tôi thì cuộc tranh đấu không bao giờ ngừng." (2)

Hòa Thượng Thích Thiện Minh là hạt nhân để tựu thành sứ mệnh quê hương. Sứ mệnh ấy là kiến tạo nền hòa bình chơn chánh – Dân chủ, tự do và nhân quyền. Phương châm hành hoạt Phật sự của Hòa Thượng là phát huy đạo pháp trường tồn và thăng tiến trên lộ trình tu tập đạo giải thoát.

2. Tiểu Sử:

Hòa Thượng, thế danh là Đỗ Xuân Hàn, húy Thượng Tâm Hạ Thị hiệu Thiện Minh, tự Trí Nghiễm. Sinh năm 1921 tại làng Bích Khê, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Hòa Thượng có túc duyên với Phật pháp từ nhiều đời nhiều kiếp nên từ thuở nhỏ Hòa Thượng đã được quy y và xuất gia với Đại lão Hòa Thượng Thuyền Tôn, Thích Giác Nhiên – Đức Đệ Nhị Tăng Thống GHPGVNTN.

- Năm 1936 - 1939 theo học lớp Sơ đẳng Phật học tại chùa Trúc Lâm - Huế.

- Năm 1939 - 1944 theo học lớp Trung đẳng tại Phật học đường Báo Quốc - Huế.

- Năm 1944 - 1947 theo học chương trình Đại học Phật giáo cũng tại Phật đường Báo Quốc - Huế.

- Năm 1948, Hòa Thượng thọ đại giới Tỳ Kheo tại giới đàn Báo Quốc do Đức Đại lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết – Đức Đệ Nhất Tăng Thống GHPGVNTN làm đàn đầu Hòa Thượng. Cuối năm ấy, Hòa Thượng được công cử làm Hội trưởng Hội Phật học Đà Lạt kiêm giảng sư của Giáo Hội tại Lâm Đồng.

- Năm 1948 - 1952, Hòa Thượng lần lượt tổ chức những chi hội Phật giáo tại Cầu Đất, Sông Hình - Blao, Di Linh, Đơn Dương, La Ba.

Song song việc điều hành Phật sự tại đây, Hòa Thượng đã thành lập các đơn vị GDPT Lâm Nguyên, Cầu Đất, Trại Mát, Trạm Hành... Tổ chức những trại huấn luyện Đội Chúng Trưởng, Huynh Trưởng Sơ Cấp và Cấp 1.

- Năm 1952, Hòa Thượng được Giáo Hội thỉnh cử làm Hội Trưởng Hội Phật Học Khánh Hòa.

Hòa Thượng đã đóng góp rất nhiều công sức cho việc xây dựng và phát triển Phật giáo tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, chương trình này gồm có 4 mục đích chính yếu:

1. Kiện toàn các cơ sở hạ tầng của Giáo Hội và thành lập Ban trị sự toàn miền.

2. Thành lập Phật học viện Nha Trang.

3. Thành lập trường Bồ đề.

4. Thành lập những GDPT đầu tiên.

- Năm 1956, Hòa Thượng đã vận động thành lập Ban tổ chức Đại hội Tổng hội Phật giáo Việt Nam lần thứ 2 tại





Chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

- Năm 1957 - 1960, Hòa Thượng điều hành Phật sự tại các tỉnh miền Trung nhiều nhất là Thừa Thiên - Huế, cùng tổ chức các trại hạp bạn ngành Thiếu GDPT toàn quốc.

- Năm 1963, Hòa Thượng cùng các bậc tôn túc lãnh đạo ủy ban liên phái Bảo vệ Phật giáo đòi hỏi chế độ TT Ngô Đình Diệm thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội.

- Năm 1964, Đại hội Thống nhất Phật giáo, GHPGVNTN ra đời, Hòa Thượng được thỉnh cử làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh Niên.

- Năm 1970, Hòa Thượng tham dự Hội nghị Tôn giáo và Hòa bình tại Tokyo, Nhật Bản.

- Năm 1973, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa viên tịch, Hòa Thượng đảm nhiệm chức vụ quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN.

- Năm 1974, Hòa Thượng được Đại hội cung thỉnh Cố vấn Hội Đồng Viện Hóa Đạo và tham dự Hội nghị Tôn giáo và Hòa bình tại Louvain, Bỉ Quốc.

Lịch sử đã sang trang, quê hương, dân tộc đã chìm vào sự cai trị nghiệt ngã của chế độ cộng sản Việt Nam. Đạo Pháp cũng trôi theo vận nước lênhênh vô định. Vào ngày 13 tháng 4 năm 1978, Cộng sản bắt giam Hòa Thượng tại Tổng nha Cảnh sát cũ, rồi chuyển sang trại Phan Đăng Lưu... và Hòa Thượng đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 17-10-1978, sau 6 tháng 5 ngày bị nhốt trong xà lim tối tăm, đánh đập, tra tấn dã man của chế độ.

Suốt cuộc đời phụng sự Đạo pháp, Dân tộc, Hòa Thượng là tấm gương sáng cho nhiều thế hệ mai sau. Hòa Thượng Thích Thiện Minh, người đã sống cái sống hào hùng đương đầu với bạo lực và khi chết cũng là cái chết của con người vô úy trước bạo lực.

Hòa Thượng đã ra đi trong niềm đau thương vô hạn của dân tộc, trong nỗi thương tiếc vô cùng của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Cho đến hôm nay, tánh đức tử bi, tinh thần vô úy của Hòa Thượng vẫn luôn sáng ngời trong tận cùng tâm thức của mỗi đoàn sinh, huynh trưởng các cấp GDPT và ý thức Thiện Minh - Ý thức hòa bình dân tộc, ý thức bất diệt cho Đạo pháp luôn sáng ngời trên bầu trời quê hương và thế giới hôm nay.

3. Tính khí khái và bất khuất của một bậc tôn giả, Hòa Thượng Thích Thiện Minh đã chết trong ngục tù cộng sản Việt Nam

Thừa hưởng dòng máu quật cường của dân tộc Việt và chí nguyện nhập thế độ đời kham nhẫn của đạo Phật, Hòa Thượng ung dung tự tại dù hoàn cảnh có nghiệt ngã, khổn cùng. Vào năm 1978, Hòa Thượng đã chống gậy lang thang từ văn

phòng Viện Hóa Đạo đến chùa Già Lam, từ chùa Già Lam qua chùa Pháp Vân, từ Pháp Vân đến Trung tâm Quảng Đức mà chẳng có nơi nào là chốn tạm dung, vì nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam không cấp hộ khẩu. Hòa Thượng tự biết rằng nhà tù là chốn dung thân. Hòa Thượng chuẩn bị hành trang với hai bộ quần áo, y hậu và một vài vật dụng cần thiết cá nhân, đợi ngày vào tù cộng sản và chính nơi đó là nơi an nghỉ cuối cùng. Cánh cửa nhà tù khép lại, chôn kín hình ảnh một kẻ sĩ xuất trần nhưng không thể vui chôn chí nguyện hóa độ của bậc thượng nhân lợi tha giác ngộ.

Ngôi làng Bích Khê, nơi quê hương đầu đời của Hòa Thượng, và cũng từ đó, từ mảnh đất nghèo khổ, khô cằn sỏi đá, từ vị trí địa dư lịch sử, địa đầu giới tuyến, bên dòng sông Thạch Hãn phân chia ranh giới Bắc Nam, ý thức "Thiện Minh" tạo dòng sinh mệnh Đạo Pháp quê hương được bắt nguồn từ đó, từ tinh thể của quận Triệu Phong kết thành người "Thiện Minh" lịch sử. Quảng Trị đêm mưa đông, ngày nắng hạ đã nuôi lớn trái tim dân tộc bằng liếp cải, nương dâu trong ý thức "Thiện Minh", người con trong lòng Đạo Pháp.

"Thiện Minh" tên người lãnh đạo GHTN bất khuất mà cả một thế hệ tôn sùng, thành thiết đành lễ. Đảnh lễ để thấy mình đang học một bài học lịch sử sống mà Hòa Thượng Thích Thiện Minh là hiện thân của dòng lịch sử đó. Dòng lịch sử dân tộc kiêu hùng; ngọn đuốc "Thiện Minh" soi đường tâm tối, xoáy tận vào lòng người, vào tâm can, lương tri của những con người bạo hành, phi nhân. Bài học "Thiện Minh" là bài học ngàn vàng mà thế hệ đã qua, thế hệ hôm nay hay thế hệ mai sau ai cũng phải học. Học cái can cường, học cái bất khuất, học cái dũng cảm, học cái hy sinh, học cái quên mình và học cái không thù hận giữa những người thù hận. Học cái trung cái nghĩa, cái tử bi, cái hỷ xả, cái trí tuệ của dòng dõi Tăng già Việt Nam. "Thiện Minh" con người của ý thức hệ, con người của lương tâm, con người của những con người đang sống, đang cư mang lý tưởng hòa bình. Ý thức "Thiện Minh" được khơi nguồn và dẫn đi từ đầu đời dòng lịch sử dân tộc. Tự tính hào hùng trong ý nghĩa tự trị, bất khuất trong giá trị trí thức, can cường trong tự tính bảo tồn cái phải và không hận thù trong khả tính quyền thuộc tử bi. "Thiện Minh", tên người là những khả tính ấy.

Ý thức "Thiện Minh" cho chúng ta bài học lịch sử mà Hòa Thượng đối đáp qua cuộc nói chuyện với người đại diện cộng sản Việt Nam, Mai Chí Thọ, trước chủ trương và lập luận bạo hành của chế độ. Mai Chí Thọ nói:

"Có thể các Thầy nói hàng ngàn người nghe, chúng tôi nói không ai nghe, nhưng chúng tôi có súng, có nhà lao, có quân đội. Tất cả chúng tôi có trong tay. Liệu các Thầy có chống đối được không và chống đối đến bao giờ?"

Qua lời nói đầy thách thức, ngạo mạn của người CS không lương tâm, không tình người, không tình quê hương dân tộc. Là kẻ vô thần, không tôn giáo đó, chúng ta càng thấy rõ thái độ điềm tĩnh, tâm tử hòa của Hòa thượng. Bằng cái nhìn kính nghiêm lịch lãm suốt một chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Hòa Thượng đã khẳng định:

"Tôi nghĩ rằng có lẽ ông đã nói sai. Hơn ai hết ông biết rằng trong suốt thời gian đương đầu với Pháp và với Mỹ, kẻ khác chứ không phải là ông đã nói ra những câu tương tự như vậy. Lịch sử đã chứng minh rằng súng đạn và nhà tù

không phải là tất cả, lại càng không phải là yếu tố tất thắng. Một Ngô Đình Diệm với chín năm cai trị bằng mật vụ; một Tần Thủy Hoàng với chính sách bạo ngược đốt sách, chôn học trò. Kết quả như thế nào? Đúng, chúng tôi một tắc sắt cũng không có trong tay và các ông thì có tất cả. Nhưng chúng tôi biết bài học lịch sử."

Bài học kinh nghiệm lịch sử cho thấy, lời nói của Hòa Thượng không bao lâu, các nước cộng sản Đông Âu đã sụp đổ. Cái nôi cộng sản Liên Xô cũng tan tành. Lời nói đó đã chứng minh cho cộng sản Việt Nam thấy không phải có đủ súng đạn, có dư nhà tù, quân đội là tất thắng.

4. Nỗi tang thương hay niềm đau của dân tộc?

Hình ảnh của cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh, người con của Đạo Pháp:

"Một gương mặt bầm tím với râu tóc mọc dài, yên nghỉ trong chiếc quan tài. Tất cả những phần còn lại của con người yên nghỉ đó đều bị che lấp, không ai biết có vết tích gì trên phần còn lại đó hay không?"

"Hòa Thượng Thích Thiện Minh, chiến lược gia của GHPGVNTN, người đã từng ở tù trong cả ba chế độ, hôm 17 tháng 10 năm 1978 đã bỏ mình trong một nhà tù của cộng sản tại thành phố Hồ Chí Minh." Đây là tin của đài BBC London.

"Hình ảnh cuối cùng của Thượng Tọa Thiện Minh mà người ta thấy, là một thi thể được che phủ kín mít, nằm tại một khu rừng ở Hàm Tân (Bình Tuy) ngày 18 tháng 10, 1978. Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo là một trong số rất ít người được công an thành phố Sài Gòn cho phép đến thăm và nhìn thi thể của Thượng Tọa lần chót. Khi Hòa Thượng Trí Thủ gỡ tấm vải che mặt, những người chứng kiến xúc động, thấy khuôn mặt của Thượng Tọa bầm đen và râu tóc trắng xóa mọc dài. Những gì có thể thấy được và biết được về Thượng Tọa Thiện Minh chỉ có thế. Chính quyền cộng sản Việt Nam cũng muốn gói trọn cái thi thể và tất cả những tin tức về cái chết của Thượng Tọa Thiện Minh tại khu rừng Hàm Tân xa xôi, hẻo lánh." (Sđd trang 68).

5. Chí nguyện của bậc xuất trần - Sự nghiệp bảo vệ Đạo Pháp và quê hương

- Kiến tạo nền hòa bình cho Việt Nam Dân Chủ tự do.

Từ thừa sinh tiền, Hòa Thượng luôn hành hoạt bằng phong cách của bậc thượng sĩ, nghĩ trước cái nghĩ của người và làm trước cái làm của thể thường vốn có, do vậy, Hòa Thượng để tâm xây dựng một nền hòa bình cho quê hương dân tộc. Vì, suốt chiều dài lịch sử, kể từ thời mở nước, giữ nước cho đến hôm nay, trải qua bao nhiêu triều đại, chế độ, quê hương Việt Nam chịu nhiều thế lực và áp lực ngoại bang xâm lược, người dân sống trong cảnh lầm than của một tiểu quốc. Do vậy, hòa bình là điều kiện tất yếu phải có và giá trị của hòa bình phải được tái lập để dẫn khởi trong mọi lãnh vực xã hội và dân chủ, tự do, nhân quyền là sức mạnh sống của một nền văn minh, tiến bộ của con người. Hòa

Thượng đã đem hết tâm huyết để dón lên tiếng nói hòa bình, để khơi dậy ý thức hòa bình, cho dân tộc biết yêu thương nhau, biết xây dựng cho nhau ý thức sống dân chủ, tự do. Đây chính là tinh thần tự chủ, độc lập để bảo vệ quê hương, nuôi lớn dân tộc. Nhưng tiếc thay, tiếng nói hòa bình của Hòa Thượng đã bị dập tắt bởi những thế lực chính trị thời đại và tự thân của Hòa Thượng đã bị tù đầy và ám sát thương đau. Nhưng dù cho Hòa Thượng bị ám sát, bị tù đầy qua nhiều chế độ đương thời, ý thức và tiếng nói hòa bình của Hòa Thượng luôn tuôn chảy đậm sâu trong tâm thức của dân tộc Việt, là sự nghiệp hằng hữu trong hàng triệu con tim của sinh dân Việt Nam, là ngưỡng vọng của loài người trên thế giới.

- Giữ giữ cương lĩnh để xây dựng và phát huy GHTN kể từ những ngày đầu năm 1964 thành lập GHPGVNTN, Hòa Thượng là một trong các bậc tôn túc đã dẫn thân, chịu nhiều sự hi sinh kể cả thân mạng để giữ vững lý tưởng và sự tồn vong của GH. Trong Hội Đồng Viện, Hòa Thượng được thỉnh cử làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh Niên, rồi quyền Viện trưởng và Cố vấn Viện Hóa Đạo GHTN. Trong các ngôi vị này, Hòa Thượng đã lèo lái con thuyền Giáo Hội vượt qua nhiều thác ghềnh thời đại, bao phong ba bão táp của cuộc đời mang nhiều thế lực mạnh động mà tự thân của Hòa Thượng đã hứng chịu bao gian nguy, thử thách. Hòa Thượng được xưng danh là chiến lược gia của GH, phần lớn các hoạch định, phương án hành động đúng theo phương châm của hiền chương: *"Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không đặt sự tồn tại nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại ấy trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc"*.

Hòa Thượng đã đi theo phương châm của GH là vì phúc lợi của dân tộc, vì sự thịnh suy của Đạo Pháp, quê hương mà Hòa Thượng đã dẫn thân phụng sự trên mọi nẻo đường đất nước, trong các chức vụ quyền Viện trưởng Cố vấn chỉ đạo Viện Hóa Đạo đủ thấy tầm quan trọng của Hòa Thượng trong GH. Do vậy mà trải qua bao thời đại, chẳng có thời đại nào để cho Hòa Thượng được bình yên. Hiện thân của Hòa Thượng trong GH là sự hiện thân mẫu mực, nắm vững lập trường của dòng lịch sử Phật Việt.

- Hàm dưỡng GDPT, học sinh sinh viên Phật tử, Hướng đạo thanh niên Phật tử, người cha tinh thần của nhiều thế hệ trẻ: Sau khi nhận chức Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên, Hòa Thượng đã hết lòng chăm lo giới trẻ. Một mặt soạn thảo kế hoạch để thành lập GDPT ở những miền chưa hội đủ điều kiện, mặt khác lên chương trình hoạt động cho GDPT đã hình thành, để lấy đó làm bước tiến trên con đường tu học. Như đã nói, tự thân Hòa Thượng chống tích vân du, đến từng địa phương để mở ra những trại huấn luyện, gồm nhiều cấp bậc: Trại huấn luyện Đoàn Đội, Chúng trưởng, trại Lối Uyển cho các huynh trưởng. A Nô Ma Ni Liên, Trại A Dục, Huyện Trang...

Là vị cha tinh thần, Hòa Thượng quan niệm rằng: thế giới người trẻ là thế giới nông cốt cho mai hậu, là thế hệ của những người nắm vận mạng Đạo Pháp trong tương lai. Là trường cột, sức mạnh phụng sự cho lý tưởng dẫn thân thượng cầu hạ hóa. Nếu tre tàn mà măng không mọc lấy đâu để duy trì



TÍNH VĂN HỌC QUA PHẨM DƯỢC THẢO DỤ TRONG KINH PHÁP HOA

Thích Nữ Khánh Năng

LỜI THƯA: Đây là một trong rất hiếm những bài viết của Tăng Ni phân tích về "tính văn học" trong kinh điển Phật giáo. Chủ đề văn học là một chủ đề rất rộng, mà chủ đề Phật giáo lại càng mênh mông, cao viễn. Do đó, hoặc là người ta nói về văn học, hoặc là nói về Phật giáo; ít người quan tâm về "văn học Phật giáo", nhất là phân tích, bình phẩm về tính cách văn chương/ văn học trong kinh điển. Có những tiểu luận hay bài phân tích về các tác phẩm văn học Phật giáo hiện đại, nhưng khó tìm ra một bài viết phân tích văn chương trong kinh Phật. Bài này do Sư cô Thích Nữ Khánh Năng từ trong nước, viết đã lâu, nhấn mạnh tính cách ẩn dụ và biểu tượng trong Phẩm Dược Thảo Dụ (Kinh Pháp Hoa). Có thể xem đây là một trong những bài tiên phong mà chúng ta có thể tìm thấy trên diễn đàn văn học Phật giáo thời nay. Dù bài không mới, nhưng tôi tin là rất lạ đối với độc giả Phật giáo, nên xin phép được đăng lại nơi đây. Xin tán thán, cảm ơn tác giả, và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc. (Vĩnh Hào)

hạt như hoa sen, là chân lý tích cực, chân lý được hóa thân trong đức Phật, là Pháp thân, là tự thân Giác ngộ, Năng giác và Sở giác là một" [1].

Trong trường hợp này, vấn đề sẽ trở nên quan trọng đối với người học kinh; vì lẽ nếu không nắm bắt được những ý nghĩa biểu tượng, sẽ không hiểu được ý kinh và thường bị rơi vào các ảo tưởng. Vì thế, trên mặt nhận thức, sự thông suốt về ngôn ngữ và các đặc trưng của nó được xem như điều kiện cần yếu đối với người học kinh. Mà bản thân ngôn ngữ là vô hạn; mọi khuôn mẫu được áp đặt lên nó đều được xem xét dưới góc độ tương đối của nhận thức.

Do vậy, cần phải nhìn nhận ngôn ngữ là một phần cơ bản để khám phá, cảm nhận cái đẹp văn chương - cái đẹp bao đời nay vẫn luôn là cái đẹp hấp dẫn - một công việc khó khăn mà vô cùng hứng thú; nó khá dễ giúp con người nắm bắt được thực tại mà không bị kẹt ở ngôn ngữ, thấy rõ mặt trăng mà không chấp vào ngón tay. Vấn đề còn lại, đòi hỏi ở người hành trì một mức độ thể nhập, một mức độ tư duy thiền định nhất định để có thể đi vào soi sáng Phật lý.

Sau khi đức Phật nhập diệt 100 năm, giáo đoàn bắt đầu phân phái. Những quan điểm, giải thích giáo lý, giới luật có sự khác biệt giữa các nhóm, các phái và các vùng khác nhau. Tinh thần giáo lý Nguyên thủy được ghi nhớ và giải thích có phần lệch lạc.

Những kinh điển Đại thừa lần lượt xuất hiện, phát dương lý tưởng Đại thừa, giải thích giáo lý mang tính tích cực và đại chúng hơn. Bát-nhã là bộ kinh lớn xuất hiện khá sớm, triển khai tư tưởng Chân không, tích cực phá phá Tiểu thừa, cho rằng Thanh văn và Duyên giác không phải là con của Phật.

Kinh Hoa nghiêm chủ trương pháp giới duyên khởi, nhưng vẫn xem Tiểu thừa là thấp kém hạ liệt. Đến Duy-ma-cật thì Tiểu thừa bị chỉ trích thậm tệ. Sự đả phá chỉ trích lẫn nhau đã dẫn đến không chấp nhận nhau và làm cho Phật giáo suy yếu.

Đại thừa, mặc dù đã đưa ra đường lối tu tập sinh động hơn, nhưng bên cạnh đó đã tạo ra mối mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Do đó nhu cầu về con đường hòa giải trở nên cấp thiết. Trong bối cảnh đó, kinh Pháp hoa xuất hiện, chủ trương hòa giải mọi mâu thuẫn gay gắt của các dòng tư tưởng Đại thừa trước đó đối với giáo lý truyền thống, tạo sự thống nhất về tư tưởng và đường lối Phật giáo.

Kinh Pháp hoa được dịch rất sớm và có rất nhiều bản dịch khác nhau.

(xem tiếp trang 20)

Đạo Pháp. Bằng tấm lòng hàm dưỡng thể hệ trẻ của mình, Hòa Thượng hiểu và cảm thông thể hệ trẻ. Hòa Thượng đã gần gũi tâm tình, nói lên những kinh nghiệm của mình trong lúc tiếp xúc, hội họp, mà giờ này các anh chị trưởng lão thành mỗi khi đề cập đến Hòa Thượng, không ai không xúc động, bàng hoàng bằng tấm lòng thương kính, quý trọng.

Hình bóng của Hòa Thượng là hình bóng của người cha già đối với tổ chức GĐPT Việt Nam. Hòa Thượng đã giáo dục toàn diện cho lớp người trẻ, chính thực là một sự nghiệp hàm dưỡng người làm lợi đạo, ích đời, làm nhân tố xây dựng một xã hội chân, thiện, mỹ. Sự nghiệp nuôi người cho Đạo Pháp và quê hương.

6. Kết luận:

Nói về cuộc đời và sự nghiệp của Hòa Thượng Thích Thiện Minh là nói đến tinh thần Thiền học, hay khả tính tu chứng của các bậc Tổ đức Thiền gia. Nói đến tinh thần nhập thế vì chúng sanh mà phát khởi bi nguyện hóa độ. Hòa Thượng hiện hữu vào đời mà không hề lưu vết tích. Hòa Thượng xả bỏ báo thân, nhẹ bước ra đi cũng chẳng mây may in dấu bụi trần. Đến đi như nội dung bài kệ của Hương Hải Thiền sư:

"Nhạn quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm."

Là hàng hậu duệ, môn nhân, pháp phái của Đức đệ nhị Tăng thống, Hòa Thượng đã viết nên dòng lịch sử đại hùng bằng tiếng hồng sư tử làm kinh sợ đến các loài sơn lâm, thảo khấu. Một khi công viên quả mãn, sự hóa độ vuông tròn thì Hòa Thượng lại:

"Nhất bát thiên gia phạn

Cô thân vạn lý du

Kỳ vi sanh tử sự

Giáo hóa độ xuân thu."

Đó là hạnh nguyện của Bồ Tát, khi thì thông tay vào chợ để độ người cá tôm. Khi thì hòa quang đồng trần để:

"Thật tế lý địa bất thọ nhất trần

Phương tiện môn trung bất xả nhất pháp"

Hôm nay, Ngày Về Nguồn lần thứ 5 tại Pháp Quốc, ngày Hiệp Kỳ Chư Vị Lịch Đại Tổ Sư tại ngôi chùa mang tên Hòa Thượng, Chùa Thiện Minh, Lyon Pháp quốc, đã đi vào trang lịch sử hoàng pháp hải ngoại. Tất cả Chư Tôn Đức Tăng Ni hiện diện hôm nay, nhất tâm đánh lễ Giác linh Hòa Thượng. Nguyên cầu Hòa Thượng xót thương gia hộ cho Đạo Pháp trường tồn, GHPGVNTN được sớm phục hoạt để tiếp tục hoàn thành những Phật sự của Hòa Thượng còn dang dở. Và bằng tâm nguyện tự thừa sinh tiền, Giác linh Hòa Thượng thù từ chứng giám cho một quê hương Việt Nam giàu đẹp, thái hòa; con dân Việt Nam ấm no, hạnh phúc và có đủ các quyền làm người tự do, dân chủ như ước nguyện của muôn dân.

Ngày 10 tháng 9 năm 2011

(Tham luận Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn Lần thứ 5 tại chùa Thiện Minh, Lyon - Pháp quốc)

Nguyễn Siêu

Chú thích:

1. Tăng già Việt Nam, nhà xuất bản Phú Lâu Na, 1991, tr. 35. HT Trí Quang.
2. Cổ Hòa Thượng Thích Thiện Minh, 1983. Tr 65. Thích Mãn Giác.

Thu Đến

Trong tĩnh tịch đêm trường sao quanh quế
tiếng rì rầm trò chuyện cứ vẫy quanh
đưa người vào sâu giấc ngủ ấm lành
tự ta biết là gió thu đã dấy

Dậy từ đồng hoang sơ dầy cỏ dại
dậy từ biển xanh biếc một màu
hay núi cao sừng sững rồi đêm thâu
và châu thổ dạt dào thơm mùa gặt

Dậy từ lòng người bung đôi cánh bạc
xóa tan bóng tối che ngự đêm trắng
trái mặt trời trên những nẻo miền man
động thành vì sao dẫn vào xa lộ

Tại ta nghe tiếng rì rào thổ lộ
đội âm vang nâng giấc ngủ lên cao
trong ấm êm còn hơi se lạnh rào
quyện không gian man mát nổi u hoài

Ở ta mộng giữa mơ thu mãi mãi
mặc dòng đời cứ mãi miết trôi xuôi
rồi mỗi năm ta một lần dừng lại
soi vào gương thấy mình vẫn tỉnh khôi

PHẠM QUỐC BẢO

(Thơ, Hai Mươi Năm)



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

I.- DUY THỨC HỌC VÀ MẬT TÔNG:

Mật Tông cũng gọi là Chân Ngôn Tông. Chân Ngôn tức là lời nói chân thật. Hiện tại Mật Tông thường dùng Chú Ngữ để truyền thừa cho nhau. Trọng tâm của Tông này là tu hành theo những điều bí mật nên gọi là Mật Tông. Các tông phái đã nói ở trước gọi là Hiển Giáo và Tông này gọi là Mật Giáo. Học lý của Mật Tông xem lại thì bao quát cả Hiển Giáo. Mật Giáo truyền thừa mặc dù rất lâu, nhưng mãi đến khi nhà Đường khai nguyên thì mới được kiến lập thành tông phái. Mật Tông khi ở Ấn Độ có các ngài như Thiện Vô Úy, Nhất Hạnh, Kim Cang Trí, Bất Không, bốn vị trước sau đến Trung Quốc hoàng dương Mật Tông. Thiện Vô Úy truyền cho Đại sư Huệ Quả. Lúc bấy giờ, Kim Cang Trí, Thiện Vô Úy và Bất Không đều được gọi là ba đại sư khai nguyên Mật Tông. Đối với Mật Tông, các kinh điển và nghi quỹ đều được phiên dịch và trước thuật. Các bậc tiền nhân thì thật không ai sánh kịp. Có thể nói, Mật Tông từ đời Đường trở về sau truyền thừa hoàn toàn tuyệt diệu. Nghi Quỹ Bí Bản Mật Tông của đời Đường chú số đều bị thất truyền nơi Nhật Bản. Khi đến đời Tống, Mật Tông tuy cũng được phiên dịch và truyền thừa, nhưng giáo nghĩa của bốn Tông ở trên thì không có kiến lập được gì. Kinh điển cốt yếu của Mật Tông gồm có ba bộ là Kinh Đại Nhật, Kinh Kim Cang Đỉnh và Kinh Tô Tất Địa. Còn yếu nghĩa của Mật Tông thì có những điểm như sau:

1)- GIÁO TƯỚNG VÀ SỰ TƯỚNG:

Giáo Tướng tức là giáo lý. Người học Mật Tông trước hết phải học giáo lý. Đặc biệt sự truyền thọ Mật Tông của Nhật Bản là trước hết họ dạy các học giả thực tập giáo lý Duy Thức, Tam Luận và sau đó mới truyền thọ sự tướng của Mật Tông. Cũng tương tự như thế, người Tây Tạng học Mật Tông, trước hết phải qua giai đoạn kiểm tra phẩm cách người Tây Tạng và sau đó mới đưa vào Viện Mật Thừa (1). Đây cũng là một hình thức giáo dục. Sự Tướng tức là Nghi Quỹ và cũng có thể nói là Phật Pháp tượng trưng. Tất cả hình tượng tác pháp hành sự của Mật Tông đều là tượng trưng, tức là những pháp sự đó đại biểu cho một thứ gì khác ở ngoài vũ trụ, như Kim Cang Xử và Mạn Đà La (đại biểu cảnh giới của chúng sanh hoặc cảnh giới của chư Phật), đều là vật tượng trưng, đặc biệt bao hàm một thứ Mật Ý tồn tại ở trong. Mật Tông cốt yếu ở chỗ là vị Pháp Sư phải đích thân dùng miệng để truyền thọ. Có người cho rằng Mật Tông cao hơn

Hiển Giáo, nhưng kỳ thật cả hai đều giống nhau. Nói chung Mật Tông và Hiển Giáo đều phải tu chứng thì mới thành công. Còn Mật Tông và Duy Thức thì quan hệ như thế nào?

Sự Tướng Đều Do Duy Tâm Biến Hiện: sự tướng thì hoàn toàn lệ thuộc nơi Tâm. Tất cả pháp biểu hiện sự tướng có thể nói là do Tâm Thức biến hiện. Thí dụ như Mạn Đà La đều trông cậy vào sự tác dụng của tâm lực. Người Mật Tông quán tất cả đồng tiền rất nhỏ trong một mâm tròn biến thành thế giới và quán một chén nhỏ ba cạnh biến thành ba đạo sĩ. Lại nữa, lời mở đầu của văn Mông Sơn nói rằng: "Nếu người nào muốn biết rõ tất cả Phật ba đời nên quán thể tánh của pháp giới, tất cả đều do Tâm tạo". Ý này nếu như không biết rõ bày hạt cơm của Mông Sơn có công dụng như thế nào thì thật đáng tiếc! Cho nên tất cả sự làm phép của Mật Tông đều có ý nghĩa như thế.

2)- SÁU ĐẠI DUYÊN KHỞI VÀ SẮC TÂM:

Kinh Lăng Nghiêm thì giảng Bảy Đại Duyên Khởi. Còn Mật Tông thì giảng Sáu Đại Duyên Khởi. Sáu Đại Duyên Khởi gồm có đất, nước, gió, lửa, không gian và tâm thức. Phật pháp và chúng sanh pháp, tất cả sự tướng đều do sáu Đại này làm duyên khởi. Trong sáu Đại trên, năm Đại thì thuộc về Sắc Pháp và một Đại sau cùng thì thuộc về Tâm Pháp. Cho nên sáu Đại Duyên Khởi cũng gọi là Sắc Tâm Duyên Khởi. Duy Thức thì giảng A Lại Da Duyên Khởi, chỉ do một Tâm Thể sanh khởi hai phần Kiến và Tướng. Sự tác dụng chuyển biết của A Lại Da là duyên khởi hỗ tương, nghĩa là Sắc thì do Tâm Thức duyên khởi và Sắc thì cũng năng sanh ra Tâm Thức.

3)- BA MẬT QUÁN VÀ BA NGHIỆP:

Tam Mật nghĩa là ba Mật. Ba Mật gồm có ba thứ chủ nghĩa gọi là Thân Mật, Khẩu Mật và Ý Mật. Thân Mật thì chú trọng nơi kết Thủ Ấn, như chọn Phật A Di Đà làm bốn tôn để tu thì kết Di Đà Ấn. Di Đà Ấn là tượng trưng xem bản thân của ta chính là Phật A Di Đà và hào quang chiếu tỏa không mảy mòi. Kết Thủ Ấn của Mật Tông không khác sự làm quan chức của thế tục, sao lại có Thủ Ấn cũng như chính mình sao lại có thứ quan chức.

Khẩu Mật là miệng niệm Chân Ngôn, tượng trưng xem như không phải lời nói của phàm phu và chính là ngôn ngữ của Phật A Di Đà. Ý Mật là hiện bày chữ của hạt giống, như chữ "A" là đại biểu cho hạt giống hoặc Phật Tánh của Phật A Di Đà và tượng trưng xem Tâm của ta chính là Tâm của Phật A Di Đà. Nhờ phương pháp tượng trưng này, ba nghiệp của chính bản thân hành giả nhờ ba thứ bí mật tượng trưng nói trên có thể cùng với ba nghiệp của bốn tôn Phật A Di Đà kết hợp làm một để thành tựu Đại Pháp. Phương pháp này là một thứ quán giả tượng và cũng là một thứ tâm lực. Ba

Mật của Mật Tông thì rất quan hệ mật thiết với Duy Thức.

4)- HAI BỘ MẠN ĐÀ LA:

Mật Tông từ Nhật Bản truyền đến thì có hai bộ Mạn Đà La (Mạn Đà La tức là Đàn Tràng hình tròn. Chùa Miếu của Ấn Độ xưa nay đều kêu là Mạn Đà La). Hai bộ Mạn Đà La gồm có: Kim Cang Giới Mạn Đà La và Thai Tạng Giới Mạn Đà La.

a>- Kim Cang Giới Mạn Đà La:

Sự tướng là đại biểu Phật Trí của lý tướng, cũng như Duy Thức là đại biểu cho bốn Trí Bồ Đề và bốn Trí Bồ Đề cũng tức là Phật Trí. Kim Cang là hình dung sự kiên cố của Phật Trí có khả năng phá vỡ sở tri chướng và đoạn trừ tất cả phiền não. Kim Cang Giới Mạn Đà La tức là đại biểu cho Phật Trí. Phật Trí còn có khả năng phá trừ chấp Không của chúng sanh, nên gọi là Không Như Lai Tạng. Chữ Tạng ở đây tức là nghĩa của chữ Giới.

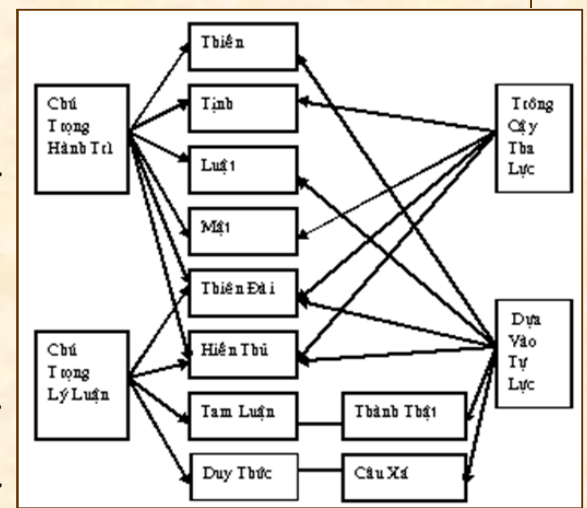
b>- Thai Tạng Giới Mạn Đà La:

Thai Tạng Giới Mạn Đà La không phải đại biểu cho Phật và nó chỉ là tượng trưng cho tánh đức vốn có sẵn của chúng sanh. Như Lai của mỗi chúng sanh là nơi dung chứa và bảo trì tất cả công đức này vẫn được tàng trữ và nằm yên trong Như Lai chưa hiển hiện cũng giống như thai tạng, nên gọi là Thai Tạng Giới. Cũng vì nghĩa này, Như Lai còn có tên khác là Không Như Lai Tạng. Người nào nếu như không thông suốt đạo lý Duy Thức và Bát Nhã thì thế nào cũng chẳng biết được đạo lý Mật Tông ít nhất nói gì và diễn trò gì. Những sự kiện trình bày trên có thể kết luận hai điều: Thứ nhất, Giáo Tướng của Kim Cang Giới sử dụng Tam Luận và Bát Nhã làm căn bản. Thứ hai, Giáo Tướng của Thai Tạng Giới sử dụng Pháp Tướng Duy Thức làm căn bản. Phương pháp pháp giáo của Mật Tông gồm có mười Trụ Tâm và sự quan hệ của mười Trụ Tâm ở đây không thể giải thích tường tận. Bản đồ dưới đây để chỉ bày đại ý của mười Trụ Tâm. Mười Trụ Tâm của Mật Tông gồm có:

Hoảng Pháp Đại Sư Thập Trụ Tâm Luận cho Bí Mật Trang Nghiêm Tâm thứ mười là tối cao, còn Thiên Đài và Hoa Nghiêm thì thuộc về hạng thứ. Ngoài ra các Tông khác thì lại thuộc về hạng thứ nữa. Quan niệm này kể như không nhiều.

J.- KẾT LUẬN:

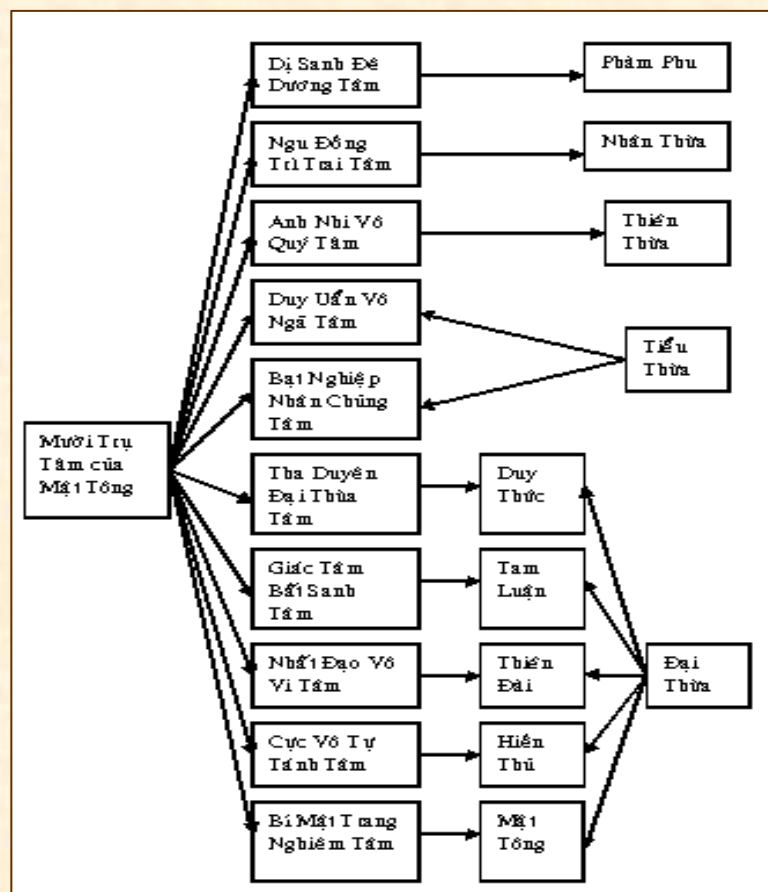
Sự quan hệ giữa các Tông phái và Duy Thức đã được trình bày tổng quát ở trước. Trong mười Tông, Thiên, Tịnh, Luật và Mật thì đặt trọng tâm nơi sự hành trì. Tam Luận (bao gồm Thành Thật) và Duy Thức (bao gồm Câu Xá) thì đặt trọng tâm nơi sự lý luận. Ngoài ra, Thiên Đài và Hiền Thủ thì lại chú trọng cả hành trì và lý luận. Hơn nữa trong mười Tông, Tịnh Độ Tông và Mật Tông thì hoàn toàn trông cậy vào tha lực gia trì. Còn Thiên, Luật, Tam Luận và Duy Thức thì dựa vào tự lực hướng thượng. Riêng Thiên Đài và Hiền Thủ thì lại nương tựa cả tự lực và tha lực. Vấn đề này được trình bày qua bản đồ sau đây:



CHÚ THÍCH:

(1) "Pháp Tôn Hiện Đại Tây Tạng".

(còn tiếp)



NGUỒN SINH LỰC ĐẠO PHẬT QUA TRUNG BỘ KINH

Thích Nữ Trí Hải

Qua Trung bộ kinh gồm 152 kinh do Hòa thượng Minh Châu phiên dịch, chú thích và giảng giải, chúng ta tìm thấy một nguồn sinh lực rạt rào của kinh tạng Pàli mà các học giả đều công nhận là gần với thời Phật nhất, ghi lại những lời dạy của Ngài qua 49 năm du hóa. Ở đây, đức Phật được làm sống lại như một con người, và một con người tuyệt luân. Nghe Trung bộ kinh, chúng ta như được thở lại bầu không khí trong lành vườn Cấp Cô Độc ngày xưa ấy. Chúng ta cảm như được dự phần vào pháp hội đông đảo thánh chúng của đức Phật gồm cả loài người và chư thiên. Chúng ta như được gần gũi chư vị Thánh đệ tử quen thuộc kính yêu mà khoảng cách thời gian dài 25 thế kỷ và không gian cả đại trùng dương không làm cho chướng ngại. Đây đây là tôn giả A Nan đẹp trai khả kính, đầy nhân ái, bao dung, đa cảm. Ngài là ân nhân của phụ nữ và 12 loại cô hồn. Chính nhờ Ngài mà phụ nữ được phép xuất gia. Lại theo truyền thống Đại thừa giáo, thì chính tôn giả là người phát minh ra trai đàn chẩn tế mệnh danh "cứu đảo huyền" (cái khổ bị treo ngược) vào ngày rằm tháng bảy. Trong nghi chẩn tế có nói tôn giả Nan Đà nhân nhập định thấy đức Bồ tát Quan Âm thị hiện thành vị thần mặt đen lưỡi dài để cứu khổ chốn địa ngục. Ngài bèn bạch Phật và nhân đây bày ra việc cúng cơm cháo cho cô hồn đói khổ:

Nan Đà tôn giả nhân nhập định,
Cứu khổ Quan âm thị Diên nhiên.

Này đây là tôn giả Ca Diếp nghiêm túc với hạnh đầu đà. Này đây là tôn giả Mục Kiền Liên chan chứa đức bi mẫn, nêu cao gương hiếu hạnh. Này đây là tôn giả Xá Lợi Phất với trí tuệ bạt tục siêu quần. Và ôi, cảm động

xiết bao, khi ta hình dung lại bóng dáng đức Từ Tôn, đấng Đại Giác bằng xương bằng thịt qua những dòng kể của thanh niên ngoại đạo Uttara: "Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể giới. Đi đến tu viện, tôn giả thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy... Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỉ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi vẫn ngoái nhìn lại không muốn rời bỏ. Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi, chúng con thấy tôn giả Gotama đứng, chúng con thấy Tôn giả Gotama ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy Tôn giả Gotama ăn trong nhà. Chúng con thấy Tôn giả Gotama sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy Tôn giả Gotama sau khi ăn xong, nói lời tùy hỉ công đức. Chúng con thấy tôn giả đi đến tu viện, chúng con thấy tôn giả đi đến tu viện ngồi im lặng. Như vậy và như vậy là Tôn giả Gotama ấy, như vậy và còn nhiều hơn nữa." (Kinh Phạm Ma). Hình ảnh đức Từ Phụ như trở về trong vòm trời tâm thức chúng ta qua những lời kể thật thà chất phác ấy.

Khi đọc Sư tử hồng đại kinh, ta cảm thấy rùng mình, lông tóc dựng ngược như được nghe chính kim khẩu của đức Từ phụ kể lại những khổ hạnh Ngài đã trải qua trên đường tìm chân lý: "Trên thân ta, bụi bặm chất đầy trái nhiều năm tháng, đóng thành tảng, thành miếng... Này Sàriputta, như thế này là sự cô độc của ta: Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại đây. Khi ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Ta nghĩ rằng, mong chúng đừng thấy ta, và mong ta đừng

thấy chúng... Khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, ta ăn phân những con bò con. Khi nước tiểu và phân của ta còn lại, ta tự nuôi sống với những loại ấy... Trong những đêm đông lạnh lẽo, mùa tuyết rơi, ta sống giữa trời vào ban đêm, và ban ngày thì sống trong khu rừng rậm rạp... Ta nằm ngủ trên bãi tha ma, dựa trên một bộ xương... Những đũa mực đồng khắc nhỏ trên ta, rắc bụi trên ta, và lấy que đâm lỗ tai, và ta biết ta không khởi ác tâm đối với chúng...

Vì ta ăn quá ít, tay chân ta trở thành như những cọng cỏ hay những đọt cay leo khô héo... Vì ta ăn quá ít, các đốt xương sống của ta phồng bành như một chuỗi bánh. Vì ta ăn quá ít, các xương sườn của ta gãy mòn như rui cột một sàn nhà hư nát. Vì ta ăn quá ít, con người của ta nằm sâu thẳm trong lỗ mắt, như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong giếng nước thẳm sâu..."

Có khi chúng ta như được trông thấy thanh niên Bà la môn rón rén đi đến tịnh thất của đức Phật, gõ nhẹ vào cửa. Đức Thế Tôn ra mở chốt. Quang cảnh thanh bình, an tĩnh, trong sáng, chan hòa mạch sống tâm linh ở thánh địa Cấp Cô Độc ngày xưa như hiện rõ trước mắt ta, và hình ảnh đức Từ Tôn trở nên vô cùng linh động. Chỉ ở đây, chúng ta mới bắt gặp hình ảnh đức Thế Tôn như một Con Người, nghĩa là rất gần gũi, và do đó, càng thêm đáng kính đáng yêu. Chúng ta như được thấy tôn giả Nàgasamàla đang đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài (Sư tử hồng đại kinh). Trong khi bàn về hạnh phúc của sự độc cư, chúng ta được nghe Ngài hồn nhiên tâm sự với thị giả Nàgita rằng Ngài cảm thấy thoải mái ngay cả khi đại tiểu tiện mà không thấy có người nào ở trước mặt hay sau lưng.

Đọc kinh Xa đầu tụ lạc, chúng ta được mục kích quang cảnh rộn rịp ở rừng cây Kha lưu lạc, khi hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dẫn về 500 đệ tử để yết kiến đức Thế Tôn. Vì mới xuất gia chưa thuần thực uy nghi cửa thiền, nên các vị đệ tử này gây nhiều tiếng động khi đặt y bát và xếp dọn chỗ nghỉ dưới những gốc cây. Từ thảo am, đức Thế Tôn nghe ồn ào bèn hỏi thị giả A Nan đứng một bên:

- Này A Nan, các tiếng ồn ào kia là tiếng gì, giống như tiếng hàng cá tranh giành cá với nhau?

A Nan trình bày sự việc. Đức Phật quở trách và bảo A Nan ra đuổi 500 vị tân tỳ kheo đi chỗ khác:

- Hãy đi đi, này các tỳ kheo. Ta đuổi các người. Các người chớ có ở gần ta.

Chúng ta như thấy được vẻ tiu nghỉu buồn sầu của những vị ấy khi cuốn gói ra đi. Và chúng ta thích thú hình dung dáng điệu từ ái của đấng Cha lành khi Ngài gọi lại hai vị đại đệ tử thân yêu để hỏi xem hai vị đã nghĩ gì khi Ngài đuổi 500 đệ tử mà họ dẫn về. Tôn giả Sàriputta thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng từ nay Thế Tôn được ít bận rộn và chúng con cũng ít bận rộn.

Tôn giả Mục Kiền Liên thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng từ nay Thế Tôn sẽ ít bận rộn, nhưng chính con và tôn giả Xá Lợi Phất nên đảm đương việc lãnh đạo chúng tỳ kheo ấy.

Đức Phật quở Xá Lợi Phất và khen Mục Kiền Liên, vì tôn giả có tinh thần trách nhiệm, biết lo tiếp dẫn hậu lai.



NI TRƯỞNG THÍCH NỮ TRÍ HẢI
(1938—2003)

Một lần nữa, chúng ta lại được chiêm ngưỡng đức độ vị Thánh đệ tử khả ái, khả kính, được Đại thừa giáo tôn xưng là bậc đại Bồ tát về hiếu hạnh. Nhờ Ngài mà ngày nay Phật tử chúng ta biết đến lễ Vu Lan báo đền ân đức cha mẹ hiện tại và bày đời qua. Nhưng đồng thời ta cũng khâm phục hạnh giải thoát của tôn giả Xá Lợi Phất, điển hình của Thanh Văn hạnh. Ngài không lưu tâm khi những tỳ kheo bị Phật đuổi ấy là chính do mình dẫn về. Nếu là một người còn ngã chấp, thì dĩ nhiên phải sanh tâm buồn bực.

Đọc Trung bộ kinh chúng ta có được một đường lối tu hành cụ thể như một bản đồ chỉ rõ chi tiết, đưa ta đến thành Niết bàn, cứu cánh của phạm hạnh. Mặc dù bản thân ngài đã trải qua những khổ hạnh cực kỳ khốc liệt trên đường tìm chân lý, đức Phật không bao giờ khuyên chúng ta nên ép xác khổ hạnh. Trung bộ kinh trình bày một lối giáo dục đầy tình người, thực tế, thuận nhân tính. Đối với đệ tử nào tánh nhiễu tham dục, Ngài khuyên đừng ăn ngon mặc đẹp, có thị giả dung mạo khả ái, vì dễ động lòng tham. Trái lại, đối với đệ tử nào tánh nhiễu sân, nóng tánh, đức Phật dạy nên cho vị ấy ăn ngon mặc đẹp, người hầu cận vị ấy phải có mặt mỉm cười vẻ dễ coi, để khỏi kích động tánh sân. Vị đệ tử nào nặng nề si chấp, Ngài khuyên nên cho vị ấy ở chỗ thoáng khí, nhìn ra một khung cảnh trời đất bao la để cõi lòng họ cũng dễ mở rộng.

Kinh Nhất thiết lậu hoặc (Trung Bộ Kinh 1) dạy cho chúng ta nhiều lối đối trị những lậu hoặc, hay phiền não đau khổ, phát sinh từ nhiều nguyên nhân trên con đường tu tập. Những lời dạy của đức Phật ở đây rất hợp lý, hợp tình, và là bài học quý giá cho những người có khuynh hướng quá khích. Khi đối chúng ta nên ăn, vì đói là một nỗi khổ cụ thể, từ đó lậu hoặc dễ phát sinh (nghèo đói dễ sinh ra nhiều thói tệ). Điều cốt yếu là nên ăn cách thế nào vừa đủ để diệt trừ cảm thọ đói khổ mà không phát sinh cảm thọ mới là tham ăn ưa vị ngon vật lạ. Về nghỉ ngơi, y phục, chỗ ở và những vật dụng cần thiết khác trong đời sống cũng vậy. Đó là những lậu hoặc cần đoạn trừ bằng cách thọ dụng liên hệ đến cách tu thân, gặp thuận cảnh không tham đắm. Đức Phật dạy, vị tỳ kheo thọ dụng đồ ăn, thức



Siêu Xuất Tự Tại

Biển Trí mênh mông rang ngời Tuệ giác Văn Thù

Mắt Từ với vợ chan rưới Bi nguyện Quán Âm

Vào-ra tự tại, hễ chi lửa hừng ba cõi

Long Nữ hiện thân, trời người cung kính nghiêng mình.

Bút sơn chấm phá: đường bay hạc trắng

Vườn tuệ thơm hương: đàm hoa mở cánh chơn thường

Chớp mắt phủ tay - trần gian huyền mộng hiển lộ Như Lai thực tướng

Vẫn đi vẫn về con đường siêu tuyệt Bất-nhã Ba-la...

VĨNH HẢO

(bài đăng Kỷ Yếu Tưởng Niệm Ni Sư Thích Nữ Trí Hải)



uống do thí chủ cúng dường không nên ham hố, làm mất tâm tín của họ, nên sử xử như ong hút mật hoa, không làm tổn hại đến hương sắc. Lại có những nổi khổ mà vị tỷ kheo cần phải đối trị bằng cách kham nhẫn, như khi đói mà không ai cho đồ ăn, rét mà không có đồ mặc, kham nhẫn lạnh nóng, đói khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng mặt trời, những loài bò sát, kham nhẫn lời mạ lỵ, hủy báng, kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người, (Kinh Nhất thiết lậu hoặc). Đó là những lậu hoặc do kham nhẫn mà đoạn trừ, liên hệ đến cách tu tâm của vị tỷ kheo: gặp gian khổ không giao động. Nhưng đây không phải là một lối khổ hạnh cố ý mà chỉ là bất đắc dĩ. Một lời khuyên thực tế của đức Phật cho các tỷ kheo là không nên cư trú những nơi khất thực khó khăn, bốn sự cần dùng là y phục, thực phẩm, dược phẩm và những tiện nghi cư trú (sàng tòa) khó kiếm. Đức Phật lại còn cẩn thận như một vị cha lành khuyên bảo đàn con thơ dại, Ngài dạy chúng ta không nên tới gần những nơi nguy hiểm, những vật nguy hiểm có thể nguy hại đến bản thân: "Này các vị tỷ kheo, ở đây vị tỷ kheo chân chánh giác sát để tránh né voi dữ, ngựa dữ, tránh né bò dữ, chó dữ, rắn dữ, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước dơ, hố rác, chỗ ngồi không xứng đáng... tránh những trú xứ không nên lai vãng (có thể chuốc lấy hiểm nghi của kẻ khác) tránh giao du những bạn bè ác độc." (Kinh Nhất thiết lậu hoặc). Đây là đoạn trừ lậu hoặc bằng cách tránh né.

Nhưng lại còn có những lậu hoặc vi tế sâu xa hơn, vị tỷ kheo cần phải quán sát một cách chân chánh, không tự dối mình, để diệt trừ ngay khi vừa móng tâm động niệm: đó là những tư tưởng nhiễm ô vì dục ái, tham sân, những tư tưởng hại mình, hại người, hại cả hai, những ác bất thiện pháp. Đây là những lậu hoặc phải được đoạn trừ bằng cách tận diệt. Tư tưởng là nguồn gốc của mọi sự, nên điều cần yếu là tỷ kheo phải biết phân biệt những pháp nào đáng tư niệm, những pháp nào không đáng tư niệm (suy tư nghiền ngẫm) để tránh khổ cho tâm, cũng như phân biệt món nào nên ăn, món nào không nên ăn để tránh khổ cho thân. Đức Phật dạy những pháp đáng tư niệm là những pháp nào mà khi tư niệm đến chúng thì dục lậu (tức là sự tham đắm đối với năm dục tưởng dường nghĩa là những thứ có tác dụng tăng ham muốn vật chất: sắc, thanh, hương, vị, xúc) chưa sanh không sanh khởi, và những dục lậu đã sanh khởi được trừ diệt. Đối với hữu lậu (sự tham đắm cõi sắc và vô sắc nơi các người tu thiền) và vô minh lậu (không liễu tri Bốn Diệu đế, hay không có chánh biến tri), cũng vậy. Còn những việc không đáng tư niệm là những việc nào mà khi tư niệm đến thì làm cho dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh nay sanh khởi, và những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu sanh rồi nay tăng trưởng. Đây là sự đoạn trừ lậu hoặc bằng chánh tri kiến. (Kinh Nhất thiết lậu hoặc).

Khi dạy về sự phòng hộ sáu căn tiếp xúc sáu trần làm sao để khỏi khởi lên dục ái, đức Phật đã bị một số Sa môn, Bà la môn lên án là kẻ phá hoại sự sống. Đó cũng là quan niệm thông thường của người thế tục ngày nay và muôn thuở. Đối với họ, đi tu là một sự đầy dọa thân xác, đại đột, tu là hết sống, và sống đối với họ chỉ có nghĩa là

thụ hưởng thật đầy đủ năm dục trường dưỡng đối với sắc thanh hương vị xúc. Dù phải vì những thứ ấy mà họ phải chịu muôn sầu nghìn khổ, con người cũng sẵn sàng lao mình vào đấy như con thiêu thân lao vào ngọn lửa. Phật lấy ví dụ một người tử tội vì ham năm giọt mật mà quên đi cái hiểm họa của hố sâu, rắn độc, voi dữ. Xét sâu vào bản chất của ngũ dục, ta thấy tiềm ẩn một cội nguồn đau khổ rất vi tế mà đức Phật, như một nhà phân tích tâm lý tuyệt luân, đã thám hiểm đến tận ngọn nguồn lạch sông. Chạy trốn vào dục ái là một trong những phương pháp con người thường dùng để giải quyết nỗi sầu ngũ uẩn, để khóa lấp cái tế nhị, vô vị của kiếp nhân sinh nặng nề: Ta có thể thấy rõ hiện tượng này qua các trào lưu hiện sinh, con đề của nền triết lý phi lý (philosophie de l'absurde). Đức Phật xem dục lạc như là một giải pháp tạm bợ đối với người bệnh hoạn, trong khi bản chất của nó chính thật là khổ. Như đối với một người bệnh cùi, cơ thể lở loét, trong khi cơn bệnh hoành hành, người ấy dùng móng tay cào rách miệng cho vết thương rồi hơ chúng lên hồ than hồng để cảm thấy đã ngứa, dễ chịu. Vết thương, hồ than hồng tự chúng không phải là thuốc mà trái lại, bản chất là thống khổ. Cho nên đối với người không bệnh hay đối với người cùi khi khỏi bệnh, chúng không ham muốn, ao ước được như người cùi kia để có cái khoái cảm của sự đã ngứa, cũng không ao ước có những vết thương hay hồ than hồng mà bản chất là thống khổ. Vì càng tìm quên, càng chạy trốn vào dục lạc thì nỗi sầu khổ của con người chỉ càng tăng thêm, không với bớt được, như một kẻ đã khát nước mà còn ăn thêm muối vào. Những người tìm quên trong men rượu thường phải đau khổ thấy rằng "đất trời nghiêng ngửa, mà thành sầu không sụp đổ" (Vũ Hoàng Chương). Đối với người đã giải thoát thì năm dục như bệnh khổ, như cục bướu, như mũi tên, như vết thương, như hồ than hồng (Kinh Ma Kiên Đề, Trung Bộ Kinh II).

Đức Phật không phủ nhận có lạc thọ trong đời sống tại gia, cũng như có lạc thọ cho người xuất gia; có hạnh phúc do tiền tài sắc đẹp, danh vọng đem lại, nhưng cũng có hạnh phúc do đời sống giải thoát xuất trần. Nhưng trong mỗi thứ cảm thọ ấy, đức Phật khuyên chúng ta nên phân tích, hiểu rõ ba điều: vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly. Khi mắt tiếp xúc sắc đẹp, ta cảm thấy dễ chịu, đó là vị ngọt của sắc khiến ta phát sinh lòng ham muốn đối với nó. Nhưng khi ham muốn ấy suy yếu, nghĩa là khi hết ham, hoặc khi nó bị cản trở, thì đấy là sự nguy hiểm của sắc, vì nó làm chúng ta đau khổ. Nếu khi tiếp xúc với sắc pháp, chúng ta biết rõ nó là vô thường nên không phát sinh ưa muốn, thì đấy là sự xuất ly đối với sắc. Ví dụ một người thấy người khác mặt mũi xinh đẹp, càng nhìn càng ưa, đấy là thấy vị ngọt của sắc. Nếu chưa học Pháp, người ấy đi từ sự ưa thích đến ái luyến, mong chiếm hữu làm của riêng mình mà không được nên sinh ra sầu khổ cay đắng ê chề khi thấy sắc đẹp kia ngoài tầm mình với tới: đó là nguy hiểm của sắc. Phạm phu là vậy, chỉ có đi từ vị ngọt đến nguy hiểm vì không biết có một con đường thứ ba. Nếu có học Pháp, người ấy sẽ nghiền ngẫm chân lý Phật dạy: sắc là vô thường, luôn luôn biến đổi để đi đến hủy diệt. Lại nữa sắc chỉ là thứ ngoài da, còn tính xấu nằm trong xương tủy; ham cái vẻ ngoài của một người khi chưa biết gì đến những

DƯ' ÂM TỪ' CÔI ĐI VỀ

Thảo Lư (Tuệ Uyển)

(tưởng niệm Cố Ni trưởng Thích Nữ Trí Hải, viên tịch ngày 14.11.2003)



Cảm xúc và kính ngưỡng. Đó nào phải là nỗi niềm của riêng ai. Tâm trạng này còn sâu xa hơn cả sự bàng hoàng khi nghe tin Sư viên tịch bất ngờ vào một buổi chiều cuối đông. Chứng kiến buổi lễ đi quan đầy trang nghiêm và nhiều ý vị của một bậc tôn đức Ni, tôi bỗng nghiệm ra rằng, như nhiều người trước tôi đã nói, trong vô thường vẫn hiển hiện chơn thường.

Cho đến những giây phút cuối đời... mọi người vẫn nghĩ đến Sư bằng tấm lòng kính tin ngưỡng mộ. Dư âm về tài trí và đức độ của người như một ngôi sao luôn tỏa sáng. Trong cõi tạm đi-về, Sư đã trang trải cho đời biết bao nhiêu ý nghĩa thiết thực về đời sống chơn tu thực học, về giá trị làm người nơi cõi thế. Những chuyện hi nộ ái ố có chẳng đối với Sư chỉ là cơn gió thoảng, hun đúc thêm ý chí và nguyện lực hoằng dương chánh đạo.

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam vừa mới bầu lại Hội đồng Điều hành. Đó là ý nguyện thiết thực của chư vị tôn túc trong công cuộc chấn hưng và truyền lưu Tam Tạng pháp điển. Ni trưởng được ủy nhiệm vào chức vụ Phó Viện Trưởng. Một điều mà từ rất lâu hàng Tăng Ni Phật tử vẫn hằng ước mơ và trông đợi. Dù không nói ra nhưng trong tâm ý của mọi người đều hướng về Sư, là người sẽ tạo tiền đề cho Ni giới và cả giới học giả về vấn đề sáng tác và phiên dịch kinh điển sau này. Thế mà... bao ước mơ còn đó mà người đã ra đi. Dầu biết định luật vô thường và nghiệp báo trả vay của kiếp nhân sinh không phân biệt một ai, nhưng đi giữa rừng người và rừng hoa đua tiển, tôi mới cảm nhận hết sự tiếc thương của lòng người quả là sâu đậm.

Thật không quá lời khi trong các bài văn tưởng niệm đều không ngớt ca tụng Sư là một ngôi sao sáng trên nền trời văn học Phật giáo. Những tác phẩm do người biên soạn và dịch thuật, những bài học giáo lý mà người truyền dạy cho lớp Ni trẻ luôn mang đậm một sắc thái riêng, sâu xa mà ý nhị, dung hòa cả thế đạo tình đời.

Ngôi sao sáng chợt vụt tắt. Từ đây đạo pháp mất đi một vị chân tài và Ni giới mất đi một bậc trưởng thượng khả kính. Biết bao văn thơ tưởng niệm ngậm ngùi, những lời văn ai điều làm xao xuyến lòng người ở lại. Tất cả là dòng dư âm bất tuyệt, là lời đối ẩm tạ từ giữa người đi kẻ ở. Nơi trần thế đã cách biệt thì cõi Tịnh giới sẽ mãi chung lối về. Dư âm về người là đời sống thanh cao thoát tục, là hạnh nguyện vị tha, là quá trình sáng tạo không ngừng nghỉ. Sư ra đi mang theo nhiều tâm nguyện còn dang dở. Nhưng người chắc cũng yên lòng và thanh thản với những gì mình đã cống hiến, và luôn kỳ vọng vào tiền đồ của đạo pháp ngày mai.

Một vị sao rơi là để cho ngàn vì sao khác tiếp tục được tỏa sáng. Một người ra đi, dư âm còn để lại sẽ chấp cánh cho cho nhiều thế hệ đời sau tiếp bước. Một bài thơ, một câu văn là tất cả tấm lòng xin kính cẩn dâng lên người, và đây cũng là lời để tự nhủ nhủ với lòng mình "Hãy sống bằng trái tim yêu thương rộng mở, bằng lý trí hạnh nguyện của một hành giả Như lai trong sự nghiệp hoằng hóa lợi tha."

Không gian và dòng người cứ mãi hòa quyện trong mệnh mệnh cuộc sống. Một đóa hoa Vô Ưu bỗng vươn lên tỏa ngát hương lành. Như lời người xưa thường nói: "Hữu xạ tự nhiên hương". Mỗi cuộc hành trình đều có chơn giá trị của nó, dù không phô bày mà từ nơi chốn đi về vẫn rạng ngời sâu thẳm.

(Bài đăng Kỳ Yếu Tưởng Niệm Ni trưởng Thích Nữ Trí Hải)

thói xấu nết tốt của họ là một điều nguy hiểm. Thấy vậy bèn hết mê đắm; mặc dù vẫn còn thấy đẹp nhưng hết ham, không đến nỗi chết mê mệt vì sắc, chỉ nhìn mọi vẻ đẹp như nhìn cái rỗng cầu vồng: đấy gọi là xuất ly.

Đối với người xuất gia, vị ngọt của cảm thọ là "vô hại tầm" ở cảnh giới sơ thiền, một trạng thái hỉ lạc do ly dục sanh, không còn tâm sân hận. "Này các tỷ kheo, trong khi vị tỷ kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú sơ thiền, có tầm có tứ, trong khi ấy, vị này không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai... vị ấy cảm thọ một cảm thọ vô hại. Này các tỷ kheo, tối thượng vô hại ấy ta nói là vị ngọt của cảm thọ (Kinh Đại khổ uẩn 13, Trung Bộ Kinh I). Sự nguy hiểm của cảm thọ là tính vô thường, biến đổi của cái cảm thọ vô hại này. Mặc dù cảm thọ vô hại là một hạnh phúc tối thượng so với dục lạc thế gian, nhưng nó cũng ở trong khổ uẩn vì vẫn còn chịu sự chi phối của vô thường, biến dịch. Do đó, sự xuất ly cũng cần thiết: ấy là không tham đắm, chấp trước cảm thọ ấy. Chính vì tham

đắm vị ngọt của thiền lạc mà người tu thiền không thể tiến thêm, bị lạc vào hóa thành, một niết bàn giả tưởng. Quá trình tu tập là một quá trình giảm trừ đến chỗ cứu cánh: lên đến tứ thiền, thì cả tầm, tứ, hỉ, lạc đều bỏ, chỉ còn lại xả niệm thanh tịnh.

Ở một kinh khác, kinh Sở hãi và khiếp đảm (Trung Bộ Kinh I) chúng ta được nghe đức Phật trình bày rất ráo nguyên nhân nỗi sợ hãi âm thầm đè nặng trên tâm thức con người muôn thuở. Chúng ta sợ đủ thứ: sợ chết, sợ khổ khổ, sợ đói rét, sợ uy quyền, sợ cô độc, sợ bị chê bai chỉ trích, và trên tất cả, hình như chúng ta rất sợ sự thật. Vì sợ hãi chúng ta lao mình vào công việc làm ăn, vào các thú tiêu khiển, lập gia đình, gia nhập các đoàn thể, nỗ lực tạo mãi tiền của, danh vọng, tri thức, tài khéo, cốt làm sao để chứng minh mình không phải là một con số không dưới mắt mọi người và nhất là dưới mắt mình. Nhưng cảm giác khó chịu về số không vẫn còn mãi

(xem tiếp trang 14)

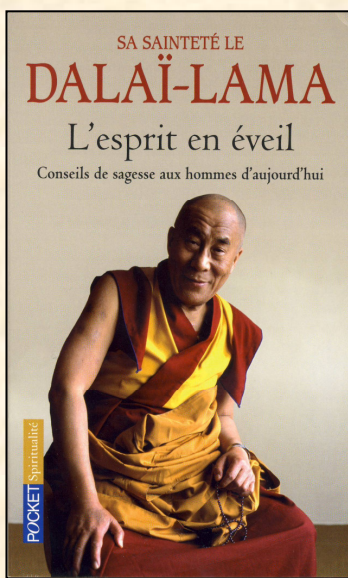


TÌM HIỂU TÁNH KHÔNG

Đức Đạt-Lai Lạt-Ma

Hoang Phong chuyển ngữ

Lời giới thiệu: Bài chuyển ngữ dưới đây trích từ một quyển sách của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma mang tựa đề "Tâm Thức Giác Ngộ, Những lời khuyên Trí tuệ cho con người ngày nay" (*L'Esprit en Eveil, Conseils de Sagesse aux hommes d'aujourd'hui*, nxb Presses du Chatelet, 2009. Phiên bản tiếng Anh: *In My Own Words*, nxb Hay House, 2008). Phần chuyển ngữ gồm toàn bộ một chương ngắn (chương 10, tr. 141-151) nêu lên một trong các khái niệm đặc thù và quan trọng nhất của Phật giáo, đó là khái niệm về Tánh Không (*Sunyata - Vacuité - Emptiness*).



Khoa học là sự hiểu biết về thế giới hiện tượng bên ngoài và các ứng dụng của sự hiểu biết ấy. Đây là cách định nghĩa của khoa học ngày nay. Thế nhưng cũng có một lãnh vực hiểu biết khác, thiết lập trên nguyên tắc tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu khác, đặc biệt liên hệ đến các hiện tượng bên trong (*tức nội tâm*), và được ứng dụng vào các hiện tượng như tri thức hay tâm thức chẳng hạn. Cả hai khoa nghiên cứu trên đây đều nhằm vào một mục đích chung là làm thế nào để mang lại sự toại nguyện và niềm hạnh phúc cho con người, và đây cũng là những mối bận tâm sâu xa nhất của họ. Đối tượng và phương pháp của cả hai ngành nghiên cứu đó đều do chính con người sáng tạo, do đó chúng nhất thiết trực tiếp liên hệ đến họ. Một khoa học gia nghiên cứu các hiện tượng bên ngoài cũng không khác gì với hình ảnh của một người đang mưu cầu hạnh phúc, vì tri thức cũng liên hệ mật thiết đến họ, dù cho họ có thành thạo trong lãnh vực này hay không. Ngược lại, bất cứ một người nào khi hướng về lãnh vực tâm linh và hằng quan tâm đến tri thức hoặc thiền định, thì nhất định sớm muộn gì cũng phải đối đầu với lãnh vực vật chất (*có nghĩa là mặc dù chỉ quan tâm đến các hiện tượng nội tâm thế nhưng trên thực tế cũng không thể gạt sang một bên sự tìm hiểu*

lãnh vực vật chất). Giữa hai phương pháp tiếp cận đó (*đối với tâm linh và vật chất*), không có một phương pháp nào có thể gọi là hoàn toàn để có thể đứng vững một mình. Nếu như một trong hai phương pháp có thể đứng vững một cách độc lập được, thì nào có cần đến sự hỗ trợ của phương pháp kia.

Tính cách ngẫu biến của các hiện tượng

Nền tảng triết học hay cách nhìn của Phật giáo đối với các hiện tượng đều hướng vào tính cách ngẫu biến (*hay ngẫu nhiên, bất định, bất ngờ... contingency*) của chúng. Đề cập đến khái niệm ngẫu biến của mọi hiện tượng cũng có nghĩa là nêu lên tính cách tương liên và tương kết giữa mọi vật thể (*interdependence*), tức sự hiện hữu của chúng nhất thiết phải lệ thuộc vào một thứ gì khác. Đối với một hiện tượng vật chất, người ta có thể xác định là nó hiện hữu nhờ vào các thành phần cấu tạo ra nó, đối với một hiện tượng cấu hợp phi-vật-chất thì sự hiện hữu của nó được chỉ định hoặc bởi chính tính cách liên tục của nó, hoặc bởi một thể dạng nào đó của sự liên tục ấy (*thí dụ một hiện tượng tâm thần luôn liên hệ đến sự liên tục của nó đối với thời gian hoặc những thể dạng hiển lộ hay biểu lộ của nó trên dòng liên tục ấy*). Vì thế, các hiện tượng dù thuộc bên trong (*tức tâm thần*) hoặc bên ngoài (*tức vật chất*) thì trong bất cứ trường hợp nào chúng cũng không thể hiện hữu độc lập với các thành phần (*đối với các hiện tượng vật chất*) hay các thể dạng hiển hiện của chúng (*đối với các hiện tượng tâm thần*).

Đối với bất cứ một hiện tượng nào, dù có cố sức tìm đủ mọi cách để xác định sự hiện hữu của chúng, thì ta cũng không thể phát hiện được bất cứ một dấu vết nhỏ nhoi nào chứng minh cho tính cách xác thực của sự hiện hữu ấy - tức là không có một mảnh vụn nhỏ nhoi nào của bất cứ một thứ gì để có thể dùng ngón tay mà trở vào đây hầu chứng minh sự hiện hữu của một hiện tượng -, vì thế ta có thể kết luận rằng một hiện tượng nhất thiết chỉ hiện hữu qua sự phỏng đoán của tâm thức (*đây là một nguyên tắc khá quan trọng cần ghi nhớ, vì nó sẽ giúp theo dõi cách phủ nhận sự hiện hữu của "cái ngã" được trình bày trong các phần dưới đây*).

Mọi hiện tượng không hàm chứa bất cứ một sự hiện thực độc lập nào bên ngoài tâm thức đứng ra để phỏng đoán về sự hiện hữu của chúng (*tức là mọi hiện tượng chỉ hiện hữu qua sự phỏng đoán của tâm thức*), do đó *tánh không* (*vacuité, emptiness*) có nghĩa là không có bất cứ một sự hiện hữu tự chủ nào bên ngoài sự phỏng đoán của tâm thức. Vì lý do sự hiện hữu của các vật thể không mang tính cách tự phát (*tự nhiên, tự tác tạo hay tự hình thành...*) mà luôn luôn phải lệ thuộc vào vô số điều kiện, và mỗi khi các điều kiện thay đổi thì các vật thể cũng

biến đổi theo. Do đó các hiện tượng chỉ hiển hiện tùy thuộc vào một số điều kiện nào đó, và đồng thời cũng tùy thuộc vào một số điều kiện khác để chấm dứt và không còn hiện hữu nữa. Thế nhưng chính sự vắng mặt đó của mọi sự hiện hữu tự tại, không lệ thuộc vào bất cứ một nguyên nhân hay điều kiện nào, lại là cơ sở giúp cho các hiện tượng có thể biến đổi được, chẳng hạn như sự hiện hiện hay sự đình chỉ của nó, v.v... (*nhờ vào tánh không tức sự vắng mặt của mọi sự hiện hữu nội tại nên các hiện tượng mới có thể biến đổi được, có nghĩa là nếu một hiện tượng hàm chứa một sự hiện hữu tự tại, bất biến và trường tồn thì nó không còn khả năng nào để biến đổi được nữa*).

Thiết nghĩ cũng nên so sánh giữa sự giải thích khoa học về vai trò của một chủ thể đứng ra quan sát tức là người "tham dự" (*tức nhà khoa học đứng ra quan sát*) và quan điểm của Phật giáo theo đó các hiện tượng quan sát không những đơn thuần chỉ là những hình ảnh tâm thần, những phóng ảnh hay sự quán thấy của tâm thức, mà chúng không thể nào hiện hữu bên ngoài tâm thức được, (*câu này có nghĩa là những gì do một khoa học gia quan sát hay mô tả lệ thuộc vào chủ thể tức là nhà khoa học, những gì do tâm thức quán nhận nhất thiết là những hình ảnh tâm thần và bắt buộc phải lệ thuộc vào tâm thức và không thể hiện hữu bên ngoài tâm thức được*). Tâm thức và vật chất là hai thứ khác nhau, tâm thức giữ vai trò nắm bắt và chỉ định vật chất bằng một tên gọi. Điều đó có nghĩa là đối với tất cả mọi hiện tượng và không có một ngoại lệ nào, và dù cho chúng chỉ là những tạo tác hay những biểu lộ đơn thuần của tâm thức và không hàm chứa một thực thể riêng biệt nào, thì nhất thiết phương cách hiện hữu của chúng cũng đều bắt buộc phải lệ thuộc vào sự vận hành tối hậu của tâm thức, giúp cho tâm thức phỏng đoán ra sự hiện hữu của chúng. Vì thế nên người ta cũng có thể gọi tâm thức là một thứ "chủ thể phỏng đoán". Tóm lại phương cách hiện hữu của mọi hiện tượng cũng hoàn toàn khác biệt với "chủ thể phỏng đoán" giữ vai trò phỏng đoán ra chúng, thế nhưng đồng thời thì sự hiện hữu của chúng cũng lại trực tiếp lệ thuộc vào chính "chủ thể (đã) phỏng đoán" ra chúng. Tôi có cảm giác là quan điểm ấy có thể xem như tương đồng với những gì do khoa khọc giải thích liên hệ đến chủ thể quan sát (*tức khoa học gia*). Mặc dù có sự khác biệt trên phương diện thuật ngữ, thế nhưng thật rõ ràng là có một sự trùng hợp trên phương diện ý nghĩa.

Bản chất đích thật của mọi hiện tượng

Thoạt nhìn thì các khái niệm về sự ngẫu biến và tánh không được trình bày trên đây có vẻ như hoàn toàn mâu thuẫn với nhau. Thế nhưng, nếu phân tích sâu xa hơn thì người ta cũng sẽ hiểu rằng các hiện tượng đều hiển hiện hay hiện hữu trong một khung cảnh hoàn toàn lệ thuộc vào nhau, và chính vì sự hiện hữu lệ thuộc đó mà các hiện tượng từ bản chất đều mang tính cách trống không (*mọi hiện tượng chỉ có thể hiện hữu bằng cách lệ thuộc vào nhau, bên ngoài sự lệ thuộc đó ra thì sẽ không có một hiện tượng nào có thể hiện hữu hay hiển hiện ra được, đặc tính ấy gọi là tánh không của mọi hiện tượng*). Do đó người ta có thể xác định rằng sự ngẫu biến (*ngẫu nhiên, bất định, bất ngờ - contingency*) và *tánh không* được thiết lập trên một cơ sở duy nhất chung cho nhau, mặc dù chúng cho

thấy hai sắc thái khác nhau (*vừa bất định và biến đổi lại vừa trống không, tức có nghĩa là một hiện tượng luôn bất định nên không để lại "phía sau" một thứ gì cả ngoại trừ sự trống không, do đó ngẫu biến - contingency - và tánh không - emptiness - cũng chỉ là một*). Trên phương diện bề ngoài thì hai bộ mặt đó trái ngược nhau (*trống không và sự kiện bất định hay ngẫu biến*), thế nhưng trên một bình diện sâu xa hơn, cả hai lại tỏ ra ăn khớp và bổ túc cho nhau (*xin nhắc thêm là tánh không chẳng có nghĩa là không có gì hết mà đúng hơn là các hiện tượng luôn bất định và biến động và nhất thiết không hàm chứa một bản chất cố định và bất biến nào, vì thế nên tánh không hay bản chất biến động liên tục ấy của mọi hiện tượng cũng "ăn khớp" hay "trùng hợp" với tính cách ngẫu biến bất định của mọi hiện tượng*). Thế nhưng cũng cần nhắc thêm là sự ngẫu biến đó của mọi hiện tượng cũng phải lệ thuộc vào quy luật tương liên - *interdependence* - tức sự tạo tác do điều kiện mà có hay là lý duyên khởi, và tất nhiên còn phải tuân theo quy luật nguyên nhân hậu quả nữa).

Phương cách theo đó mọi hiện tượng hiển hiện khác hẳn với phương cách mà chúng hiện hữu thật sự. Khi tâm thức nắm bắt phương cách hiển hiện của các hiện tượng (*tức là sự tạo tác do điều kiện mà có*) thì nó cứ nghĩ đây là một sự hiện hữu đích thực để bám chặt vào ý nghĩ ấy hay khái niệm cá biệt ấy, và chính đây là nguyên nhân mang lại sự sai lầm. Vì khái niệm hay ý nghĩ đó hoàn toàn lầm lẫn ngay từ cấp bậc nắm bắt đối tượng, nên được xem là hoàn toàn trái ngược với cách hiện hữu đích thật của hiện tượng, và cả với chính hiện tượng nữa. Sở dĩ có sự lệch lạc hay trái ngược xảy ra giữa "những gì đúng thật" và "những gì hiển hiện" là vì các hiện tượng, tuy trên thực tế hoàn toàn không hàm chứa bất cứ một thực thể cá biệt nào, thế nhưng vẫn hiện ra với một tâm thức bình thường (*tức một tâm thức không quen suy luận về bản chất của hiện thực*) như là hàm chứa một sự hiện hữu tự chủ, mặc dù chúng không hề mang đặc tính ấy (*nói cách khác, tâm thức của một người không tu tập sẽ không quán nhận được bản chất đích thực của mọi hiện tượng và xem những gì hiển hiện ra trước mắt đều "đúng" như thế và "thật" như thế, và tất cả đều hàm chứa một sự "hiện hữu độc lập và tự tại", thế nhưng thật ra thì đây chỉ là những hình ảnh luôn chuyển động và biến đổi tương tự như ảo giác, chúng liên tục hiện ra và mất đi với một tốc độ mau hay chậm mà thôi*).

Cũng thế, trên thực tế tuy rằng các vật thể đều lệ thuộc vào các nguyên nhân (*tạo ra chúng*) và đều mang tính cách vô thường, bất định, luôn gánh chịu sự đổi thay, thế nhưng chúng vẫn hiển hiện ra có vẻ như là trường tồn và bất biến. Vì thế mà một thứ gì đó dù thuộc vào thể loại khổ đau thế nhưng vẫn được xem là một nguồn hạnh phúc (*thí dụ "hạnh phúc lừa dối" mang bản chất lo buồn và kéo theo những khổ đau mênh mông, thế nhưng vẫn được xem là một nguồn hạnh phúc*), hoặc một thứ gì đó trên thực tế là sai, thế nhưng vẫn hiển hiện ra như là đúng thật (*thí dụ thấy có một lớp nước trên mặt đường dưới sức nóng của ánh nắng mặt trời*). Sự mâu thuẫn giữa phương cách hiện hữu và phương cách hiển hiện của mọi hiện tượng thường là một chủ đề suy tư mang lại nhiều sự quán xét thật tinh vi. Sự mâu thuẫn giữa "những gì đúng thật"



và "những gì hiển hiện" thường tạo ra đủ mọi thứ sai lầm. Thật ra thì những gì vừa được trình bày trên đây cũng hết sức gần với khái niệm về sự khác biệt giữa phương cách hiển hiện và sự hiện hữu của một số hiện tượng mà các khoa học gia từng nêu lên (*thí dụ bản chất của ánh sáng là năng lượng, thể nhưng hình thức năng lượng đó có thể hiển hiện dưới dạng các hạt ánh sáng gọi là foton hoặc dưới dạng các làn sóng, và tùy theo các tầng số khác nhau mà các làn sóng mang các màu sắc khác nhau. Bản chất của mọi hiện tượng là tánh không, thể nhưng từ bản chất tánh không đó đã phát sinh và hình thành đủ mọi thể dạng chuyển động và bất định để tạo ra cả một thế giới vô thường chung quanh chúng ta, trong đó kể cả tư duy và xúc cảm thuộc vào nội tâm của chúng ta nữa*).

Một cách tổng quát, khi đã thấu triệt được ý nghĩa của tánh không và sự bất định (*contingency*) của mọi hiện tượng là gì thì lại càng khiến chúng ta tin tưởng vững chắc hơn vào quy luật nguyên nhân hậu quả. Theo quy luật đó các nguyên nhân và điều kiện khác nhau sẽ mang lại các hậu quả, có thể là tích cực hay tiêu cực, thể nhưng luôn luôn tương quan với chúng. Nhờ sự hiểu biết đó chúng ta sẽ biết quan tâm hơn đến các nguyên nhân và ý thức hơn đến tính cách đa dạng của các điều kiện khác nhau. Nếu chúng ta đạt được một sự hiểu biết đúng đắn về tánh không hoặc đã quen thuộc với sự quán nhận về khái niệm đó, thì chúng ta sẽ tránh bớt được những thể dạng méo mó tâm thần, chẳng hạn như sự bám víu, hận thù, v.v..., sớ dĩ những thể dạng lệch lạc đó có thể xảy ra là vì sự quán nhận của chúng sai lầm - sai lầm ở đây có nghĩa là không phân biệt được một cách minh bạch sự khác biệt giữa "những gì đúng thật" và "những gì hiển hiện". Thí dụ, khi quan sát một vật thể nào đó, nhờ kinh nghiệm chúng ta có thể nhận thấy các cảm nhận của mình thay đổi tùy theo tình trạng tâm thức của mình trong lúc đó (*thí dụ trước một vật thể, một con người hay một bối cảnh nào đó, chúng ta phát lộ những xúc cảm khác nhau tùy theo tâm thức của mình lúc đó đang vui hay đang buồn, đang lo nghĩ*

hay thành thối). Mặc dù đối tượng quan sát lúc nào cũng là một, thể nhưng nếu tâm thức đang trong trạng thái bình lặng thì phản ứng của mình cũng sẽ kém mãnh liệt hơn so với lúc tâm thức đang bị tràn ngập bởi những cảm xúc thật mạnh, chẳng hạn như sự giận dữ. Phương cách hiện hữu đích thật của mọi hiện tượng, hay nói một cách tổng quát hơn là nguyên tắc của sự hiện hữu, tất cả đều là tánh không. Nếu đã hiểu được điều đó thì sau này mỗi khi nhận thấy tính cách mâu thuẫn của các thể dạng bên ngoài nơi mọi hiện tượng, thì khắc ta cũng sẽ nhận thấy ngay sự sai lầm của mình trong cách quán nhận lệch lạc về các thể dạng đó. Kết quả mang lại là tất cả những méo mó ảnh hưởng đến tâm thức của mình, chẳng hạn như hận thù, bám víu, v.v..., phát sinh từ khái niệm lầm lẫn trên đây và từ những ảo giác do bản chất mâu thuẫn của mọi hiện tượng tạo ra, sẽ mất đi sức tác động của chúng.

Người ta có thể nêu lên thắc mắc sau đây: các cường độ khác nhau của tri thức (*consciousness*) hay tâm thức (*spirit*) phát sinh khi chúng nắm bắt một đối tượng (*phản ứng mạnh hay yếu của tri thức hay tâm thức trước một đối tượng quan sát*), sẽ xảy ra như thế nào? Sớ dĩ các cấp bậc nắm bắt của tri thức mang nhiều cường độ khác nhau là vì chúng tương quan với các cấp bậc tinh tế khác nhau của năng lượng nội tâm kích động tri thức hướng vào đối tượng. Các cấp bậc tinh tế khác nhau cũng như các sức mạnh kích động khác nhau của tri thức làm phát sinh ra tác động hướng tri thức vào đối tượng, sẽ quyết định các cấp bậc nắm bắt khác nhau cho tri thức. Cần phải suy tư về sự liên hệ giữa tri thức nội tâm và thế giới vật chất bên ngoài, vì điều này thật hết sức quan trọng. Nhiều triết gia Đông Phương, nhất là các triết gia Phật giáo, thường nêu lên khái niệm về bốn thành phần: đất, nước, lửa và khí, hoặc nếu kể thêm vào đó thành phần không gian thì tất cả sẽ phải là năm (*Đức Đạt-Lai Lạt-Ma chủ trương phải có năm thành phần, vì phải cần có không gian để chứa đựng và chuyển tải các thành phần kia*). Bốn thành phần căn bản - đất, nước, lửa và khí - phải được hỗ trợ bởi không gian, đó là thành phần giúp cho bốn thành phần căn bản có thể hiện hữu và vận hành. Không

gian - tức không trung hay "ê-te" ("*ether*" - không gian "tinh khiết") - được xem như cơ sở cần thiết giúp cho sự vận hành của tất cả các thành phần khác có thể xảy ra được.

Năm thành phần có thể phân chia thành hai thể loại: năm thành phần thuộc bên ngoài và năm thành phần thuộc bên trong (*thế giới của hiện thực bên ngoài và thế giới nội tâm*), và giữa hai hai thể loại bên ngoài và bên trong ấy luôn luôn có một sự liên kết chặt chẽ. Theo một số kinh sách Phật giáo, chẳng hạn như *Kinh Thời Luân (Kalachakra Tantra)*, thì thành phần không gian hay "ê-te" (*không trung*) không phải là một sự trống không tuyệt đối và không hàm chứa bất cứ một thứ gì cả, mà trái lại không gian được xem là cấu tạo bởi các "hạt vi thể trống không". Các hạt vi thể trống không này làm cơ sở giúp cho sự tiến hóa (*hay hình thành*) cũng như sự tan biến của bốn thành phần kia (*đất, nước, lửa và khí*) có thể xảy ra được. Bốn thành phần này phát xuất từ cơ sở không gian và cũng sẽ quay trở lại để hội nhập với cơ sở ấy. Quá trình của sự tan biến trên đây xảy ra theo thứ tự như sau: đất, nước, lửa và khí, và quá trình của sự hình thành thì theo thứ tự như sau: khí, lửa, nước, đất. Khái niệm này sẽ dễ hiểu hơn nếu được chỉ định bằng các thuật ngữ như chất cứng (đất), chất lỏng (nước), hơi nóng (lửa) và năng lực (khí). Bốn thành phần được tạo tác từ các hạt vi thể trống không theo thứ tự từ thật tinh tế đến thô thiển, và sau đó lại tan biến vào các hạt vi thể trống không theo thứ tự từ cấp bậc thô thiển nhất đến cấp bậc tinh tế nhất (*xin chú ý hai quá trình trên đây cũng trùng hợp với hai quá trình một của cái chết và một của sự tái sinh*). Không gian hay các hạt vi thể trống không là cơ sở góp phần giúp cho toàn bộ các quá trình đó có thể xảy ra.

Thiền định về tánh không

Để có thể ý thức được sự kiện tất cả các hiện tượng ảo giác đều không khác nhau trên phương diện tánh không, thì nhất thiết phải tập trung sự suy tư thẳng vào tánh không. Khi nào việc luyện tập thiền định (*thông thường*) nhằm mục đích rèn luyện tâm thức và cải thiện sự chú tâm bắt đầu mang lại kết quả, thì khi ấy ta mới có thể khởi sự luyện tập về tánh không (*có nghĩa là trước hết phải tập luyện tâm thức và sự chú tâm, sau đó mới đủ khả năng để thiền định về tánh không*).

Đối với các phép thiền định thông thường về tánh không thì không nhất thiết phải trừu tượng hóa bằng tư duy các thể dạng bên ngoài của đối tượng, thể nhưng riêng đối với các phép luyện tập tan-tra thì nhất thiết phải trừu tượng hóa từ trong tâm thức thể dạng bên ngoài của các đối tượng.

Có hai phương pháp giúp thực hiện các phép tu tập tan-tra này: phương pháp thứ nhất là chúng ta làm cho tất cả các thể dạng bên ngoài (*tức những gì hiển hiện*) tan biến hết (*trong tâm thức*) và sau đó thì thiền định về tánh không, phương pháp thứ hai thì ngược lại phải thiền định về tánh không trước và sau đó mới làm cho tất cả các thể dạng bên ngoài của các vật thể tan biến.

Đến đây, chúng ta thử giải thích thật ngắn gọn quá trình thiền định đích thật về tánh không. Đối với quá trình này, thật hết sức quan trọng phải nhận định được những gì mà sự hiện hữu của chúng cần phải được phủ nhận. Các học phái Phật giáo lớn đều chấp nhận các

tiền đề gọi là "bốn dấu ấn của Phật giáo" (*có thể xem thêm "Khái niệm về bốn dấu ấn trong Phật giáo" của Hoang Phong trên các trang Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức...*). Bốn tiền đề đó như sau:

- * Tất cả những gì phát sinh từ các nguyên nhân đều vô thường.
- * Tất cả các hiện tượng ô nhiễm (*có nghĩa là cấu hợp*) đều là khổ đau.
- * Tất cả mọi hiện tượng đều không có cái ngã và đều mang đặc tính của tánh không.
- * Chỉ có thể dạng vượt thoát khỏi khổ đau (còn gọi là niết-bàn) mới đúng là sự an bình.

Muốn thiền định về tánh không thì trước hết cũng phải hiểu là thứ tánh không nào phải đem ra để thiền định, nói cách khác tức là vật thể nào mà sự hiện hữu của nó cần phải đem ra để phủ nhận. Nếu không xác định được đối tượng của sự phủ nhận là gì thì chúng ta cũng sẽ không hình dung ra được hình bóng phát sinh từ sự khiếm khuyết của nó. Để thực hiện việc ấy, trước hết nên suy tư về chính bản thân mình, đây cũng là cách thực tế nhất (*tức thiền định về tánh không của sự hiện hữu của chính mình*).

Chúng ta vẫn thường phát biểu thật tự nhiên như sau: "*tôi làm, tôi ăn, tôi ở lại đây*",... Vậy ta thử tìm hiểu xem "cái tôi" - hay cái "chính tôi" ấy - hiển hiện ra trong tâm thức mình như thế nào, và sau đó cố gắng tìm hiểu về "cái tôi" ấy trong các trường hợp khác nhau. Chẳng hạn như khi ta hình dung trở lại sự bất an xảy ra trong tâm thức khi có một người nào đó khiến trách ta một cách bất công, hoặc nhớ lại sự vui thích khi có người tán tụng mình hết lời. Trong lúc các xúc cảm đó xảy ra thì tâm thức ta vô cùng dao động, thể nhưng ta vẫn cứ cảm thấy một cách thật minh bạch "cái tôi" hay cái "chính tôi".

Mỗi khi cái "chính tôi" hiển hiện ra trong tâm thức mình, thì hãy nghĩ ngay là nó có phải là một thứ gì khác với thân xác và tâm thức của mình hay không, và nó có phải là một thực thể độc lập hay không? Các thể dạng "chính tôi" hay "cái tôi" hiển hiện ra một cách hết sức sinh động và ta ngỡ rằng có thể dùng ngón tay để sờ vào nó, để chạm vào nó như là một thành phần độc lập với thân xác và cả tâm thức của chính mình. Cái "chính tôi" là một thứ phóng tưởng tâm thần sai lầm lớn lao nhất có thể xảy ra: vậy những gì mà ta cần phải phủ nhận chính là "cái tôi" ấy.

Tóm lại đây là phương thức tiến hành quan trọng nhất và tiên khởi nhất, tức phải xác định thật đúng những gì phải phủ nhận (*phép thiền định về tánh không bắt đầu trước hết bằng cách phủ nhận cái "tôi" của chính mình*).

Điểm quan trọng thứ hai là nêu lên thí dụ giả sử như sự hiện hữu của "cái tôi" hay của "cái ngã" của tôi có thật và mang tính cách tự chủ, thì trong trường hợp đó ta phải tự hỏi xem "cái tôi" ấy hòa nhập để trở thành một với thân xác và tâm thức, hay ngược lại nó là một thứ gì hoàn toàn khác biệt với thân xác và tâm thức, bởi vì không có phương thức hiện hữu thứ ba nào ngoài hai phương thức trên đây.

Tóm lại nếu cho rằng "cái tôi" hiện hữu như một thực thể độc lập, thì bắt buộc ta phải chọn một trong hai giả



Chiếc Phong Cầm

*Chiếc phong cầm ngân nga trong gió
Sắc và không ngay giữ phù du
Như huyền như thường nghe là lạ
Cõi thiên thai mộng vỡ vô thường.*

(Tu Viện Đại Đăng, Bonsall, CA)

Gió Nghiêng

(Tặng em và hai con)

*Gió qua khóm trúc đong đưa
Nón nghiêng theo nắng cho vừa
Đệ huynh Bến đời vừa hiểu vừa tình
Thập toàn viên mãn phù sinh kiếp người.*

(Tu Viện Lộc Uyển - 09/19/2011)

BẠCH XUÂN PHẪ



thiết như sau: hoặc nó hòa nhập với thân xác và tâm thức để tạo ra một nhất thể, và trong trường hợp đó nhất định nó phải trùng hợp với các cấu hợp, hoặc nó là một thứ gì khác (*không liên hệ gì với thân xác và tâm thức*), bởi vì không có phương thức hiện hữu nào khác hơn.

Vậy điểm quan trọng thứ hai là: hoặc "cái tôi" là một thành phần nằm chung trong các cấu hợp (*ngũ uẩn*), hoặc nó phải tuyệt đối khác hẳn.

Đến đây chúng ta nên suy tư về ý nghĩ như sau: nếu "cái tôi" và các cấu hợp kết hợp lại để trở thành nhất thể, thì "cái ngã" cũng phải nhất thể và đồng thời thân xác và tâm thức cũng bắt buộc phải nhất thể theo (*không thể có một thành phần cấu hợp nằm chung trong một nhất thể, nếu đã là nhất thể thì tất cả phải nhất thể*), và tất cả sẽ được xem chung như là "cái ngã". Ngược lại, nếu "cái ngã" khác với các cấu hợp, và nếu các cấu hợp là những thứ tổng hợp phức tạp thì "cái ngã" cũng sẽ phải là một thứ tổng hợp phức tạp như thế.

Sau đó chúng ta lại suy tư thêm như sau: nếu như "cái ngã" hay "cái tôi" độc lập ấy hiện hữu như một thực thể riêng biệt và hoàn toàn khác với các cấu hợp, thì trong trường hợp đó "cái ngã" phải là một thứ gì đó xác thực (*hữu hình, có thể "sờ mó" được - tangible*), dù cho các cấu hợp (*trước đây từng kết hợp với nó*) đã tan biến hết. Thế nhưng thật ra thì không đúng như thế.

Phương cách lý luận trên đây cho thấy chúng ta không thể nào tìm ra được một "cái tôi" trong số các cấu hợp.

Hơn nữa sự suy luận trên đây còn giúp chúng ta khám phá ra "cái tôi" hay "cái ngã" độc lập từng hiển hiện ra trong tri thức mình thật ra chỉ là một khái niệm sai lầm, một thứ phóng tưởng của tâm thức. Trên thực tế, nó không hề hiện hữu.

Hãy nêu lên một thí dụ, vào lúc nhá nhem khi hừng đông hay hoàng hôn, một người nào đó trông thấy một con rắn và hoảng sợ, thế nhưng thật ra thì đây chỉ là một cuộn dây thừng. Hình ảnh con rắn chỉ hiện hữu trong tâm thức của người đang hoảng sợ, đối tượng bên ngoài - tức là sợi dây thừng - không hề hàm chứa một thứ cảm tính nào về sự hiện hữu đích thật của một con rắn (*không có "con rắn" nào kết hợp với cuộn dây thừng, cũng không có "cái tôi" nào kết hợp với thân xác và tâm thức - tức ngũ uẩn - của một cá thể*).

Trường hợp tương tự như trên đây cũng xảy ra đối với các cấu hợp. Mặc dù chúng ta có cảm giác nhận thấy hình bóng nào đó của một "cái ngã" trong số các cấu hợp và có vẻ như nó thoát ra từ chính các cấu hợp ấy, thế nhưng trên thực tế trong các cấu hợp không hề chứa bất cứ một mảnh vụn nhỏ nhoi nào của bất cứ một thứ gì có thể xác định như là một "cái ngã". Những gì vừa trình bày cũng tương tự như thí dụ về con rắn và sợi dây thừng trên đây, có nghĩa là con rắn không hề hiện hữu một cách thực sự, nó chỉ là một phóng ảnh đơn thuần của tâm thức (*con rắn cuộn tròn ở bên trong tâm thức, không nằm bên cạnh cuộn dây thừng*).

Cũng tương tự như thế, dù cho chúng ta có cảm giác nhận diện được hay nắm bắt được một cá thể con người hoàn toàn khác biệt với các cấu hợp tạo ra cá thể ấy, thế nhưng trên thực tế chúng ta không thể nào xác nhận được sự hiện hữu của cá thể ấy một cách đích

thật bằng cách căn cứ vào các cấu hợp: chẳng qua đây chỉ là một thứ nhãn hiệu dán lên trên các cấu hợp mà thôi (*khi nhìn vào một con người thì cái cá thể của con người ấy được tạo dựng ra trong tâm thức mình, đối tượng bên ngoài chỉ là một sự kết hợp của ngũ uẩn, cũng tương tự như con rắn được tạo dựng trong tâm thức, bên ngoài là cuộn dây thừng*). Vì thế không có một thực chất cá biệt nào hàm chứa trong đối tượng phân tích, và chúng ta lại quay trở lại tình trạng trước đây (*tức là không tìm thấy "cái ngã" hay "cái tôi" nào trong các cấu hợp khi đem các cấu hợp ra để phân tích, "cái ngã" hay "cái tôi" ấy chỉ là một phóng ảnh đơn thuần của tâm thức*).

Đối với các thể dạng khác nhau của một đối tượng, thì nếu chúng ta nhìn chúng (*đơn thuần*) trên phương diện đối tượng thì giữa chúng không có gì khác biệt nhau (*đấy chỉ là những thể dạng luôn biến động*). Sự khác biệt chỉ phát sinh trong tâm thức đứng ra giữ vai trò cảm nhận, tức thuộc vào pháp chủ thể (*đối tượng là đối tượng, chính tâm thức giữ vai trò chủ thể để phán đoán và diễn đạt sự khác biệt giữa các thể dạng của đối tượng*). Khi chúng ta đặt cái tên "con rắn" cho cuộn dây thừng thì đây là một ý nghĩ sai lầm. Khi mặt trời lên cao, chúng ta nhìn thấy rõ đối tượng quan sát, và chúng ta gạt bỏ sự phán đoán sai lầm trước đây nhờ vào một phương cách vững chắc hơn của sự nhận thức (*cognition*), tức dựa vào một loại tri thức khác.

Cái nhãn hiệu "con rắn" áp đặt cho cuộn dây thừng có thể gây ra tai hại (*sự hoang hốt*). Thế nhưng trong trường hợp cái nhãn hiệu ấy là một cá thể con người, và dù cho cá thể con người ấy không phải là một thực thể khách quan đi nữa, thế nhưng nếu chúng ta cứ gán cho các cấu hợp (*tạo ra cá thể ấy*) các đặc tính của một con người, thì cũng không hề hấn gì cả. Chẳng qua vì không có một thể loại tri thức nào đủ sức để loại trừ sự sai lầm đó (*có những thể loại hay phương cách khác nhau của sự nhận thức giúp phân biệt dễ dàng giữa cuộn dây thừng và con rắn, thế nhưng nếu muốn phân biệt giữa ngũ uẩn và cá thể con người thì vô cùng khó khăn, lý do là không có một thể loại tri thức nào khả dĩ thích nghi để giúp phát hiện được sự phân biệt đó. Muốn đạt được khả năng tri thức ấy người tu tập phải phát huy được Trí tuệ*).

Dầu sao đi nữa, dù cho chúng ta thực hiện được sự hiểu biết khả dĩ giúp chúng ta chấp nhận sự kiện cá thể con người hoàn toàn không hề hiện hữu đi nữa, thế nhưng các kinh nghiệm bản thân (*sẵn có từ trước*) của chúng ta sẽ hiện ra để chống lại sự quán thấy đó. Tóm lại người ta chỉ có thể xác nhận sự hiện hữu của cá thể con người bằng cách duy nhất là nhờ vào thể loại tri thức chủ quan - tức loại tri thức giữ vai trò dán các nhãn hiệu. Đây cũng chính là lý do giải thích tại sao mọi vật thể chỉ hiện hữu bằng tên gọi mà thôi. Chẳng qua vì không hề có một sự hiện thực khách quan nào cả (*câu kết luận gợi lên cho chúng ta chủ thuyết căn bản của Duy Thức học*).

Vài lời lạm bàn của người dịch:

Khái niệm về bản chất tánh không của mọi hiện tượng là một trong những khái niệm đặc thù và quan trọng nhất của Phật giáo. Khái niệm đó bao hàm thật nhiều lãnh vực triết học, chẳng hạn như Triết học siêu hình (Metaphysic),

Triết học về sự Hiểu biết (Epistemology), Hiện tượng học (Phenomenology)... Tất cả mọi hiện tượng (*dharma*) dù thuộc lãnh vực vật chất hay phi-vật-chất đều không hề hàm chứa một sự hiện hữu tự tại nào. **Thật rõ ràng chúng ta có thể "sờ mó" được các vật thể, "theo dõi" được các biên cõi, "hình dung" và "mô tả" được các hình ảnh tâm thần, cũng như "cảm nhận" được các xúc cảm trong tâm thức, thế nhưng Đức Phật lại nói tất cả những thứ ấy "không thật" và đây chỉ là "áo giặc", và bản chất đích thật của chúng là "tánh không".**

Hầu hết các khoa học gia, học giả và triết gia Tây phương quan tâm đến Phật giáo đều tỏ ra kinh ngạc và sửng sốt trước **khám phá thật táo bạo và siêu việt** trên đây của Đức Phật. Thật vậy, khái niệm về tánh không của mọi hiện tượng thật hết sức khó để thấu triệt, vì nó vượt lên trên sự hiểu biết và trí thông minh thông thường. Suốt trên dòng tiến hóa của nền văn minh nhân loại và kể cả trong thế giới ngày nay, chưa hề có một hệ thống tư tưởng, triết học hay tôn giáo nào nêu lên khái niệm đó, ngoại trừ Phật giáo.

Muốn thấu triệt được khái niệm về tánh không của sự hiện hữu dù chỉ thuộc lãnh vực lý luận và phân tích cũng phải suy tư lâu dài và tập trung tâm thức thật mạnh. Sự hiểu biết đó gồm có nhiều cấp bậc khác. Trong bài thuyết giảng trên đây Đức Đạt-Lai Lạt-Ma cho biết là dù cho ta đạt được sự hiểu biết tánh không bằng lý luận và

chấp nhận "cá thể con người" hay "cái ngã" không hiện hữu đi nữa, thế nhưng kinh nghiệm sống chi phối bởi hiện thực chung quanh luôn hiện ra để chống lại sự quán nhận đó, vì thế dù cho chúng ta hiểu được "vô ngã" là gì thế nhưng chúng ta lúc nào cũng cảm thấy "chính mình" và "người khác", "cái này" và "cái kia", "cái tốt" và "cái xấu", "cái đúng" và "cái sai"...

Vì thế thiết nghĩ có lẽ chúng ta nên vượt lên trên những gì thuộc vào kinh nghiệm bản thân lâu đời của mình đối với thế giới hiện tượng, hầu loại bỏ những chướng ngại cản trở sự quán nhận tánh không tuyệt đối của sự hiện hữu. Khi nào chúng ta cảm nhận được cái tánh không đó một cách trực tiếp và tự nhiên, không còn bị cản trở bởi bất cứ một xung năng nào của nghiệp lực hay một sức mạnh nào phát sinh từ tác động bản năng, thì khi đó chúng ta mới có thể tự nhận là mình nắm bắt được bản thể trống không của sự hiện hữu trong thế giới này.

Tuy nhiên, trên phương diện thực tế và thực dụng, dù chỉ quán nhận được khái niệm về tánh không của mọi hiện tượng ở một cấp bậc nào đó cũng đủ để biến nó trở thành một liều thuốc hóa giải cực mạnh, hầu giúp chúng ta loại bỏ được mọi sự bám víu vào những ảo giác trong thế giới này cũng như trong tâm thức của chính mình.

Bures-Sur-Yvette, 01.09.11
Hoang Phong chuyển ngữ

Mắt Bóng Hạc Vàng

*Thời Huế đẹp ... thôn vườn xanh Vỹ Dạ
Phủ Vương thơ, Huyền nữ nếp yêu kiều
Sách vở thơm hương, tà áo Cô Chiêu
Gót son chuyển giao đề Thi, bút Họa ...*

*Như Sen trắng Tịnh Tâm mùa nắng Hạ,
Đài gương ươm phong nhị kín U hương
Chớp sát na nhìn thật tướng Mây Sương,
Từ Đại Nội nhập qua Thiền Đại Giác.*

*Mắt chạm tờ kinh
Huyền âm trời nhạc
Thắm bản đạo ca
Tâm bật Kim Ngôn!*

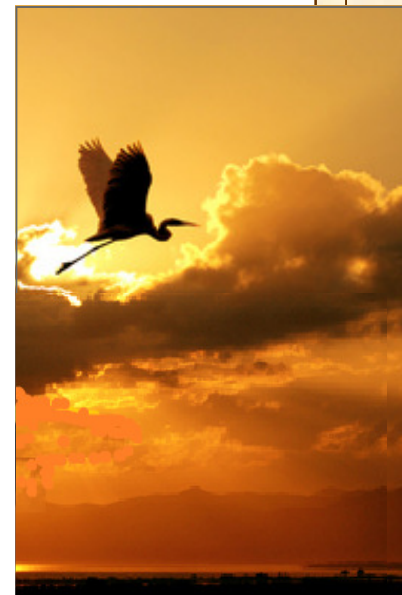
*Tiếng Hồng Chung rúng động đầu nguồn,
Trăng Di Đà lặng thình hiển hiện ...
Một tiếng thét! trả về thân Cõi huyền
Ngàn sức Đau cho khép kín di ngôn ...*

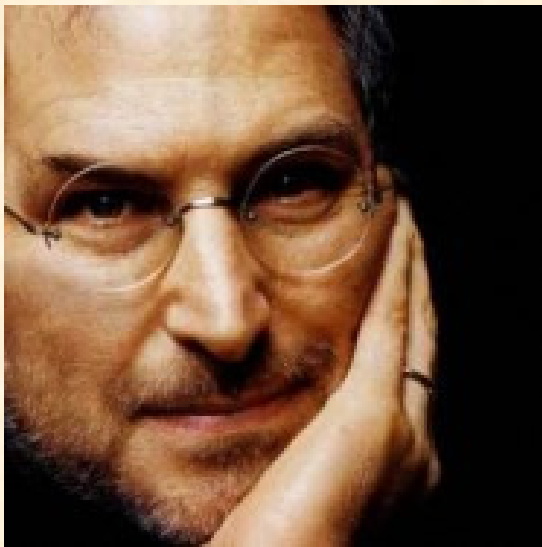
*Bờ Tử sinh, thuyền lách mái chiếu hồn
Sen trắng Phủ Vương, Sen vàng Lâu Các.
Huyền Sử nghi dung hạnh tài uyên bác
Kim cổ Đông Tây dấu ấn nhân gian.*

Ni sư! Ni sư! Mắt bóng Hạc Vàng ...

TÂM TÂN

(tưởng niệm Ni Sư Thích Nữ Trí Hải)





TINH THẦN PHẬT GIÁO CỦA STEVE JOBS VÀ BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG CỦA CÔNG TY APPLE

Ngọc Hằng dịch (theo CNN)

Mọi người đều biết rằng bí quyết thành công của tập đoàn Apple trong thế giới công nghệ thông tin là tầm nhìn, khả năng lãnh đạo và óc sáng tạo của Steve Jobs, người đồng sáng lập đầy danh tiếng của công ty này.

"Steve đã xây dựng công ty và văn hóa của công ty không giống với bất kỳ công ty nào khác trên thế giới. Nó như là mã di truyền DNA của chúng tôi vậy." Tim Cook, người kế vị Steve Jobs đã viết trong bản ghi nhớ như vậy sau khi Jobs từ chức quyền lãnh đạo cao cấp của Apple hồi tháng tám.

Tuy nhiên, người hùng của Apple đã ra đi vào hôm thứ tư ở tuổi 56.

Cũng như bất cứ ai khác, những giá trị của Jobs được định hình bởi sự giáo dục và kinh nghiệm sống. Ông sinh năm 1955 ở San Francisco và lớn lên giữa trào lưu văn hóa hippie. Bob Dylan và Beatles là hai dòng nhạc mà ông thích. Ông đã chia sẻ những bài học về chính trị, tầm nhìn, và thử nghiệm thời niên thiếu với những loại thuốc an thần.

Tên của công ty ông được lấy cảm hứng từ tập đoàn Apple của Beatles với nhiều lần kiện các hãng điện tử vì vi phạm bản quyền nhãn hiệu hàng hóa cho đến khi ký kết một bản độc quyền phân phối kỹ thuật số với iTunes. Cũng như Beatles, Jobs đã đến Ấn Độ tham dự một khóa tu về tâm linh và thường xuyên đi bộ xung quanh nhà hàng xóm và văn phòng bằng chân đất.

Việc du hành đến Ấn Độ tu tập đã giúp cho Job chuyển sang Phật Giáo. Thầy Kobun Chino, một nhà sư đã chủ trì hôn lễ của ông với bà Laurene Powell, một người từng học quản trị kinh doanh tại trường đại học Stanford.

"Cuộc sống là một điều thông minh" Tái sinh là khái niệm của Phật Giáo và công ty Apple cũng đã có kinh nghiệm về việc tái sinh này khi Jobs trở lại làm việc sau thời gian bị sa thải trong thời điểm mà công ty sắp bị phá sản.

"Tôi tin rằng cuộc sống là một điều thông minh và mọi thứ không hề ngẫu nhiên." Jobs đã trả lời cho tờ báo Time vào năm 1997, cung cấp một cái nhìn xuyên qua hệ thống niềm tin phức tạp qua những lời dạy của Đức Phật.

Nghiệp là một nguyên tắc của tôn giáo nhưng nó dường như không nằm trong hệ thống mà Jobs đã sống. Nếu ông sợ nghiệp quay lại với mình thì những tình cảm rõ ràng với những đồng nghiệp cũ và các đối thủ cạnh tranh đã trở nên vô vị. Những người từng làm việc cho Jobs mô tả ông là một nhà tài phiệt và họ rất sợ gặp ông ở thang máy.

"Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết mọi người ở đây làm việc chăm chỉ như thế nào." Jobs trả lời cho tờ Businessweek vào năm 2004 như vậy. "Họ làm việc cả

đêm và cuối tuần, tinh thần không gặp được gia đình trong một thời gian. Tinh thần, họ còn làm việc qua lễ Giáng Sinh để đảm bảo mọi thứ đều đúng để tạo ra một sản phẩm hoàn hảo nhất mà nó có thể."

Một số kỹ sư làm việc không mệt mỏi trên hệ điều hành Mac ban đầu phải cách biệt với cả vợ chồng con cái. Đạo đức làm việc của Jobs có thể được hình thành do những rắc rối về gia đình.

"Tôi đã làm những điều mà tôi không bao giờ tự hào"

Jobs là con nuôi của ông bà Clara và Paul Jobs, những người hứa với mẹ ruột của ông là Joanne Simpson là sẽ gởi ông vào trường đại học. Ông rời khỏi trường đại học Reed chỉ sau một mùa học và ông cho biết ông không muốn nói chuyện với cha nuôi của mình.

Jobs có một con gái là Lisa, con ngoài giá thú với Chrisann Brennan. Ông từ chối quyền làm cha trong nhiều năm, thế trước tòa là ông đã triệt sản. Sau đó, ông có ba đứa con với Laurene Powell.

"Tôi đã làm rất nhiều thứ mà tôi chẳng lấy gì làm tự hào, như làm cho bạn gái phải mang thai khi tôi mới 23 tuổi và cái cách mà tôi đã xử lý vấn đề này." Jobs trả lời như vậy vào năm 2011 để quảng bá cho cuốn hồi ký của mình.

Những suy nghĩ còn trẻ ấy đã đến trước khi Jobs quay về với Phật Giáo và nghiệp.

"Giá trị cốt lõi là như nhau."

Kinh điển Phật Giáo, theo truyền thống, được truyền bá bí mật cũng như những thương vụ làm ăn của công ty Apple và những vấn đề cá nhân mà Jobs phải đương đầu. Cũng như các bí mật hoang tưởng xung quanh những sản phẩm mà Apple phát triển, Jobs phớt lờ tất cả những yêu cầu muốn phỏng vấn, làm lạc hướng họ trong những câu phát biểu ông phát biểu, từ chối tiết lộ chi tiết về căn bệnh ung thư của ông cho đến khi được phẫu thuật và trở nên nổi tiếng trong một vụ bê bối liên quan đến việc chọn lựa cổ phiếu.

Dù tất cả những điều như thế, ông vẫn chơi bằng luật lệ của riêng mình.

Với những ai tiết lộ bí mật của ông hay bàn tán về công ty ông đều bị trừng phạt và đe dọa. Apple đã kiện, và cuối cùng giải quyết với một blogger sau một bí mật lớn khi thông báo những tin đồn đúng về Apple vào đầu những năm 2000.

Và sau đó, câu chuyện họ mất nguyên mẫu thiết kế iPhone 4 lại được mua và xuất bản bởi trang blog Gizmodo.

"Khi tất cả điều này với Gizmodo xảy ra, tôi đã nhận được rất nhiều lời khuyên từ mọi người. Bạn phải để nó sang một bên." Jobs trả lời như vậy trong một cuộc hội thảo về công nghệ vào năm 2010. "Tôi nghĩ rất sâu về điều này và cuối cùng tôi kết luận rằng điều tôi tệ nhất có thể xảy ra khi chúng tôi trở nên lớn mạnh hơn và ít có sự ảnh hưởng đối với thế giới là nếu chúng tôi

thay đổi giá trị cốt lõi của mình và bỏ sang một bên. Tôi không thể làm được. Tốt hơn là tôi nên từ bỏ."

"Lập trường này đã được lặp đi lặp lại trong năm đó khi Jobs vẫn còn là CEO dù ông đang nghỉ bệnh khi một nhân viên khác lại để phiên bản iPhone 5 ở một quán rượu. Apple phải nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát San Francisco điều tra."

"Chúng tôi có cùng giá trị cốt lõi như chúng tôi đã từng có." Jobs trả lời như vậy trong cuộc hội thảo All-ThingsD. "Chúng tôi có một ít kinh nghiệm, chắc chắn đánh bại, nhưng giá trị cốt lõi vẫn như nhau."

"Chúng ta ở đây để đặt một vết lõm trên vũ trụ."

Có lẽ điều nổi bật nhất của những giá trị, đơn giản là thực hiện những tác động bên ngoài xã hội. Hay như Jobs nói là "Chúng ta ở đây là để đặt một vết lõm trên vũ trụ." Tuy nhiên, Apple và Jobs đã không tạo ra nhiều vết lõm với các hoạt động từ thiện.

"Chúng tôi làm những điều mà chúng tôi cảm thấy có thể đóng góp đáng kể." Jobs nói cho tờ Businessweek vào năm 2004 như vậy. "Về giá trị cơ bản của chúng tôi ở đây không phải trở nên lớn nhất và giàu nhất."

Để đạt được mục tiêu này, Jobs đã trở thành một nhà quản lý vi mô ám ảnh. Một phần trong những lý do mà gen DNA của Jobs lại ăn sâu vào Apple là bởi vì ông ép buộc tay mình vào rất nhiều phần của công ty. Ông đã trực tiếp yêu cầu bộ phận phục vụ khách hàng gửi email cho ông, ông là một người sáng chế sản phẩm rất tích cực, đồng tác giả phát minh hơn 300 sáng kiến và ông bước vào cả lĩnh vực quảng cáo, bao gồm các chiến dịch nổi tiếng như Nghĩ Khác (Think Difference) và Mac và máy tính cá nhân (Mac vs PC).

"Vậy Apple là gì, sau tất cả những điều như thế?" Jobs trầm ngâm với tờ Time. "Apple là về những người nghĩ ngoài cái hộp có sẵn, những người muốn dùng máy tính để giúp họ thay đổi thế giới, giúp họ tạo ra những thứ khác biệt và không phải chỉ là để làm cho công việc được hoàn tất mà thôi."

"Tập trung và đơn giản."

Jobs nổi tiếng trong việc thu hút John Sculley, giám đốc của công ty Pepsi đến điều hành Apple bằng việc nói rằng "Bạn có muốn dành phần còn lại của đời mình để bán nước ngọt hay muốn thay đổi thế giới?" (Họ đã vĩnh viễn chia tay khi Jobs khởi động lại Apple).

"Điều gì làm cho phương pháp của Steve khác với người khác là ông luôn tin rằng những quyết định quan trọng nhất mà bạn đưa ra không phải là điều bạn làm, nhưng điều mà bạn quyết định không làm." Sculley trả lời tờ báo Businessweek năm 2010 như vậy "Ông là một người sống thiếu dục. Tôi nhớ khi đi vào nhà của Steve, ông hầu như chẳng có bất cứ đồ nội thất nào

cả. Ông chỉ có một bức tranh của Einstein, người mà ông vô cùng ngưỡng mộ, một cây đèn Tiffany, một cái ghế và một cái giường. Ông không tin vào việc có thật nhiều thứ xung quanh nhưng ông lại vô cùng kỹ lưỡng trong những thứ mà ông chọn lựa."

Kiểm chế, ít nhất là trong thiết kế và trang trí nội thất, là nguyên tắc căn bản của Jobs. Chỉ một thời gian ngắn sau khi ông trở lại Apple, ông đã đóng cửa một số bộ phận và chuyển sự chú ý của ông vào một vài sáng kiến then chốt. Ngay cả hiện nay, các dòng sản phẩm của Apple và doanh thu chỉ tập trung vào một số ngành công nghiệp mà công ty có thể thống trị.

"Đó là một trong những câu thần chú của tôi: tập trung và đơn giản." Jobs cho tờ Businessweek vào năm 1998 biết như vậy. "Đơn giản có thể khó hơn phức tạp. Bạn có thể làm việc chăm chỉ để làm cho suy nghĩ của mình sạch hơn để đơn giản hơn. Tuy nhiên, cuối cùng thì nó có giá trị vì khi bạn đạt được điều đó, bạn có thể đến được núi cao."

Ông trả lời trong một cuộc phỏng vấn sáu năm sau là: "Mọi thứ đến từ không để có được 1000 thứ để bảo đảm rằng chúng ta không bị đi lạc đường hay cố gắng quá nhiều. Chúng ta luôn nghĩ về thị trường mới mà mình có thể đi vào nhưng đó chỉ là việc nói không để bạn tập trung vào điều thật sự là quan trọng nhất"

"Hãy cứ đói khát và đại dột."

Mỗi thành viên điều hành trong công ty Apple được truyền thừa một phần của Jobs.

Jonathan Ive, giám đốc điều hành công nghiệp thiết kế thừa hưởng đạo đức đơn giản của Jobs.

Scott Forstall, người đứng đầu về phần mềm di động, thừa hưởng sự nhiệt tình của Jobs.

Và Cook, cựu điều hành và hiện là người thay thế Jobs điều hành công ty như ông quản lý cuộc đời riêng của mình: trong vòng bí mật.

Tuy nhiên, Cook đi ra khỏi lớp vỏ của mình để truyền đạt các tiêu chuẩn đạo đức cho thế hệ nhân viên tiếp theo. Ông cùng với những người cộng sự giảng dạy tại trường đại học Apple.

Trường đại học Apple bảo đảm rằng tất cả các nhân viên đều được giáo dục về các nguyên tắc và ý tưởng sống còn của Jobs. Jobs tin rằng con người không bao giờ ngừng việc học tập và nên mở rộng tâm mình để đón nhận các ý tưởng mới.

Nói một cách khác, như lời phát biểu mà ông nói tại buổi lễ tốt nghiệp của trường đại học Stanford là "Hãy cứ đói khát và đại dột."

Ngọc Hằng dịch Theo CNN



THÀNH ĐẠO TRONG MẮT EM

Tâm Minh – Vương Thúy Nga

Thành đạo và Đản sanh là hai sự kiện mang nhiều ý nghĩa trong lịch sử đức Phật Thích-ca mà người huynh trưởng GDPT phải dạy cho các em của mình trong chương trình Phật pháp của ngành Thiếu và ngành Oanh.

Tài liệu để giảng bài thì không thiếu nhưng nói làm sao cho các em hiểu anh chị trưởng muốn truyền đạt cái gì, áp dụng như thế nào vào đời sống hằng ngày, v.v... mới là quan trọng. Ngoài ra, người anh trưởng, người chị trưởng đó phải có "ngôn ngữ" hợp thời đại, giản dị và dễ hiểu chừng nào thì quý chừng đó chứ không phải đem tài liệu "nguyên xi" ra trao cho các em! Phật pháp không bao giờ cũ nhưng phương pháp giảng dạy, truyền đạt, mỗi người một kiểu, miễn sao nội dung truyền đạt phải giống nhau, không mâu thuẫn với nhau là được rồi. Mặc dù mỗi Miền, thậm chí mỗi Đơn vị có những huynh trưởng ý kiến khác nhau, nhìn những sự kiện Đản sanh, Thành đạo, Nhập diệt... khác nhau, nhưng khi dạy về nội dung, về ý nghĩa, về những bài học áp dụng cho đoàn viên GDPT thì nếu không phải giống nhau hoàn toàn cũng phải giống nhau ở những điểm chính và nhất là không có điểm nào mâu thuẫn nhau.

Chính vì điều này, huynh trưởng thường trao đổi, chia sẻ với nhau về quan điểm, về phương pháp truyền đạt... về suy nghĩ của các em đối với ngày Đản sanh, ngày Thành đạo, ngày đức Phật nhập Niết-bàn... Nói cách khác, các anh chị phải nắm được cách nhìn, lối suy nghĩ... của các em, phải biết Thành đạo trong mắt các em là như thế nào và phải nói làm sao để liên hệ những sự kiện ấy vào cuộc sống trước mắt, v.v...

Xin mời quý vị cùng theo dõi cuộc hội thoại giữa các huynh trưởng trẻ quen thuộc A, B, C, D, E (những Huynh trưởng đang cầm Đoàn và dạy Phật pháp cho đoàn sinh) trong đề tài Thành đạo.

A: Xin chào mọi người, lại sắp đến Thành đạo rồi, sắp phải tổ chức thi vượt bậc cho các em rồi!

B: Đúng vậy! Và phải nói chuyện với các em về ngày Thành đạo đây.

C: À, thì ra bạn đang lo về câu chuyện dưới cờ cho tuần này đó hả?

D: Các anh/chị thì sướng rồi vì các em ngành Thanh và ngành Thiếu dù sao cũng đã hiểu được phần nào từ "Thành đạo", chứ các em Oanh vũ của em không biết Ất Giáp gì hết mới khổ chứ!

E: Các em không hiểu rành rẽ tiếng Việt thôi chứ cũng hiểu chút chút chứ bộ, và chúng ta đừng giảng về Thành đạo mà nên kể chuyện cho các em nghe trước, những chuyện giống như "chuyện đời xưa" vậy.

A: Phải đó, bạn E hãy kể cho chúng mình nghe là bạn đã "dẫn" các em vào "truyện Thành đạo" như thế nào?

B: Và bạn không biết đức Phật Thích-ca thành nhân vật thần thoại đấy chứ?

E: Dạ, không! Em kể chuyện thái tử Tất-đạt-đa (Siddhatta) năm lên 9 tuổi đi dự lễ Cày Ruộng đầu năm cùng với vua

cha và hoàng hậu và cũng là Di của thái tử. Đối với trẻ con, những lễ nghi này thật chán, nhưng thái tử không chạy đi nô đùa như những trẻ khác mà một mình đến dưới một cây hồng táo (a rose-apple tree) ở một nơi rất yên tĩnh. Ở đó, thái tử đã ngồi thiền định. Khi những người lớn đi tìm và khám phá ra thái tử, họ đều kinh ngạc nhìn đứa trẻ 9 tuổi đang ngồi kiết già và đắm chìm trong sự trầm tư, không để ý đến những gì đang xảy ra quanh mình... Đó quả thật là hình ảnh của một cậu bé trẻ tuổi nhưng già dặn về trí tuệ khiến cho mọi người phải kính nể.

D: Tại sao bạn lại kể chuyện này cho các em?

C: Vì câu chuyện này là một biến cố rất đặc biệt xảy ra trong tuổi thơ của thái tử và chính kinh nghiệm này về sau trên con đường tìm Đạo, được coi như là cái chìa khóa cho sự kiện Thành đạo của đức Phật (a very remarkable incident took place in his childhood. It was an unprecedented spiritual experience, which, later, during his search after truth, served as a key to his enlightenment).

E: Dạ, đúng vậy, hơn nữa em muốn cho các em biết meditation là gì. Đối với con nít 8, 9 tuổi, các em vẫn có thể ngồi thiền, suy nghiệm về những điều mắt thấy tai nghe đã kích thích trí óc các em hay những điều lạ mắt lạ tai v.v... như thái tử Siddhatta hồi còn bé vậy. Từ đó, em nói luôn tại sao GDPT tập cho các em ngồi thiền trước hay sau buổi lễ Phật, tại sao tập ăn cơm chánh niệm, v.v...

B: Phải rồi, trong phim "The Little Buddha" cũng có nhắc đến việc này. Các bạn có cho các em xem phim này không?

D: Dạ có, các em rất thích xem phim này vì phim nói tiếng Anh nên các em hiểu rất nhanh, dễ thu hút các em học Phật pháp.

A: Rồi từ việc này, kể cho các em nghe về 49 ngày trước khi Thành đạo, đức Phật đã ngồi thiền định như thế nào hả?

E: Dạ, em còn kể sự việc Ngài tu khổ hạnh rồi bị ngắt xi, gặp nàng Tu-xà-đa (Sujata) dâng bát sữa... nữa chứ!

C: Và bạn lại cho các em coi phim "The Little Buddha" với cái cảnh thái tử Tất-đạt-đa lúc bấy giờ là một vị Sa-môn chiến đấu với ma vương và sau đó chiến thắng ma vương nữa phải không?

D: Dạ, chỉ nhờ xem phim như vậy các em mới hiểu được "ma" là cái gì để phân biệt với "ghost" vì trong TV cũng có chiếu phim ma. Nếu không thì rất khó giảng cho các em hiểu ma chính trong tâm mình là như thế nào! Phim "The Little Buddha" cũng có nói 10 đạo quân của ma vương và các em còn hiểu được nghĩa chữ enlightenment với trí óc non nớt của mình nữa! Đó là "Ignorance was dispelled, and wisdom arose, darkness vanished, and light arose"; từ đó các em nhớ được đức Phật Thành đạo vào buổi sáng sớm, khi sao mai vừa mọc, khi bóng đêm bị xua tan bởi ánh sáng ban ngày, hay nói theo danh từ Phật pháp của người lớn thì khi bóng tối của vô

minh bị tan biến đi vì ánh sáng của trí tuệ đã đến.

B: Các bạn có dạy cho các em biết tên của những "con ma" trong đạo quân của ma vương không?

E: Dạ, không dạy cũng không được! Các em đã nghe trong phim rồi là hỏi lại và có mấy em còn nhớ được nữa! Nhưng có vài chữ mình phải giảng nghĩa, cho ví dụ các em mới hiểu được mặc dù đã gọi tên 10 đạo quân của ma vương bằng English rồi đó anh!

D: Đúng vậy, chúng em nhắc lại cho các em nghe nguyên văn lời đức Phật nói với ma vương về 10 đạo quân của nó: Sense-desire are your first army. The second called aversion of the holy life. The third is hunger and thirst. The fourth is called craving. The fifth is sloth and torpor. The sixth is called fear. The seventh is doubt and the eighth is de-traction and obstinacy. The ninth is gain, praise, and honor, and that ill-gotten fame. The tenth is the extolling of oneself and contempt for others.

A: Phải rồi, đối với các em Oanh Vũ, và ngay cả Thiếu nam Thiếu nữ, chúng ta nói "craving" các em hiểu ngay, còn nói "ái dục" thì các em chẳng hiểu gì cả!! Với ngành Thiếu, bạn C có cho các em coi phim để giảng về Thành đạo không? Thành đạo trong mắt các em là như thế nào?

C: Các em ngành Thiếu xem phim đó cũng hiểu nhiều hơn nhưng lại chú ý và bị thu hút bởi câu chuyện tái sinh (reincarnation) nhiều hơn. Còn học lịch sử đức Phật Thích-ca thì các em thích đoạn thái tử thi bắn cung, đua ngựa... và chiêm được người đẹp Yashodara (Da-du-đa-la); và các em Thiếu nữ thì thích cuộc thi hoa hậu ở đoạn thái tử Siddhatta gặp Công chúa Yashodara!

B: Các em cũng thích hát những bài "Đêm Thành Đạo" hay "Xuất Gia" và hỏi ý nghĩa của những câu như: "Ngài hãy chọn đường đi..." hay "thôi em đi ta sẽ lia ngòi báu tìm chân lý" và "nguyện từ nay dẫn thân trong cát bụi tìm đạo thiêng"... nhưng khi dịch ra English thì các em hiểu liền, anh à!

A: Tóm lại, muốn dạy Phật pháp cho các em nói chung, dạy về ngày Thành đạo nói riêng, chúng ta phải biết trong mắt các em và trong óc các em của chúng ta thấy gì, nghĩ gì, nghĩ như thế nào... để tìm cách dẫn vào bài dạy cho hấp dẫn, để các em tiếp thu dễ dàng. Nếu cộng thêm được "học mà chơi, chơi mà học" nữa thì càng quý! Còn về phần chúng ta, bạn E thử nói cho anh chị em

biết bạn nhìn ngày Thành đạo như thế nào?

E: Em thì thấy ý nghĩa lớn nhất của sự kiện Thành đạo là ở trong câu mô tả đức Phật mà em được học từ các anh chị hồi còn ở bậc Sơ thiện; đó là: "He was not born a Buddha, but became a Buddha by his own efforts. Before his own enlightenment he was called Bodhisatta which means one who is aspiring to attain Buddhahood." (Ngài sinh ra không phải là một đức Phật nhưng bằng những nỗ lực của tự thân Ngài đã trở thành một vị Phật. Trước khi Thành đạo, Ngài được gọi là Bồ-tát, có nghĩa là người muốn đạt đến quả vị Phật). Như vậy anh chị em chúng ta đều có thể thành Phật trong một tương lai gần hay xa tùy những nỗ lực của tự thân nhiều hay ít.

D: Còn em thì em nhớ đã được học rằng Thành đạo là sự chấm dứt tham ái và chấp thủ, là sự giải thoát khỏi ngục tù phiền não khổ đau. Chính tự ngã và sự tham muốn, bám víu mãnh liệt nơi Tâm ta là ngục tù giam giữ chúng ta. Vì vậy, em cố gắng bớt tham, bớt giận, bớt thị phi... và thêm tình thương, thêm hòa thuận, tin yêu, vui vẻ; bớt bám víu, bớt "nhận" và thêm "cho"... nghĩa là tập buông bỏ, từ nghĩa đen đến nghĩa bóng của chữ buông bỏ này.

C: Mình xin thêm ý của mình: mỗi mùa Thành đạo về, lo cho các em thi vượt bậc, mình tự hỏi mình có tiến bộ gì không? Có được vượt bậc nào trong việc tu học và thực hành Phật pháp không? Vì vậy, mỗi ngày mình đều soi rọi lại mình để tinh tấn mãi, đừng đi thụt lùi so với chính mình hôm qua, và với bạn bè và các em của mình nữa!

B: Mình cũng vậy, cố gắng làm sao để hôm nay khá hơn hôm qua, ngày mai khá hơn hôm nay và hy vọng đến một ngày nào đó có thể trở nên toàn thiện.

A: Các bạn đã nói lên thật nhiều ý nghĩa và chia sẻ những ý nghĩ phong phú của các bạn về ngày Thành đạo làm cho buổi nói chuyện hôm nay thật bổ ích và đầy hứng thú. Xin cảm ơn tất cả và tạm biệt các bạn nha!

D và E: Chúng em kính chúc quý anh chị một mùa Thành đạo an lạc và giải thoát!

B và C: Cảm ơn, tạm biệt! Hẹn gặp lại!

Chớm thu

*Ngày qua tháng lại chóng chầy
Nàng thu đứng đỉnh... chốn này thành thơi
Bao la mây trắng rợp trời
Vàng rơi ngập lối sáng ngời rừng thu!*

Đào bang Sep 11

Đi về

*Lại qua cố quận mấy mùa
Một hôm vắng tiếng chuông chùa thỉnh không
Người đi muôn dặm bụi hồng
Người về một cõi phiêu bồng trời Tây
Tháng ngày gió thổi mây bay
Phù hoa phố hội còn say lòng người
Nhớ xưa sư tổ cả cười
Nhất âm hưởng vọng muôn đời còn vang
Hoàng hôn sót vệt nắng vàng
Bừng con mắt mộng: Lạc Bang Di Đà.*

Đào bang mộ chiều thu, Oct 11

HIỀN NGUYỄN



ÔNG TRỜI TRONG TÂM THỨC VIỆT

Cư Sĩ Nguyên Giác

Khái niệm Ông Trời đã có từ lâu trong kho tàng văn chương dân gian Việt, nhưng hình ảnh Ông Trời không hề mang ý nghĩa một đấng sáng tạo vũ trụ, mà chỉ là một chúng sinh, một người rất người trên cõi trời.

Ngay cả khi ca dao nói lên lời dân gian xin cho mưa xuống – như, “Lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, lấy đầy bát cơm, lấy rơm đun bếp...” – cũng không có nghĩa là xin một Ông Trời có quyền lực toàn năng của Đấng Sáng Tạo, mà chỉ là xin cho sự vận hành bốn mùa mưa thuận, gió hòa. Như thế nghĩa là tin vào lý tuần hoàn “thành, trụ, hoại, không” của nhà Phật, chứ không hề có lời cầu nguyện cho mưa trái mùa, cho gió nghịch hướng.

Và thậm chí, khi thấy đất trời không thuận, ông bà mình còn mắng cho vị cõi trên những câu như, “Trời già cay độc,” hay như, “Trời xanh ghen phận má hồng.” Nghĩa là, ông bà mình tin rằng có nếu có một Đấng Thượng Đế, một Đấng Sáng Tạo, thì cứ về quá khứ tối sơ, về quá khứ tối sơ, với mười tám luận chấp...

Cho nên văn học dân gian Việt Nam mới có những chuyện như “Con cóc là cậu ông Trời.”

Niềm tin về những chúng sinh trên cõi trời có đầy tham sân si như thế, và cũng bất toàn như thế... cho thấy dân tộc Việt cổ thời đã thấm nhuần triết lý Phật Giáo. Bởi vì, Đức Phật dạy rằng không hề có Đấng Sáng Tạo nào hết.

Một số nhà truyền giáo nước ngoài ưa nhắc tới những lúc Đức Phật im lặng, từ chối trả lời một số câu hỏi; họ diễn giải rằng, khi Đức Phật im lặng, không có nghĩa là Đức Phật bác bỏ khái niệm vũ trụ vĩnh hằng (câu hỏi: vũ trụ này thường hằng?) hay khái niệm vũ trụ không vĩnh hằng (câu hỏi: vũ trụ này là đoạn, là không thường hằng?). Và các nhà truyền giáo này diễn giải tiếp rằng, khái niệm vũ trụ vĩnh hằng là căn bản thần học của niềm tin vào một Đấng Thượng Đế Sáng Tạo, kẻ được họ tin là “vĩnh hằng, toàn năng, sinh ra vũ trụ và con người...”

Thực tế, những khái niệm như thế đã bị Đức Phật phủ nhận ngay từ những bài kinh đầu tiên: Tất cả các pháp đã là vô ngã, thì lấy ngã nào mà thường hằng? Tất cả các pháp đều do duyên khởi, khi duyên hợp thì pháp hiện ra, và khi duyên tan thì pháp biến mất, dù có nói về “thường hay đoạn” đều là trật cả.

Đó là lý do Đức Phật giữ im lặng trong Bài Kinh 63 của Trung Bộ Kinh, “Cula-Malunkiyovada Sutta: The Shorter Instructions to Malunkya” (Bản dịch của HT Thích Minh Châu: Tiểu Kinh Malunkya-putta). (1)

Chuyện này dễ hiểu, cũng tương tự như một giáo sư toán bậc Đại Học, khi giải thích một bài toán cho nhiều học sinh ở nhiều trình độ khác nhau, sẽ dùng nhiều cách giải thích tùy trình độ các lớp của các học sinh, và có khi thì giữ im lặng.

Những điểm rất căn bản đã được Đức Phật nêu ra ngay từ những bài kinh đầu tiên: vô ngã, và duyên khởi. Đó là những nền tảng để phủ bác khái

niệm về cái gọi là Đấng Thượng Đế Vĩnh Hằng, Đấng Thượng Đế Sáng Tạo.

Nhưng cũng có lần Đức Phật đã trả lời mình bạch rằng có những vị Bà-la-môn “luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ... chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn” đều là sai lầm. Lời Đức Phật nơi đây rất minh bạch, rằng không hề có cái gì gọi là Đấng Sáng Tạo, và đó chỉ là chấp kiến.

Đức Phật đã diễn giải chi tiết câu trả lời đó trong Bài Kinh 1 của Trường Bộ Kinh, “Brahmajāla Sutta: The All-embracing Net of Views” (Bản dịch của HT Thích Minh Châu: Kinh Phạm Võng). (2)

Có thể trích như sau từ Kinh Phạm Võng để làm sáng tỏ rằng, Đức Phật đã bác bỏ khái niệm về một Nước Trời Vĩnh Hằng, nơi tà kiến tin là có một Bản Ngã và Nước Trời Thường Trú:

“...Này các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp...”

...Người ấy nói rằng: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vũng chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn...

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”. Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những chấp pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thẳng tri, giác ngộ và tuyên thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.” (hết trích)

Không chỉ bác bỏ khái niệm Thượng Đế Sáng Tạo, trong Kinh Phật còn có một số nơi chế giễu các vị Vua Cõi Trời. Nghĩa là, không hề có một Đấng Thượng Đế Toàn Năng nào, mà thực ra chỉ có một số chúng sinh trên nhiều cõi trời khác nhau, và họ cũng theo nghiệp thọ sinh mà thôi.

Và chúng ta hãy tin rằng, khi đã

chế giễu khái niệm Thượng Đế Toàn Năng, có nghĩa là không tin rằng có cái gọi là Thượng Đế Toàn Năng đó. Cũng tương tự như dân tộc Việt Nam thời xưa khi kể chuyện “Con cóc là cậu ông Trời” để chế giễu khái niệm Thượng Đế Toàn Năng đó.

Ấn Độ Giáo tin vào Đấng Thượng Đế (vua các cõi trời), có khi gọi là Sakka (Thiên Chủ), có khi gọi là Mahabrahmanah (Đại Phạm Thiên).

Một thí dụ tìm thấy trong Kinh 37 trong Trung Bộ Kinh, “Culatnhasankhaya Sutta: The Major Discourse on the Destruction of Craving” (Bản dịch của HT Thích Minh Châu: Tiểu kinh Đoạn tận ái). (3)

Trích từ bản dịch của HT Thích Minh Châu:

“...Tôn giả Maha Moggallana liền thị hiện thần thông lực, dùng ngón chân cái làm cho lâu Vejyanta rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Thiên chủ Sakka, đại vương Sessavana và chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba, tâm cảm thấy kỳ diệu, hy hữu: “Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay đại thần thông lực, đại oai lực của Tôn giả Sa-môn! Với ngón chân cái, vị này làm cho thiên cung này rung động, chuyển động, chấn động mạnh!”...” (hết trích)

Chúng ta thấy rằng, chưa cần tới Đức Phật, mà một học trò của Đức Phật như ngài Maha Moggallana (Đại Mục Kiền Liên) cũng đủ sức làm chấn động 33 cõi trời, và làm Đấng Vua Trời phải chấn động.

Hay như khi vị Vua Cõi Trời bẽ tắc trước câu hỏi về bốn đại chúng, Đấng Vua Nước Trời này đã phải chịu thua, và khuyên người hỏi rằng nên tìm câu trả lời từ Đức Phật, vị có trí tuệ toàn mẫn.

Chuyện này ghi ở Kinh thứ 11 trong Trường Bộ Kinh, “Kevatta (Kevaddha) Sutta: To Kevatta” (Bản dịch của HT Thích Minh Châu: Kinh Kiên Cố). (4)

Trích từ kinh này như sau:

“...81. Này Kevaddha, không bao lâu, Đại Phạm thiên xuất hiện. Lúc bấy giờ, này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đến Đại Phạm thiên. Khi đến xong, liền hỏi Phạm thiên: “Này Hiền giả, bốn đại chúng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?” - Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Đại Phạm thiên nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biển nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh”.

82. Này Kevaddha, lần thứ hai Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: “Này Hiền

giả, tôi không hỏi: “Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biển nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh”. Này Hiền giả, tôi hỏi: “Này Hiền giả, bốn đại chúng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?”...

...Này Kevaddha, khi bấy giờ Đại Phạm thiên cầm tay Tỷ-kheo ấy, kéo ra một bên rồi nói với Tỷ-kheo: “Này Tỷ-kheo, chư Thiên Brahmà Kayikà xem rằng không có gì Phạm thiên không thấy, không có gì Phạm thiên không hiểu, không có gì Phạm thiên không chứng. Do vậy, trước mặt chúng, ta không có trả lời: “Này Tỷ-kheo, ta không được biết bốn đại chúng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn”. Do vậy, này Tỷ-kheo, Người đã làm sai, Người đã lầm lẫn, khi Người bỏ qua Thế Tôn, hướng đến người khác để trả lời câu hỏi ấy. Này Tỷ-kheo, Người hãy đi đến Thế Tôn hỏi câu hỏi ấy, và hãy thọ trì những gì Thế Tôn trả lời...” (hết trích)

Chúng ta cũng có thể dẫn ra một số nơi khác trong Kinh Phật, khi Vua Cõi Trời phải tới xin học với Đức Phật. Thí dụ, như khi Vua Cõi Trời thấy vòng hoa trên người bắt đầu héo, nên phải tới xin văn pháp Đức Phật.

Như thế, rõ ràng rằng Đức Phật đã nói rất minh bạch, không hề có cái gì gọi là Thượng Đế Sáng Tạo. Và Đức Phật cũng nói rõ rằng, chính các Vua Cõi Trời vẫn phải tới xin học với Đức Phật.

Tương tự, khái niệm ông Trời trong ca dao tục ngữ Việt Nam cũng là cháu của con cóc thôi.

GHI CHÚ:

Nối kết ở: Tiểu kinh Mālunkya, http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4-781_5-50_6-1_17-27_14-1_15-1/#nl_detail_bookmark

Nối kết ở: Kinh Phạm Võng, http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4-108_5-50_6-1_17-41_14-1_15-1/.

Nối kết ở: Tiểu kinh Đoạn tận ái, http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4-718_5-50_6-1_17-27_14-1_15-1/#nl_detail_bookmark

Nối kết ở: Kinh Kiên Cố, http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4-118_5-50_6-1_17-35_14-1_15-1/

Trăng tiễn

*một bữa trăng theo ra biển
tiễn người xây mộng Kinh Kha
người say nghiệp nhỏ quên chí cả
trăng về hiền lạnh khóc quê nhà.*

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



NGUỒN SINH LỰC ĐẠO PHẬT QUA TRUNG BỘ KINH

Thích Nữ Trí Hải

(tiếp theo trang 7)

đấy. Càng lao tâm lao lực, cuộc sống chúng ta càng bận rộn chừng nào, với càng nhiều bạn bè sở hữu, quyền thuộc chừng nào, chúng ta càng thấy rõ sự nghèo nàn cô độc vô vị trống rỗng của nó chừng này, khi mà chúng ta bắt buộc một mình đối diện với cuộc tử sinh của chính mình. Vì sợ hãi, chúng ta tạo ra những thần linh bất diệt để có thể đặt niềm tin tưởng của chúng ta vào đây, để có chỗ bám víu ở giữa một thế giới đầy dẫy những lọc lừa trá trờ. Rồi chúng ta gán cho thần linh ấy đủ các tính xấu của chúng ta, nghĩa là cũng đầy ngã chấp nhỏ nhen, có thể rất tử bi với một tín đồ trung kiên, nhưng cũng có thể rất độc ác với kẻ nào phản bội. Tuy vậy, chúng ta thà có một tín ngưỡng bất toàn hơn không có gì cả. Voltaire nói: "Nếu Thượng đế không thật có, thì cũng cần phải tạo ra một Thượng đế.". Như những con cừu nằm xích lại gần nhau để tìm hơi ấm, chúng ta cũng ưa quần tụ, gia nhập hội này đoàn nọ, vì không thể chịu được mặc cảm cô đơn. Chúng ta nói tiếng nói của tập thể, ưa thích và lựa chọn giống như sự ưa thích và chọn lựa của mọi người, để khỏi bị xem là "không giống ai". Quả thế, vì sợ hãi cô độc, chúng ta thà làm một con cừu ngoan ngoãn trong bầy cừu ấm áp hơn là làm một vì sao cô độc trên nền trời giá băng.

Đức Phật không chấp nhận những giải pháp tạm bợ mà chúng ta thường dùng để đối trị nỗi sợ hãi âm thầm ngự trị trong ta. Ngài đi thẳng vào trọng tâm vấn đề, tìm những nguyên nhân sâu xa của nó để có thể nhiếp phục sợ hãi. Những nguyên nhân ấy theo lời đức Phật dạy, là những thói xấu cố hữu trong ta như tham, sân, si, hôn trầm, thụy miên, giao động, hoài nghi, khen mình chê người, lừa dối, biếng trễ, niệm, hanh danh lợi, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng sống không thanh tịnh: "Này các tỷ kheo, những vị Sa môn, Bà la môn nào có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, có mạng sống không thanh tịnh, những tôn giả Sa môn hay Bà la môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh... Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi."

"Này Bà la môn, những Sa môn hay Bà la môn nào có tâm sân hận, ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu...những tôn giả Sa môn hay Bà la môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi khiếp đảm bất thiện khởi lên... Những Sa môn hay Bà la môn nào giao động, tâm không an tịnh, những Sa môn, Bà la môn nào còn ham muốn lợi danh, tiếng tăm...những Sa môn, Bà la môn nào thất niệm, không chú ý... những Sa môn, Bà la môn nào không có tâm định tĩnh, tâm bị tán loạn mà sống tại các trú xứ vắng trong rừng núi

hoang vu... những tôn giả Sa môn, Bà la môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi khiếp đảm bất thiện khởi lên..." (Kinh Sợ hãi và Khiếp đảm, Trung Bộ Kinh I)

Một trong những phản ứng thông thường của chúng ta trước sự sợ hãi là chạy trốn: "tẩu đao vi thượng sách". Sự chạy trốn mang nhiều hình thức khác nhau. Chúng ta trốn vào trong những cuộc vui, trốn vào trong những công việc, hội hè đình đám, đoàn thể, bạn bè, để khỏi phải đối mặt với hư vô và với chính mình: ngồi thiền sở dĩ rất khó khăn là vì thế, chúng ta phải đối diện với chính mình trong khi độc cư thiền tịnh. Chỉ có những bậc giác ngộ mới có thể sống hoàn toàn cô độc, đối diện với chính mình mà không phát sinh cảm giác khó chịu, trái lại cảm nhận một lạc thọ, hạnh phúc thuần túy. "Này chư hiền, ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong một ngày một đêm... luôn trong hai ngày hai đêm... Cho đến luôn trong bảy ngày bảy đêm..." (Kinh Tiểu khổ uẩn). Như người ca kỹ trong thơ Xuân Diệu ngày xưa, nỗi sợ hãi lớn nhất của ta là phải chạm mặt với chính mình: "Chớ để riêng em phải gặp hồn em":

"Em sợ lắm giá bằng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da."

Cái "không vô biên" ấy thật là đáng sợ, nó có thể làm chúng ta chết ngạt trong đó như một phi hành gia chết rũ khi bay ra ngoài quỹ đạo của trái đất.

Đức Phật đối trị sợ hãi bằng cách nhìn thẳng vào nó, không trốn chạy vào một việc làm khác, một tư thế khác, một thái độ khác như lối xử sự thông thường của chúng ta, "Này Bà la môn, trong bất cứ hành vi, cử chỉ nào của ta mà khiếp đảm sợ hãi xảy đến, thì ngay trong hành vi cử chỉ ấy, ta diệt trừ nỗi sợ hãi khiếp đảm...Trong khi đi kinh hành qua lại, mà sợ hãi khiếp đảm đến, thì ta không đứng, không ngồi, không nằm mà ta diệt trừ sợ hãi khiếp đảm ấy ngay trong khi ta đang kinh hành qua lại." (Kinh Sợ hãi và khiếp đảm).

Do sợ hãi, chúng ta thường bóp méo sự thật cho nó hợp với sở thích của chúng ta, như người điên trong tập Cuồng nhân nhật ký của Gogol luôn luôn tưởng tượng mọi sự đều tốt đẹp, có ảo tưởng rằng mình là hoàng đế và nhà thương điên là cung điện. Đức Phật không thế. Đối với Ngài sự thật là sự thật, dù nó xấu xa hay đẹp đẽ, cần phải được thấy đúng như bản chất của nó: "Này Bà la môn, có một số Sa môn, Bà la môn nghĩ rằng ngày là đêm, đêm là ngày. Ta nói những Sa môn, Bà la môn ấy sống trong si ám...Ta nghĩ rằng đêm là đêm, ngày là ngày". Chúng ta nhớ đến một câu trong kinh Pháp cú, đức Phật dạy:

"Nó đánh tôi, mắng tôi,
Nó thẳng tôi, cướp tôi,
Ai ôm hiềm hận ấy,

HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ

THƯ MỜI

Kính gửi Quý Đồng hương Phật tử

Trong tinh thần đồng học đồng tu để phụng sự Đạo Pháp, Hội Phật học **Đuốc Tuệ** sẽ tổ chức Buổi Hội Luận năm nay với chủ đề:

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG CÔNG CUỘC HOẰNG PHÁP TẠI HẢI NGOẠI

từ 2.00 giờ đến 5.30 chiều

ngày Chủ nhật 11 tháng 12 năm 2011

tại **Trung tâm Sangha**, 7641 Talbert Ave, Huntington Beach, CA.92648. (Điện thoại liên lạc: **714.425.3938**)

Trân trọng kính mời quý Đồng hương Phật tử đến tham dự Hội Luận để trao đổi ý kiến hầu cùng nhau làm tròn vai trò người Cư sĩ Việt Nam hải ngoại trong hoàn cảnh hiện tại.

Quý vị Diễn giả được thỉnh mời tham gia Hội Luận:

- Đạo hữu **Đỗ Quý Toàn**, Giáo sư Kinh tế Tài chính
- Đạo hữu **Tâm Diệu**, Chủ biên Trang nhà *Thư Viện Hoa Sen*
- Đạo hữu **Vinh Hào**, Chủ biên Nguyệt san *Chánh Pháp*
- Đạo hữu **Huỳnh Tấn Lê**, Chủ tịch HĐĐH/ Tổng hội Cư sĩ
- Đạo hữu **Nguyễn Lượng**, Hội trưởng Hội Cư sĩ Orange County

Sự tham dự của Quý vị sẽ là niềm khích lệ lớn lao cho chúng tôi trong nỗ lực Hộ trì Tam Bảo.

Orange County, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả
Hội trưởng, Hội Phật học Đuốc Tuệ

Oán thù không thể nguôi."

Một điểm đáng lưu ý ở đây là đức Phật không dạy chúng ta nên tưởng tượng sự lắng mạ thành ra sự ngợi khen hay tưởng tượng sự đánh đập thành ra sự ve vuốt. Ngài chỉ dạy đừng ôm giữ tâm niệm ấy nghĩa là hãy xả bỏ, cho qua để khỏi rước thêm khổ, tự hại mình: Một lời khuyên thực tiễn, khôn ngoan.

Trong kinh Ví dụ cái cửa, đức Phật dạy tỷ kheo theo dù có bị cửa xé thân thể ra từng mảnh từng đoạn, cũng đừng ôm lòng sân hận mới đúng là đệ tử của Ngài. Nếu ta chấp chặt từng lời từng chữ thì thấy lời dạy này thật khó mà thực hành. Kỳ thực lời dạy này rất thâm thúy hiểu theo nghĩa bóng: Dù không ai cửa xé, cái cửa Vô thường cũng đang cửa xé thân ngũ uẩn này từng giây từng phút cho đến khi nó hoàn toàn tan thành tro bụi. Vậy thì, còn sống hơi thở nào, hãy sống trong chính niệm, an lạc, đừng nổi sân vì

những chuyện bất bình mà chuốc thêm đau khổ trong khi đang bị vô thường cửa dẫn tới nấm mồ hoặc lò hỏa thiêu.

Không một lời dạy nào của đức Phật là không liên hệ trực tiếp đến việc tìm hiểu con người chúng ta, thân tâm chúng ta, với những vấn đề của nó. Bản chất của dục, nguyên nhân của dục, con đường thoát ra khỏi dục được đề cập một cách chi ly. Sự sống sở dĩ là khổ chính vì con người vốn đã đau khổ vì già, bệnh, chết, lại còn đi chuốc thêm vào mình những cái phải chịu sự chi phối của già, bệnh, chết: sắc đẹp, danh vọng, tài sản. Nếu chúng ta biết ngay trong đời sống khổ đau này, với thân xác khả hoại này, đi tìm, gần gũi, thân cận những cái không già, bệnh, chết, thì đó là ta đã đạt được niết bàn, bất tử ngay trong sinh tử. Cái đó là chánh pháp tối thượng. Cho nên, đức Phật dạy rằng tài sản của người xuất gia là chánh pháp tối thượng này. •



Nắng mưa là bệnh của trời

Bà già nghèo khổ quá trời
Cùng hai con gái sống đời khó khăn
Hai cô buồn bán kiếm ăn
Suốt ngày vất vả, quanh năm muộn phiền.
Cô con lớn bán nhang đèn
Cho người đi lễ, ở trên cửa chùa,
Cô kia lại bán ô dù
Trước trường học nọ, khách mua không nhiều,
Mẹ con quả thật gieo neo
Long đong kiếp sống, buồn thiu cõi lòng.
Lão bà lo ngại vô cùng
Rối theo thời tiết xoay vòng đổi thay
Luôn gây ảnh hưởng không hay
Khiến bà nghĩ ngợi, lo ngày lo đêm.
Những hôm mưa gió liên miên
Cô con gái lớn nhang đèn ế ngay
Người đi lễ Phật vắng thay
Bà già rầu rĩ héo đẫy ruột gan.
Những hôm nắng đẹp hanh vàng
Cô con gái nhỏ cửa hàng vắng teo
Dù kia ế ảm. Thêm nghèo!
Bà già lo lắng đủ điều mỗi thời
Trong tâm bà lão rối bởi
Nỗi phiền theo với chuyện trời nắng mưa.

*

Một ngày nọ gặp nhà sư
Bà bèn trút hết tâm tư muộn sầu
Nổi lòng u uất bấy lâu,
Sư bèn khuyên nhủ đôi câu chân thành:
"Đổi thay suy nghĩ của mình
Chuyện trời mưa nắng thường tình sá chi
Cuộc đời sẽ hết sầu bi
Sẽ vui hơn nếu nghĩ suy đúng đường!
Hôm nào nắng đẹp phố phường
Trên chùa nhiều khách thập phương ra vào
Bà nên vui sướng biết bao
Nhang đèn bán hết, dạt dào niềm vui!
Hôm nào mưa gió đập vui
Bà con ngoài phố tới lui ướt người
Hàng dù đắt tựa tôm tươi
Thì bà cũng lại sướng vui vô cùng!
Thế là nếu cứ nhìn chung
Bà còn may mắn đáng mừng hơn ai
Vì rằng mưa nắng mặc trời
Hai cô con gái kiếm lời luân phiên!"

*

Sư nói phải, bà lặng yên
Ngẫm ra có lý bà liền theo ngay
Kể từ khi đó hàng ngày
Nghĩ suy theo cách chỉ bày của sư
Niềm vui về ngập tâm tư
Gia đình thoải mái hơn xưa bội phần
Ấm êm, hoan hỷ vô ngần
Mặc cho mưa nắng xoay vần trên người,
Nắng mưa là bệnh của trời
Mặc trời! Bà cứ thành thời! Lo gì!
Nội tâm khi chuyển hóa đi
Nhìn đời tốt đẹp, sầu bi chẳng còn!

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

chuyện thơ

(phỏng theo tập truyện văn xuôi
NHỮNG HẠT ĐÀU BIẾT NHẢY
của Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch)

ÂM THANH CỦA IM LẶNG

Vĩnh Hiền

"Ông có bao giờ nghe ra âm thanh của sự im lặng chưa?" Hiệp hỏi Cương khi hai người uống rượu trên sân thượng lúc đã nửa đêm. Nhìn từ trên cao xuống các khu phố thị nằm ngang dọc bên dưới, có thể nghe thấy những tiếng động rì rầm yếu ớt thỉnh thoảng văng lên - tiếng một chiếc xe gắn máy nổ và chạy đi thành một luồng âm thanh trong lòng đêm, tiếng sập hai cánh cửa sắt mạnh bạo ở một ngôi nhà nào đó sau cuộc nhậu, cuộc họp hay buổi học tập, tiếng hai người đàn bà í ới nói vọng qua nhau trong một cái sân chung, tiếng gõ lách cách của một xe mì gõ, và tiếng cười âm vào trong đêm trường tịch mịch.

"Âm thanh của sự im lặng à?" Cương nói sau một lúc suy nghĩ, "Có lẽ là chưa." Hiệp trút thêm thịt trong chảo ra đĩa. "Tôi hỏi ông đã có bao giờ nghe ra chứ không phải nghe thấy âm thanh của im lặng." Y nâng ly lên chạm vào ly của người bạn mình.

Họ đã uống rượu với nhau cả ngàn lần và cái chạm ly như một thói quen—sau khi ly rượu được rót đầy—một thói quen tự động, vô thức và đã thành tập tính.

"Chưa nghe ra," Cương đáp, "Ít ra là đến lúc này."

Hiệp ngả người ra sau lưng ghế, đôi mắt nhìn xuống đêm tối sâu hun hút. "Im lặng có âm thanh của nó đấy ông," một lát sau Hiệp nói, "Người ta thường nghĩ đã là im lặng thì làm gì có âm thanh, thì đúng vậy, im lặng sao nấy ra tiếng được. Ấy thế mà có đấy, ông ạ." Cương rót rượu vào hai ly, cười khẽ, "Thú vị! Ông cứ nói đi. Tôi đang nghe đây."

Hiệp nâng ly lên, "Uống cho âm thanh của im lặng." Cương chạm ly vào ly bạn. "Ừ, im lặng của âm thanh."

Thành phố biến dạng chìm dần vào giấc ngủ nửa đêm của nó, tất cả mọi tiếng động quen thuộc thường ngày đều bị nuốt mất vào trong lòng đêm sâu thẳm, chỉ còn nghe thấy những âm thanh mơ hồ nào đó ở những góc khuất xa xôi của thành phố thoảng vọng đến.

Hiệp rít mạnh một hơi thuốc Cotab, giọng nói như mơ màng ngái ngủ, "Trong những lúc nửa đêm tịch mịch, im lặng như vậy, tôi thường lên ngồi trên góc sân thượng một mình, hút thuốc và nhìn xuống toàn cảnh thành phố lúc canh khuya, chung quanh đều im lặng như vậy, lặng



như tờ, rất êm ả, ừ, vào những lúc im lặng hoàn toàn như thế, tôi mới nghe ra âm thanh của sự im lặng. Tôi nghe ra im lặng đang nói với tôi điều gì, nhưng chỉ với bản thân tôi thôi, và chỉ có tôi mới nghe ra điều mà sự im lặng đang phơi tỏ cho tôi thấy về cuộc đời tôi, về gốc rễ tâm hồn tôi, về những điều kín kẽ ẩn náu trong đầu óc tôi mà vào lúc ban ngày làm việc trong sự vận động ồn ào hối hả của đời sống tôi đã không nghe ra được. Tôi nghe ra trong sự im lặng có âm thanh dịu dàng vuốt ve tôi khi đầu óc tôi đang khổ sở cùng quần vì chuyện làm ăn, chuyện cơm áo gạo tiền, chuyện lục đục giận hờn xô xát với vợ con, bạn bè, thân quyến. Tôi nghe ra trong sự im lặng có âm thanh sôi nổi rộn rã đang vui vẻ thúc đẩy tôi khi đầu óc tôi đang cuốn hút vào một công việc mà mình ưa thích. Tôi nghe ra trong im lặng có âm thanh của cõi lòng tôi đang thốt lên những giai điệu vui vẻ hân hoan và buồn rầu thống khổ tùy theo tâm cảnh tôi lúc đó. Chẳng hạn, đêm qua đi dự đám cưới Thanh và Hằng về, tôi ngồi trên đây và nghe ra trong im lặng đang có những âm thanh náo hoạt vui nhộn của bữa tiệc cưới còn lưu trong đáy hồn tôi và đang ngân vang lên những giai điệu vui tươi của cuộc đời. Hay như tuần trước, sau khi đi dự lễ tang của Phong về, tôi lên đây ngồi và đã nghe trong im lặng những âm thanh đau buồn u uất của một đời người kém may mắn đang trôi lên trong lòng tôi những âm điệu phũ phàng của một bản hòa tấu vô thường của kiếp người, tất cả các âm thanh của cuộc đời đều được lưu trữ trong sự im lặng mà vào ban ngày các hoạt động bình thường và sôi động của đời sống khiến ta không thể nghe ra được. Im lặng, đó là khi ta mở lòng ra để nghe được những âm thanh. Nhưng không bao giờ có một sự im lặng hoàn toàn phải không ông? Không, tôi nghĩ không có sự im lặng hoàn toàn, sự im lặng tuyệt đối, trừ phi ta bị hôn mê, hay ta đã chết. Im lặng bao giờ cũng có âm thanh của nó."

Lúc hai giờ sáng, Cương rời khỏi nhà người bạn giám đốc, chạy xe qua các đường phố trống trải, im lìm của thành phố, quay về ngôi nhà nhỏ của mình trong hẻm cụt ở góc phía bắc của thành phố.

Cương lên giường ngủ, nằm thao thức trong bóng tối vây quanh. Tiếng chuột rúc văng lên đầu đó trong xô bếp. Rồi tất cả rơi vào yên lặng. Không có một tiếng động nào, một âm thanh nào khác, trừ tiếng thở hơi gấp từ men rượu ở Cương.

Bỗng trong không gian êm ả, tĩnh lặng của thành phố biến lúc nửa đêm, Cương nghe ra một âm thanh mơ hồ, bàng bạc nào đó đang trôi lên từ đáy lòng chàng.

Một âm thanh của sự im lặng. Nó không rõ ràng, rất chậm rãi, không có âm sắc, rất mờ lung, không có hình ảnh, rất điệu vợ, và không có giới hạn, rất vô biên.

Ừ, nó đấy, âm thanh của sự im lặng. Nó ngoi lên từ đáy sâu tâm thức chàng như một nốt nhạc của vịnh cửu, của vô thường, của bình thường, của sắc không, của đen trắng, của chìm nổi, của thị phi, của không thời, của hư vô, tất cả âm sắc của thế gian này cùng tụ vào nốt nhạc đang trôi dạt: nốt nhạc của sự im lặng.

LỄ KHAI MẠC KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ I TẠI OXNARD, NAM CALIFORNIA, TỪ NGÀY 27 ĐẾN 31.10.2011

Photos: haitrieuam



VÀI HÌNH ẢNH TIỆC CHAY GÂY QUỸ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ

(Photos: Dũng Nguyễn)



CHÙA BÁT NHÃ TỔ CHỨC ĐẠI TIỆC CÚNG DƯỜNG XÂY DỰNG CHÙA

Santa Ana (Bình Sa)-- Lúc 4 giờ chiều Thứ Bảy ngày 01 tháng 10 năm 2011 trong khu đậu xe khuôn viên chùa Bát Nhã nhiều căn lều lớn được dựng lên hàng trăm chiếc bàn tròn, mỗi bàn 10 người được xếp theo từng hàng trông thật đẹp mắt. Chúng tôi tiếp xúc với quý vị trong ban tổ chức cho biết số bàn được xếp theo thứ tự là 120 bàn, nhưng đến giờ khai mạc đồng hương Phật tử vẫn tiếp tục đến vì vậy một số đồng hương Phật tử phải đứng chung quanh để thưởng thức các món ăn và chờ xem chương trình văn nghệ.

Chư Tôn Đức có Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, Hòa Thượng Thích Giác Sĩ, Viện Chủ Tịnh xá Giác Lý, Sư Bà Thích Nữ Diệu Từ, Viện Chủ Chùa Diệu Quang và một số đồng chư Tôn Đức Tăng Ni đến từ các tự viện trong vùng Orange County. Quý vị nhân sĩ trí thức Phật Giáo, về quan khách có Nghị Viên Thành Phố Westminster Ông Tạ Đức Trí và Ông Andy Quách, quý vị Kiến Trúc Sư, Kỹ Sư những người thực hiện công trình xây cất chùa Bát Nhã; ngoài ra còn có một số quý vị đại diện hội đoàn, đoàn thể, Gia Đình Phật Tử, cơ quan truyền thông, truyền hình báo chí và hơn 1200 đồng hương Phật tử tham dự.

Điều hợp chương trình khai mạc là Đại Đức Thích Đồng Trực. Bắt đầu là phần nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán do các em trong Gia Đình Phật Tử Bát Nhã thực hiện. Tiếp theo Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã lên nói lời chào mừng và cảm ơn quý vị quan khách, quý cơ quan truyền thông, truyền hình, báo chí và đồng hương Phật tử tham dự buổi tiệc chay ngày hội cúng dường xây dựng chùa Bát Nhã, sau đó Hòa Thượng cho biết: Một ngôi chánh điện được xây cất qui mô theo như đồ án, trong đó tôn thờ 10 ngàn pho tượng tương xứng là một Đại Tông Lâm Phật Giáo để qui tụ Tăng Ni và có chỗ sinh hoạt cho số lượng lớn Tăng tín đồ trong các dịp lễ lớn như Đạo Tràng An Cư Kiết Hạ, Bồ Tát, Tự Tứ cho chư Tôn Đức Tăng Ni Phật Giáo Việt

Nam Thống Nhất Liên Châu, Đạo Tràng tu học hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, hằng năm cho chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử. Chùa Bát Nhã cũng là cơ sở sinh hoạt, huấn luyện cho các giới thanh thiếu niên về các phương diện như: đức dục, trí dục, thể dục trong đó có các lớp tu học cho Thanh Niên, Sinh Viên Phật Tử, Gia Đình Phật Tử và các lớp huấn luyện võ thuật. Ngoài ra, Chùa còn giúp đỡ tinh thần cho các Phật tử cao niên, nhận lãnh di chúc của các Phật tử neo đơn không có người lo hậu sự. Nói chung các vấn đề như quan hôn, tang tế đều được tổ chức tại Chùa. Chùa còn là nơi an dưỡng cho Chư Tôn Đức Tăng Ni tuổi già sức yếu (Viện Dưỡng Lão), và dĩ nhiên Chùa cũng sắp xếp chu đáo để có nơi tôn thờ hài cốt, hình ảnh chư hương linh quá cố, có nơi đậu xe đủ cho Tăng tín đồ về chùa an tâm sinh hoạt... Hội trường của Chùa Bát Nhã sẵn sàng cho các tổ chức cộng đồng khi cần, không phân biệt màu da chủng tộc." Đây là một vài điều Hòa Thượng thông báo đến cùng đồng hương Phật tử về ngôi chùa Bát Nhã khi hoàn thành.

Tiếp theo đoàn Lân Gia Đình Phật Tử Bát Nhã lên múa chào mừng quan khách và đồng hương Phật tử tham dự. Buổi tiệc bắt đầu mọi người cùng ăn cùng thưởng thức một chương trình văn nghệ xuất sắc được điều hợp của 2 MC Đỗ Thanh và Vy Lan qua các giọng ca quen thuộc như: Phương Hồng Quế, Trang Thanh Lan, Minh Hùng, Cát Tuyền, Dương Bửu Trang, Lê Trung Cang, Hoàng Dung... Đặc biệt có Ban Hợp Ca Chùa Diệu Quang và các em Gia Đình Phật Tử tham gia trình diễn.

Chương trình văn nghệ kéo dài, nhiều đồng hương Phật tử còn đề nghị ban tổ chức tiếp tục tổ chức những buổi tiệc "Ngày Hội Cúng Dường Xây Dựng Chùa Bát Nhã" để giúp cho ngôi chùa sớm được hoàn thành.

Mọi chi tiết liên lạc xin gọi về chùa: **(714) 571-0473**.

ĐỒ ÁN XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ



TÍNH VĂN HỌC QUA PHẨM DƯỢC THẢO DỤ TRONG KINH PHÁP HOA

Thích Nữ Khánh Năng

(tiếp theo trang 4)

Theo Junjiro Takakusu (bản dịch Việt Tuệ Sỹ) trong Tinh Hoa Triết Học Phật Giáo thì "bản Hán dịch sớm nhất do Pháp Hộ (Dharmaraksa) vào năm 286, bản dịch thứ hai do Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva) năm 406 và bản thứ ba (đầy đủ nhất) do Xà-na-quật-đa (Jnanagupta) và Đạt-ma-cấp-đa (Dharmagupta) năm 601. Trong mấy bản dịch này, bản thứ hai có văn chương hay nhất và có thẩm quyền nhất về Pháp hoa, được các nhà thẩm quyền nhất về Pháp hoa thừa nhận." [2]

Từ khi Diệu pháp liên hoa kinh được Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva) dịch và phổ biến thì kinh này trở nên một trong những chủ đề phổ biến nhất trong công cuộc nghiên cứu Phật học, song song với kinh Bát-nhã và kinh Niết-bàn. Với một đường lối dung hòa, với tư tưởng pháp chân không siêu thoát, kinh Pháp hoa đã đạt được mục đích của mình là 'khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến'. Có lẽ cũng vì vậy mà kinh được tôn thờ quý kính, được hành trì, nghiên cứu và phổ biến sâu rộng.

Theo các nhà nghiên cứu, kinh Pháp hoa phải trải qua nhiều giai đoạn mới thành như hiện nay. Có thể chia thành 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Pháp hoa mang tính đại chúng, được viết bằng tiếng Prakrit, phần Trung tụng xuất hiện trước.

Giai đoạn 2: Được thêm vào phần văn xuôi để làm cho phần Kệ tụng được rõ hơn.

Giai đoạn 3: Phát triển thêm phần văn xuôi. Khi so sánh các bản Phạn thì các bản Cổ văn xuôi ngắn hơn, các bản về sau văn xuôi dài hơn.

Giai đoạn 4: Phát triển thêm bản mới. Bản Phạn cũ chỉ có 27 phẩm, sau thêm phẩm Đê Bà Đạt Đa thành 28 phẩm.

Hiện nay có nhiều bản Phạn ngữ kinh Pháp hoa được tìm thấy ở Nepal, Tây Tạng, v.v... Đại tạng Hán ngữ nay còn có 3 bản. Riêng bản dịch Pháp hoa quốc ngữ kinh của Pháp Liên, theo như người viết, là bản kinh giải âm bằng thơ tiếng Việt dài duy nhất hiện tìm thấy. Trong 28 phẩm, trừ ba phẩm Chúc Lụy thứ 22, Dược Vương thứ 23 và Diệu Âm thứ 24 viết bằng thể song thất lục bát, 25 phẩm còn lại thì hoàn toàn diễn âm bằng thể lục bát.

Sự nghiên cứu và truyền bá kinh Pháp hoa rất sâu rộng, đóng một vai trò quan trọng không những ở Ấn Độ, mà còn ở Trung Hoa, Nhật Bản và các nước theo truyền thống Đại thừa.

Trong kinh Pháp hoa, đặc biệt là ở phẩm Dược Thảo Dụ, đức Phật đã dùng những loại hình ngôn ngữ rất đặc sắc. Cụ thể là Ngài đã dùng ngôn ngữ thí dụ, ngôn ngữ biểu tượng và ngôn ngữ so sánh.

Ngôn ngữ thí dụ là ngôn ngữ diễn đạt về một hình ảnh cụ thể, một trường hợp cụ thể để minh họa cho vấn đề được nêu ra. Trong Kinh tạng Phật giáo

có rất nhiều hình ảnh thí dụ. Đức Phật trong mỗi pháp thoại thường dùng thí dụ cụ thể để minh họa cho giáo lý của Ngài. Nếu xét về loại hình ngôn ngữ thí dụ thì kinh Pháp cú được xem là bản kinh nổi bật nhất về hình ảnh thí dụ; hay nói cách khác, ngôn ngữ của kinh Pháp cú là ngôn ngữ thí dụ.

Tuy nhiên, trong hầu hết các kinh đều có thí dụ, chẳng hạn như phẩm Dược Thảo Dụ trong kinh Pháp hoa cũng là một trường hợp điển hình. Đọc xuyên suốt toàn phẩm chúng ta sẽ thấy rằng, đức Thế Tôn đã dùng hình ảnh thí dụ rất sống động, rất giản đơn như những sự kiện, hiện tượng xảy ra hàng ngày và gắn liền với đời sống tâm thức, tình cảm của con người: "Đại-ca-diếp, ví như toàn cõi đại thiên thế giới, núi đồi hang rãnh và ruộng đất mọc lên cây cối và cỏ thuốc, với bao nhiêu là chủng loại mà tên gọi và màu sắc không giống với nhau. Nhưng mây dày nổi lên và giăng bủa khắp cả đại thiên thế giới ấy, mưa xuống một cách đồng thời và đồng đều, thì nước mưa thấm khắp tất cả.

Tất cả cây cối và cỏ thuốc, rễ nhỏ thân nhỏ nhánh nhỏ lá nhỏ, rễ vừa thân vừa nhánh vừa lá vừa, rễ lớn thân lớn nhánh lớn lá lớn, cây cối thì tùy chủng loại lớn nhỏ và cỏ thuốc thì tùy tính chất lớn vừa kém mà hấp thụ đủ cả.

Một loại mây đổ mưa xuống, xứng hết với các mầm, nên thứ nào cũng được sinh ra, lớn lên, trở hoa, ra trái và kết hạt. Cùng một đất mọc lên, một mưa thấm xuống, nhưng các cây cối và cỏ thuốc vẫn có khác nhau" [3]

Qua đoạn kinh trên, chúng ta thấy rằng, ngôn ngữ thí dụ và ẩn dụ đã dung hòa vào nhau; hay nói cách khác, ở đây thí dụ cũng là ẩn dụ. Với hình thức liên tưởng so sánh ngầm, đức Phật đã sử dụng ngôn ngữ này một cách thiện xảo để nói đến căn cơ, trình độ của chúng sinh: "Dược thảo dụ là nói căn cơ lớn nhỏ, trí có chậm mau, cơ có sâu cạn" [4]. Còn theo Hòa thượng Trí Quang: "ví dụ cây cỏ này nói tam thừa (thậm chí ngũ thừa) toàn xuất từ nhất thừa" [5].

Cây cối có hai loại là nhỏ và lớn, cỏ thuốc có ba tính chất là kém, vừa, tốt, và cây cỏ ấy được xếp làm ba nhóm. Nhóm một, nói riêng về cỏ thuốc (có thể ví dụ cho Ngũ thừa): Nhân đạo và thiên đạo là cỏ thuốc kém, Thanh văn và Duyên giác là cỏ thuốc vừa, Bồ-tát là cỏ thuốc tốt. Nhóm hai, nói riêng về cây cối (có thể ví dụ cho Bồ-tát thừa): Bồ-tát sơ phát tâm là cây nhỏ, Bồ-tát không còn thoái chuyển là cây lớn. Nhóm ba, nói chung cả cỏ thuốc và cây cối (có thể ví dụ cho Tam thừa): La-hán và Duyên giác là cỏ thuốc, Bồ-tát tuệ lực vững chắc là cây nhỏ, Bồ-tát thấu triệt về Không, hóa độ vô số là cây lớn.

Phần lớn các nhà nghiên cứu đều cho rằng, cốt tủy của phẩm Dược Thảo Dụ là nói về căn cơ của chúng sinh. Nhưng theo Hòa thượng Trí Quang thì Dược Thảo Dụ là dụ cho Tam thừa (hay Ngũ thừa) toàn xuất từ nhất thừa như

đã nói ở trên. Hòa thượng Thông Bửu có đề cập thêm về rễ, thân, cành và lá của loài dược thảo. Song giải thích ấy cũng chỉ tương ứng với bốn phần Tín, Giới, Định, Tuệ phải gồm đủ của một hành giả.

Tuy nhiên, với tinh thần Pháp hoa là cốt nói Nhất thừa (xác quyết ai cũng làm Phật) thì cách giải thích toàn vẹn nhất phải là tổng hợp tất cả các giải thích trên. Bởi lẽ, cùng mọc lên từ đất, cùng thấm nước mưa, nhưng mọi cây cỏ này mầm, lên cây, ra hoa, kết trái, tất cả đều khác nhau mà không thứ nào tự biết như vậy. Hay nói cách khác, qua âm thanh duy nhất của Phật, tất cả cùng nghe pháp đồng nhất, nhưng mỗi người tu nhân và được quả khác nhau mà không ai tự biết. Chỉ có đức Phật, bậc Chánh đẳng giác, với trí tuệ vô lậu mới biết rõ và thuyết pháp cho.

Do đó, ví dụ về cây cỏ này cho thấy Ngũ thừa hay Tam thừa cũng xuất phát từ Nhất thừa mà vẫn khác nhau.

Nếu như đối với Kinh tạng Nguyên thủy, nhất là kinh Pháp cú, ngôn ngữ thí dụ và ẩn dụ được xem là ngôn ngữ đặc trưng, thì ngược lại, đối với Kinh tạng Đại thừa, đặc biệt là kinh Pháp hoa thì ngôn ngữ tiêu biểu là ngôn ngữ biểu tượng.

Về ý nghĩa của biểu tượng, trước hết chúng ta thấy rằng, biểu tượng luôn luôn là biểu tượng về một cái gì khác nó, chứ không phải là về chính nó, chẳng hạn kinh Pháp hoa (Diệu Pháp Liên Hoa) - một bộ kinh được xem là vua của các kinh trong hệ thống kinh tạng Đại thừa - vốn mang biểu tượng là Hoa Sen. Hoa sen tượng trưng cho Phật và Phật tính ở mỗi người. Như chúng ta biết, hoa sen là một loài hoa chỉ mọc lên trong đầm lầy, mặc dù vậy hoa và hương của nó luôn tinh khiết, không cấu nhiễm bởi bùn nhơ, nước đục.

Điều này cho thấy ý nghĩa biểu tượng của hoa sen là một sự toàn thiện ngay giữa lòng cuộc đời ô trược, cũng như sự giác ngộ, giải thoát không thể thoát ly ngoài con người trần thế và cuộc đời trần thế mà có.

Về ngôn ngữ biểu tượng, tức là dùng ngôn ngữ hình ảnh để nói lên một vấn đề nào đó. Vì lẽ đó, ngôn ngữ biểu tượng là ngôn ngữ mang đầy màu sắc, hình ảnh, nó làm cho tác phẩm thêm giàu tính văn học và có một vẻ đẹp lung linh, huyền ảo. Song, ngôn ngữ biểu tượng lại được xem như là một thứ ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ, hay một bức thông điệp không lời, thì điều này cũng chính là trở ngại lớn lao cho người học kinh khi nghiên cứu vào hệ thống Kinh tạng Đại thừa vốn giàu tính văn học.

Đọc hay tụng lướt qua phẩm Dược Thảo Dụ trong kinh Pháp hoa, người đọc vẫn có thể cảm nhận được mạch văn trôi chảy nhẹ nhàng, ngôn từ hoa mỹ; song, để lãnh hội được ý kinh thì thiết nghĩ phải có một quá trình chiêm nghiệm dài lâu.

Chúng ta hãy đọc một đoạn kinh sau: "... Cùng một đất mọc lên, một mưa thấm xuống, nhưng các cây cối và cỏ thuốc vẫn có khác nhau". [6]

Chúng ta sẽ liên tưởng đến điều gì? Cùng một đất phải chăng là "như thật tâm địa", cùng một mưa phải chăng là cùng những lời pháp nhũ của đức Thế Tôn, nhưng các cây cối và cỏ thuốc vẫn có khác nhau, phải chăng là vì căn cơ, trình độ của mỗi chúng sinh

mỗi khác?

Ở đây, chỉ với đoạn kinh ngắn này, chúng ta đã nhận được không biết bao nhiêu là thâm nghĩa của kinh qua các biểu tượng cơn mưa, đất, cây cối, cỏ thuốc. Và cho đến nay, cơn mưa, đất, v.v... đã đi vào truyền thống Phật giáo bởi hình ảnh biểu tượng của nó. Nhắc đến cơn mưa, người học Phật nghĩ ngay đến những lời dạy của đức Thế Tôn, như một trận mưa xuống làm sạch bụi bặm, thấm nhuần nuôi dưỡng cây cỏ.

Riêng về ngôn ngữ so sánh, có lẽ xuất hiện không nhiều trong hệ thống Kinh tạng. Song, sự xuất hiện hiếm hoi của nó trong phẩm Dược Thảo Dụ của kinh Pháp hoa cũng nói lên được rằng, bộ kinh rất giàu tính văn học và các phương pháp nghệ thuật được dùng trong ngôn ngữ kinh là rất phong phú. Ở ví dụ về cây cỏ nêu trên, tiếp theo đó đức Phật dạy: "Đại-ca-diếp, Như Lai cũng vậy. Như Lai xuất hiện ở thế gian in như mây lớn nổi lên. Rồi in như mây lớn bủa khắp đại thiên thế giới, Như Lai xuất ra âm thanh rất lớn, vang khắp thế giới chúng sinh..." [7].

Bằng ngôn ngữ so sánh, "cũng vậy", đức Thế Tôn đã khéo léo so sánh, khéo léo thuyết giảng, đưa chúng sinh đi từ thấp đến cao, từ chỗ mơ hồ chưa hiểu rõ đến chỗ thấu suốt vấn đề cũng bằng một hình ảnh biểu tượng khác. Điều này nói lên rằng, đức Thế Tôn không muốn cho chúng sinh bị mê lầm, mắc kẹt vào mớ ngôn ngữ kia. Điều mà Như Lai muốn, cái thực tại mà Như Lai muốn hiển bày nó nằm ngoài ngôn ngữ, là chúng sinh hãy nương giáo lý của Như Lai như nương vào ngón tay để nhìn thấy mặt trăng, để nhìn thấy, để có thể thể nhập vào cảnh giới Niết-bàn vô tướng của chư Phật.

Như đã nói, kinh Pháp hoa được trình bày dưới hình thức một vở kịch có nhiều màn, nên nó mang tính đại chúng dễ hiểu. Đó là cách truyền đạt chân lý cao siêu qua cái bình dị, thông thường. Mà chân lý thì toàn diện, siêu việt, trong khi đó, ngôn ngữ thì phiến diện, giới hạn, cho dù sử dụng ngôn ngữ tinh xảo cách mấy cũng không chuyển tải hết sự thật, vì vậy Pháp hoa chọn cách sử dụng ngôn ngữ biểu tượng để chuyển tải sự thực đến mức tối đa.

Đó cũng là yếu tố chính khiến cho kinh Pháp hoa thêm đậm tính văn học, và chân lý trong kinh Pháp hoa luôn là một chân lý sống động, một thái độ sống tích cực, một đóa sen vươn lên từ bùn nhơ để tỏa hương thơm ngát giữa bồng bênh khói sương cuộc lữ.

Chú thích:

[1] Junjiro Takakusu - *Tinh hoa và Triết học Phật giáo* - Tuệ Sỹ dịch, Ban tu thư Phật học, 2004, tr.242.

[2] Tuệ Sỹ, Sđd, tr.237.

[3] Tỳ kheo Trí Quang, *Kinh Pháp Hoa lược giải*, NXB Tôn giáo, 1998, tr.288-289.

[4] Thích Nhật Quang, *Pháp Hoa để cương*, NXB TP.HCM, 1999, tr.41.

[5] Tỳ kheo Trí Quang, Sđd, tr.292.

[6] Tỳ kheo Trí Quang, Sđd, tr.288-289.

[7] Tỳ kheo Trí Quang, Sđd, tr. 289.



GỌI TIẾNG MUÔN TRÙNG...

Cư sĩ Liên Hoa

Từng cánh chim vội vã bay về, tìm lại tổ ấm sau một ngày bay xa, tìm thức ăn...Bầu trời đẹp quá, nên thơ, huyền ảo, mông lung dù trải qua bao chập chùng mưa nắng thất thường. Mặt trời ngả bóng, ánh sáng chiều thong thả toả rộng, cành cây lung lay theo cơn gió, và chúng ta có một ngày để gọi muôn trùng về trong từng sát na của cuộc sống, như từ bao đời trôi qua.

Ở nơi cuối ngã chân trời, vàng mây vẫn tròn trịa thương yêu, đem tin yêu vào cuộc sống, vì vốn dĩ cuộc sống là những bất toàn, dù mưa gió cuộc đời có là cuồng phong bão tố, dậy sóng nhân gian, nhưng cố hương của một kiếp người vẫn như bàng bạc đâu đây, trong từng bước chân, hơi thở, nụ cười. Chúng ta đi tìm gì cho đời sống, cho kiếp nhân sinh, cho nhau khi bao la vẫn vô cùng, khi bàn tay vẫy gọi là từng cơn sóng ngút ngàn lan toả, khi một niệm trở về, chỉ còn là tịch liêu mặt niệm.

*Chén trà chưa với cạn
người lữ khách đầu rồi
tìm gì trong ngày tháng
bỏ quên mảnh trăng xưa..*

Đời sống không chỉ là bung ra, thoắt tốc mảnh tâm, đi truy tìm tự ngã trong một chốn sơn khê nào đó, hay trong những đô thị sầm uất, trong một cõi hoang vu, khi các mùa vẫn là suối nguồn của pháp giới, hiện hình "bất sanh bất diệt" trong các duyên khởi, có còn mất được. Chúng ta làm gì trong những bước đi hồi hải, trùng trùng, lay bờ cát huyền, động những mảnh trăng làm rơi rụng, tan hoà trong vô cùng ảo vọng. Em hỏi tôi đời sống là gì và có gì còn để nắm chặt trong bàn tay xưa cũ? Ta hỏi em đường đi sao vẫn bước, để tập niệm chan hoà trong cõi tâm bao lần xao động của những đợt sóng chập chờn hư ảo? Con người hỏi nhau sao vô thường là những gì không nắm bắt được, một thoáng mây bay, một dòng

sinh tử, một khởi đầu đi đến chấm dứt, một khoảng không gian gần gũi trở nên hoang vu trên đảo cô liêu, một mảnh trăng tâm bỏ hoang bám đầy rêu mốc của phiền não cuộc đời? Ai ngồi ngắm ánh trăng rơi, ai tìm soi chiếu ốc đảo của tự tâm, ai bắt sợi mềm hơi thở, ai mỉm cười dung dị với pháp giới, ai cảm nhận được thanh tịnh đến từ niềm uể... người đó là người đang sống, tinh thức, bởi nhận thức được nhiệm màu trong mỗi một niệm của cuộc sống.

Con đường vẫn nở hoa, để em thấy vô cùng trong hiện tại, để chúng ta có cõi lòng lắng nghe tiếng chim hót vào buổi sương mai, mà trong cuộc sống xô bồ, bận rộn, quên mất đi lời ca thanh thót, tiếng gọi muôn trùng...Tiếng nói đó đang ở đây, trong từng sát na một, trong những rời bỏ ảo vọng bon chen, trong một tâm trong, gương soi vô vọng lại. Xin đừng để bước chân hoang vơ trên đường trở về làm tái diễn cuộc nhân sinh và nước mắt lại rơi xuống vì những toan tính của ái ngã, vọng tâm...

*Sáng chiều nghe chim hót
nhìn dãy hoa hàng giậu
lan man trên song cửa
lặng yên ngắm mây trời*

*gió đông đưa hơi thở
toả ngát trời hương thơm
chùng như tiếng chuông vọng
hoà lẫn buổi sương mai*

*chú tiểu giật mình thức
con chim réo bờ tại
có lẽ đêm say ngủ
bỏ quên cả vọng đời*

*đời trôi trong tịch mặc
nghe tiếng hát muôn trùng
vô tình trong hư ảo
e đánh vỡ vầng trăng ..*

một ngày Thu
03.10.2011

TỪ BI LÀ VŨ KHÍ HÀNG PHỤC SẠCH MA QUÂN

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng tại Xá-vệ có 500 Sa-môn lãnh thọ yếu chỉ thiền quán từ Đức Thế Tôn rồi đến một ngôi làng rộng lớn cách xa hàng trăm dặm. Dân chúng thấy đoàn Sa-môn nghiêm trang từng bước tiến vô làng, họ cùng nhau đem lễ vật, thức ăn, nước uống ra nghinh tiếp, cúng dường Tăng đoàn, và hỏi:

- Kính bạch quý sư, quý sư đi đâu?
- Đến một nơi tạm ổn, thưa thí chủ. Các Sa-môn đáp.

- Vậy thì phước cho chúng con. Xin thỉnh quý sư ở lại đây an cư ba tháng. Chúng con sẽ được dịp thân cận quý sư, nương tựa Tam bảo và thọ trì giới luật. Vị cô gái trong làng chấp tay thưa.

- Lành thay! Lành thay!
Sau đó, thấy các sư đông quá, họ đổi ý:

- Bạch quý sư, có một cánh rừng rộng cách đây không xa, các sư có thể an trú, tu tập tại đó.

Thế là đoàn Sa-môn phải tiếp tục cuộc hành trình đến khu rừng rọ.

Bấy giờ các thần linh, yêu quái trong rừng liền nghĩ:

- Đoàn Sa-môn đã đến rồi. Nếu họ lưu trú nơi đây thì thật là bất lợi cho ta về nhiều phương diện.

Chúng từ trên cây cao xuống ngồi dưới đất tiếp tục suy nghĩ, tìm cách trấn an:

- Nếu các Sa-môn ở lại đây đêm nay thì sáng mai chắc họ sẽ đi.

Nhưng ngày hôm sau, sau khi khát thực và thiền hành quanh làng, các Sa-môn lại trở về cánh rừng.

Các thần linh thầm nghĩ:
- Hẳn là đã có thí chủ thỉnh Tăng đoàn thọ trai nên họ đã trở về lại nơi đây. Ngày mai chắc chắn là họ sẽ đi thôi.

Chúng ngồi trên mặt đất trầm tư suy diễn qua hai tuần như thế, rồi chúng khẳng định:

- Rõ ràng là đoàn Sa-môn đã quyết tâm ở lại đây ba tháng. Như vậy thì rất bất tiện cho nếp sinh hoạt gia đình chúng ta, nhất là ta phải ngồi thờ ra thế này. Bằng cách nào chúng ta cũng phải trục xuất họ. Thế là chúng thực hiện quỷ kế hù dọa bằng cách biến hóa ra nhiều hình dạng âm binh, ma quỷ: khi lơ lửng chiếc đầu không mình, lúc sừng sững thân hình không đầu, đặc biệt là vào lúc nửa đêm, bốn bề hoang vắng, từ trong bụi cây, hốc đá vung ra những âm thanh kỳ dị, nghe rợn ớn, rợn người; trong lúc đó cơ thể các Sa-môn bỗng đứng bất an: hắc hơi, sổ mũi, ho khan v.v và tâm tư dao động về những bóng dáng âm binh, cô hồn chập chờn, ẩn hiện. Tăng đoàn đồng lòng quyết định từ bỏ trú xứ, trở về bốn tự với Đức Thế Tôn.

Họ rời khỏi cánh rừng rắc rối, đi thẳng về gặp Bốn Sư, cung kính đánh lễ Ngài, rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:
- Vì sao các thầy trở về? Ở đó không tiện cho việc tu tập sao?
- Dạ rất bất tiện, bạch Thế Tôn. Chúng con bị nhiều âm ảnh rừng rợn.

Chúng cứ đi đi lại lại hoài trước mắt; khủng khiếp nhất là những âm thanh quái dị, tru tréo cả đêm, nên thân tâm chúng con thường bị bất an, dao động, dẫn đến lâm bệnh thời khí khá nhiều. Bạch Thế Tôn nơi đó quá thật nhiễu loạn, chúng con phải lui về thôi.

- Các thầy nên trở lại nơi đó.
- Dạ không được, bạch Thế Tôn!
- Các thầy thấy đấy! Lần trước các thầy đi với hai bàn tay trắng, không một vũ khí hộ thân. Lần này các thầy đi phải mang theo vũ khí.

- Vũ khí gì? Bạch Thế Tôn. Thầy trò mình tu hành có vũ khí gì đâu! Các Sa-môn hỏi với gương mặt hồn nhiên, ngơ ngác.

- Được rồi, ta sẽ trao vũ khí cho các thầy. Đức Thế Tôn nói.

Sau đó Ngài tụng toàn phẩm kinh Từ Bi (Metta sutta) với những lời mở đầu như sau:

*Người khéo luyện thiện tâm,
Đạt cảnh giới tịch tịnh,
Ất thường niệm chân chính,
Chánh trực và hiền hòa,
Nhu nhuyễn điều phục ma,
Diệt trừ mọi kiêu mạn.*

Tụng xong, Đức Thế Tôn nhả như như lời kệ:

*Này các thầy Tỳ-kheo,
Hãy tụng kinh Từ Bi,
Nơi núi rừng cô quạnh,
Dù không nơi thanh cảnh,
Cũng sẽ được an lành,
Vào tịnh địa rừng xanh,
Sẽ có ngay am thất.*

Theo lời huấn thị, các Sa-môn đành lễ Đức Thế Tôn, rồi lên đường trở lại cánh rừng tu tập. Trước khi vào trú xứ, các sư đều tụng kinh Từ Bi, và thần linh ở rải rác khắp nơi đều cảm thấy hân hoan, mát mẻ trong lòng. Chúng kéo nhau đến văn an Tăng đoàn, xin được mang y bát, đem nước rửa chân tay các sư, và phát nguyện hộ trì cánh rừng nghiêm mật. Từ đó, không một hồn ma vất vưởng, chồn vờn; không một âm thanh oán than, vắng vắng. Tâm tư các sư mỗi lúc một an nhiên, định tĩnh; tự tâm soi chiếu, nội thủ u nhân; và ngày đêm quán niệm về lễ suy vong của sắc thân ngũ uẩn:

*Căn thân vốn mong manh,
Bấp bênh và dễ vỡ,
Như lọ sành sắc sỡ,
Sớm muộn sẽ tan hoang.*

Đức Thế Tôn đang thiền định trong tịnh thất, thấy các Sa-môn đã phát huy cao độ năng lực thiền quán, bèn tuyên thuyết pháp thoại cho họ:

- Đúng thế! Đúng thế! Này các thầy Tỳ-kheo, thân này vốn thật mong manh. Bấp bênh dễ vỡ như bình sứ thôi.

Thuyết xong, Ngài phân thân trong ánh hào quang đến ngồi hiện diện trước mặt các Sa-môn, đọc kệ:

*Biết thân như nồi đất,
Trụ tâm như thành trì,
Đánh ma bằng gương trí,
Thủ thắng, đừng lụy gì.
(PC. 40)*



Hoa Quỳnh mùa thu

*Đêm qua hoa nở một mình
Gã triền miên ngủ vô tình làm sao?
Đâu rồi mặc khách thanh tao?
Thôi thì thôi thế tình bao nhiêu tình!
Hữu tướng hữu hình
Hữu hương hữu sắc
Trong trắng vô ngần
Đệ nhất thanh tân
Thời gian vô tận - mấy lần
Đêm trường rạn vỡ muôn phần Quỳnh Hoa
Đâu vẫn biết vô thường nào có lạ
Cái vô thường đích thị lại là thường
Tuyệt trần mỹ sắc, thanh hương
Sáng ra mộng huyền còn vờn trên cành!*

NGU CHỦ

Hoàng Hoa trang một đên hoa
Quỳnh nở, 2011



QUÉT RÁC

Vinh Hào

Những hoa hồng hôm qua nở đẹp dưới nắng buổi đầu thu, nay đã rụng xuống sân, vẽ thành một khoanh nhỏ lốm đốm những cánh hoa teo rút, đỏ tía. Lá vàng từ cây kiếng vườn nhà kể bên cũng lác đác rải xuống vườn này. Trời không gió, nhưng lạnh. Qua khung kiếng cửa sổ hướng về vườn trước, thấp thoáng có bóng người bộ hành băng ngang, khoác áo dày, dầm trên lá xào xạc. Ngập trên bãi cỏ và lối đi là lá phong, nhiều màu, từ vàng nhạt đến đỏ sẫm. Nhìn từ xa, chỉ thấy một thảm lá dày, thỉnh thoảng giao động như những đợt sóng nhỏ gợn nhẹ trên mặt đại dương chóa ánh mặt trời.

đầu ấy, một sợi hay một nhúm, trên đất hay trong thức ăn, sẽ không còn là chủ đề cho một câu thơ lãng mạn.

Rác. Rác. Rác. Nhìn đâu cũng thấy rác là đặt chân nơi cánh cửa của chánh kiến, phân biệt chánh-tà, thiện-ác. Rác là những gì đã được sinh ra, tạo ra, mà không duy trì được trạng thái nguyên thủy của chúng, hoặc không cần thiết dùng đến nữa. Nhân nơi rác mà thấy cái tướng hoại diệt. Không có sinh thì không có diệt. Không có diệt thì không có rác. Cho nên việc quét rác, dọn dẹp là việc trường kỳ không bao giờ dứt, của người phu chuyên nghiệp đối với vệ sinh chung, của mỗi người đối với nơi trú ẩn sinh sống của mình, và nhất là những người mang hạnh nguyện quét lá, lau chùi, nơi già-lam tịnh địa.

Quét dọn rác rến, lau chùi bụi bặm là hiện tượng, cũng là hiện tượng, của việc trau luyện nội tâm, tịnh hóa ý niệm. "Thời thời thường phát thức, vật sử nhạ trần ai." Lau chùi trong từng giây phút, từng niệm, đừng để bụi rác bám vào. Mỗi ý niệm khởi sinh, rồi tan biến đi, đều trở thành rác. Dù là ý niệm tốt hay xấu, cũng đều là rác.

Trong thiền quán, dùng niệm sau để xua đuổi hoặc quan sát niệm trước thì cũng giống như dùng chổi mà quét rác. Niệm trước là rác, niệm sau là chổi. Niệm trước vừa sinh, đã diệt, trở thành rác. Niệm sau mới vừa làm chổi, đã trở thành rác, để rồi bị cái niệm sau đó nữa, quét đi. Rác, chổi, rác, chổi, rác, chổi... Chổi, rác, chổi, rác, chổi, rác... Cứ thế mà thực tập, người quét rác dần tiến đến trạng thái không còn rác phát sinh: vô niệm. Rác không sinh thì chổi cũng không sinh. Không rác thì cần gì chổi. Có rác nên có chổi. Nhưng nếu tự thân rác vốn đã là chổi thì tự thân chổi cũng vốn là rác. Cây chổi cùn, không dùng được nữa, dù còn rác hay hết rác, thì chổi đó cũng đã là rác. Tiêu đích cuối cùng của việc quét rác là ở chỗ không còn rác; nhưng tâm thái và hành vi thượng thừa của sự nghiệp quét rác chính là lúc có thể vứt đi cái chổi. Không dừng mãi vất đi cái chổi thì muôn đời, dù khổ nhọc công phu đến đâu, vẫn cứ là rác.

Chổi. Chổi. Chổi. Nhìn đâu cũng thấy chổi là đặt chân nơi cảnh giới điều dụng của phương tiện. Nơi ấy, nhìn đâu cũng thấy Phật Pháp; đặt tay vào phương tiện nào, phương tiện ấy trở thành Phật Pháp. Không thấy được công dụng của chổi thì không thấy Phật Pháp. Không thấy được mục tiêu của chổi, lập tức biến chổi thành rác, không cần chờ cho chổi hư hoại, cùn mòn. Thấy được mục tiêu của chổi thì có thể dùng bất cứ vật dụng nào để quét dọn rác và bụi bặm, không nhất thiết phải là chổi.

Chân lý không thể được diễn đạt rốt ráo bằng ngôn ngữ văn tự. Nói, diễn tả, là để hiển bày chân lý, giống như dùng chổi mà quét rác. Xua quét đi tất cả những gì không phải sự thật để hiển bày sự thật. Ở nơi chốn không

còn gì để quét, không còn gì để lau chùi được nữa, mới là cái chỗ tốt cùng của việc lau quét, chứ không phải ở nơi bụi rác, cũng không phải ở nơi khăn lau và cây chổi.

Không thể nhân danh chân lý tối thượng để tổn hại kẻ khác, dù bằng ngôn ngữ của chánh pháp, huống hồ là ngôn ngữ thế tục, phi pháp. "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp." Phật Pháp cũng chỉ là phương tiện, là chổi để quét, và cũng là rác cần dọn đi.

Với cái tâm bất chánh thì dù có dùng ngôn ngữ của chánh pháp, nhân danh mục tiêu tối hậu của chánh pháp, vẫn cứ là những manh động của tà kiến, của tà nhân. Chánh pháp cần được tuyên dương và truyền bá là do có thể nương nơi đó mà thấu đạt sự thật. Nhờ sự thật mà sống an lạc và hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát. Cho nên, nếu vì chánh pháp mà thương tổn, tác hại đến người khác, thì chẳng khác gì phi báng chánh pháp. Đó là dấu hiệu của cây chổi chưa kịp quét rác mà đã trở nên mục rữa như rác rưởi.

Từ mục đích tối hậu là hiển bày chân lý, chúng ta vẽ nên những lý tưởng, vận động những phong trào, dựng nên những tổ chức. Những thứ ấy, nếu cố gắng gìn giữ, bảo vệ, điều hướng một cách khéo léo, có thể phần nào tương hợp với mục đích tối hậu kia, ít ra cũng lợi mình lợi người trong một thời gian hay hoàn cảnh nào đó. Ngược lại, sẽ dẫn đến một kết quả tệ hại, xa vời, chẳng một chút dính nhập đến mục tiêu nhắm đến. Lý tưởng, phong trào, tổ chức... là những phương tiện, nhưng thường khi lại trở thành cứu

cánh để tôn thờ, bảo vệ, rồi từ "cứu cánh ào" ấy, tranh thủ những địa vị và danh vọng hào huyền, đến nỗi có thể vì chúng mà đánh mất lương tri, làm bạn với kẻ ác, sẵn sàng làm điều ác, biến lý tưởng, phong trào, tổ chức của mình thành đồng rác uế nhiễm mà không tự biết.

Kẻ thượng trí là người có thể tạo nên tất cả mà cũng sẵn sàng vứt bỏ tất cả. Không thấy được sự già lập của phương tiện thì muôn kiếp chỉ lẩn quẩn trong đồng rác trần gian.

Gió. Gió. Gió. Gió động hay lá động? Từng cơn gió lùa qua làm chao động mặt lá. Thỉnh thoảng có cơn gió xoáy, cuốn xoay những chiếc lá vàng đưa lên cao, dẫn đi xa, rồi thả chúng rơi rụng dần nơi góc vườn. Có gió hay lá nào động đâu! Chỉ là vọng động của tâm. Thiền sư Huệ Năng đã từng nêu ý đó.

Những gì bạn nói, những gì tôi nói, đều là rác cả. Chẳng có lời nào có thể ở mãi với đời; bởi vì âm thanh, ngôn ngữ, cũng đều là tướng của vô thường, hoại diệt. Chỉ ở cảnh giới bất động của tâm, khi mà con đường ngôn ngữ tuyệt dứt, mới hiện bày một thế giới cao rộng bao la; nơi đó, không có bụi rác, không có chổi, không có gió. Ngôn ngữ đạo, đoạn. Tâm hành xử, diệt. Nơi đó, là niềm tịch lặng thâm sâu không bờ mé, là chỗ mà cả ý và lời đều không thể chạm đến được.

(trích từ "Trong Những Thoáng Chốc", tác phẩm sẽ xuất bản của Vinh Hào)



Thảm lá ấy sẽ được trải khắp vườn trước như thế cho đến cuối tuần, khi những người làm vườn mang máy thổi và dụng cụ hốt rác đến. Chẳng biết nên buồn hay vui khi lá vàng được dọn sạch, trả lại cho khu vườn vẻ ngăn nắp, sạch sẽ cổ hủ, như mọi người mong đợi.

Hoa trên cành, lá trên cây, người trên đời, khi rơi ngã xuống, mang theo sinh khí và cái đẹp xuống lòng đất. Những cánh hoa phai và những chiếc lá vàng nhiều sắc màu, cũng chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành rác rến. Trên thực tế, mỹ quan chẳng qua cũng chỉ là một thoáng lãng mạn của những kẻ dị cảm, đa tình, không thẳng nỗi cái ngăn nắp trật tự và vệ sinh chung của đời sống xã hội.

"Con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô." Nai có thích lá vàng không thì không biết. Người thì hầu như đa số thích ngắm lá vàng mùa thu, còn trên cành hay rụng đầy mặt đất. Người cũng thích dẫm lên lá khô, lắng nghe tiếng lào xào vui tai. Có khi hứng thú nằm lăn trên thảm lá, đùa giỡn với nhau, hoặc chỉ một mình, nằm im, lặng ngắm những cánh chim bay ngang trời thu tịch mịch, và lắng nghe tiếng gió rung đưa những hàng cây trở trụ.

Nhưng đó chỉ là những phút nhàn tản, nghỉ ngơi, muốn tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên nơi bãi cỏ, công viên, bìa rừng... còn ở nhà, sân trước hay vườn sau, lá vàng khô là rác rến, cần phải hốt dọn.

Thực tế của đời sống trong tương quan xã hội là như thế. Những gì đã rơi, tàn, phai, héo úa, không còn dính vào thân, không còn là sở hữu của ai, hoặc không ai muốn sở hữu... đều là rác.

Tóc huyền ai thơm, tung bay những chiều lộng gió, rời khỏi mái

Vào Thu

Nắng mơ vàng lối cỏ
Đâm bụi mọc thẳng hàng
Gió sớm hiu hiu thổi
Nghiêng mình đón thu sang.

Vọng Cổ Hương

Lá rơi buồn hiu hắt
Mây bay khắp mười phương
Đèn khuya cũng vừa tắt
Đêm buồn vọng cổ hương!

Chiều Thu

Chiều buồn tím chân trời
Tâm sự cũng đầy vơi
Quán Âm đài tiền khách
Muốn nói... nhưng không lời!

Trăng thu

Trăng thu vắng vặc sáng
Trang kính đọc dở dang
Tỳ tay bên song cửa
Ngoài trời mây lang thang...

THÍCH NỮ VIÊN QUANG



ÔNG PHẬT BÙN

Thuần Bạch kể lại

THE BUDDHA IN MUD

Translated by Ngọc Bảo



Thờ xưa có một tên trộm. Một hôm sau một mẻ trộm, chưa được gì hết đã bị phát giác. Anh ta chạy thực mạng loanh quanh tìm chỗ trốn, bước đường cùng đến một đập nước đàn nhấy vội xuống bờ đập. Nhìn quanh quất không thấy có một lùm bụi nào để chui vào ẩn trốn, anh đành ngồi đợi xuống đập cỏ đầy bùn. Xa xa đám người lướt theo tìm anh đang chạy tới. Bí quá, anh nhắm mắt lại không dám nhìn họ, cũng không dám nhúc nhích. Đám đông chạy tới nơi, ngạc nhiên thấy một người ngồi an nhiên giữa đám bùn. Họ bảo nhau: "Ông này là ai?" Một người thấy tư thế của ông giống như một thầy tu, nên nói với mấy người kia: "Có thể ông ta đang ở trong thiền định!" Thế là mọi người đồng chấp tay kính cẩn chào và hỏi: "Thưa thầy, chúng con xin phép làm rộn thầy. Từ nãy giờ thầy có thấy một người nào chạy ngang qua đây không? Chúng con đang truy tìm một tên trộm." Anh trả lời: "Ờ... tôi không để ý, không nghe thấy gì hết." Thế là đám đông kéo nhau đi. Chừng một đoạn đường họ quay trở lại chỗ anh ngồi. Anh vẫn còn ở đó vì chưa biết đi đâu. Thấy anh im lặng, không nhúc nhích, họ rất kính nể, sụp xuống xá lậy và mời anh về trụ ngôi chùa làng đến bây giờ chưa có vị tăng nào về. Trong lúc ngặt nghèo như thế, anh chỉ biết nhận lời để chờ thời.

Tuy ở trong chùa, nhưng máu ăn trộm nơi anh vẫn mạnh. Anh định bụng chờ cơ hội thuận tiện, trộm một mẻ kha khá rồi trốn biệt qua tỉnh khác thật xa.

Sáng sớm hôm đó, anh vào chánh điện, tóm gọn cho vào tay nài nào lư hương, đèn đuốc... những món đồ thờ phụng cổ kính đắt giá, sửa soạn ra đi. Thành linh một Phật tử đến than khóc vì một người than mới qua đời đêm qua. Ông ta đến chùa nhờ anh cầu siêu. Anh để vội tay nài xuống, lấy khăn lông lau lau chùi chùi mấy món đồ, làm như đang lau dọn bàn thờ. Anh an ủi ông Phật tử vài câu, ghi tên kẻ quá vãng vào tờ giấy và hứa sẽ đến nhà tụng kinh. Thế là mưu toan ăn trộm một lần nữa lại bất thành! Anh thở dài, ngao ngán. Xếp vội các

món đồ thờ trở lại lên bàn, anh lót lòng đỡ mấy miếng bánh còn lại từ chiều hôm qua, xong chuẩn bị đến nhà Phật tử. Cũng may anh tìm được nghi thức tụng kinh cầu siêu trong tủ kính sách, nên yên lòng khoác áo ra đi.

Và như thế ngày này qua ngày nọ, anh ẩn nhẫn trong chùa đợi thời cơ. Nhưng chẳng gặp được cơ hội thuận tiện. Rồi người thì hỏi đạo, kẻ thì thỉnh đi tụng đám, anh không có thì giờ tính kế mưu nữa, chỉ biết tìm tòi trong tủ kính những sách Phật pháp đọc và học để trả lời câu hỏi của Phật tử. Rồi anh tập ngồi thiền, niệm Phật cho khỏi suy nghĩ lo lắng đến tương lai. Lâu ngày cuộc sống của anh "đạo tặc" bắt đầu phải nương náu của chùa này cũng êm xuôi, dần dần anh cảm thấy an ổn hơn. Và thậm thoát đã hơn năm.

Thói quen mới của anh bây giờ là theo thời khóa của nếp sống nhà chùa, từ miếng ăn miếng ngủ đến lao động và công phu sáng chiều. Anh vui với công việc hàng ngày: quét dọn vệ sinh nhà cửa, trồng trọt chút rau chút bắp. Anh vui với những người nông dân chất phác chân lấm tay bùn, chia sẻ với họ từng niềm vui nỗi buồn, thúng nếp họ gặt, đám khoai anh trồng. Nghỉ lại thời gian qua anh đã sống quá tệ hại, không biết đến công lao cần cù khó nhọc của họ, mà nở trộm cướp thành quả dành dụm chắt chiu của họ. Thật tội lỗi biết bao! Anh cảm thấy hối hận vô vàn. Và từ đó anh dành nhiều thì giờ sám sá.

Kể từ đây dấu vết thói quen của cuộc đời một tên trộm thực sự tan biến. Anh bây giờ là một con người mới, con người hiền thiện và là chỗ nương tựa tâm linh cho dân làng.

Vài lời mạn bàn (của người dịch):

"Đồ tể buông dao cũng thành Phật đạo"... huống gì một tên trộm vì hoàn cảnh đưa đẩy bất đắc dĩ bỗng trở thành một vị sư và lâu ngày lộng giả thành chân, chuyển hóa thành một con người mới hoàn toàn. Nếu không có cơ duyên này, tên trộm có thể suốt đời là một tên trộm. Nhưng cơ duyên đến không phải do ngẫu nhiên, mà vì những sắp xếp nào đó trong nghiệp quả mà tên trộm mang theo trong đời, và nếu không có những chùng tử có sẵn, chắc chắn tên trộm đã trốn chùa ra đi từ lâu, không cần quan tâm gì đến những lời yêu cầu hay hoàn cảnh tội nghiệp của đám dân làng chất phác, thế nhưng anh ta đã nấn ná ở lại để dần dà trở thành một vị sư thực sự.

Cuộc đời con người có những diễn biến thật bất ngờ, họa và phúc đan nhau nối tiếp như một tấm thảm muôn màu thật thú vị. Tâm con người cũng thế, như một hang động bí ẩn đầy những ngõ ngách kỳ lạ với những cảnh trí muôn vẻ. Người theo cảnh hay cảnh theo người? Đi sâu tìm hiểu tâm con người, có lẽ chúng ta sẽ hiểu được phần nào những cơ duyên đến trong cuộc đời chúng ta.

Once there was a thief. One day he was found while he was breaking into a house. Off he ran as fast as he could, until he reached a dam. He jumped to the bank of the dam, fearful of the people in hot pursuit after him. Looking around, there was no bush to hide in, so he just sat down on a clump of weeds full of mud. Petrified with fear of being caught, he dared not move, just sat motionless with his eyes closed. The pursuers were startled when they found a muddy man sitting motionless. They asked themselves: "Who is this man?" One of them thought this man looked like someone in meditation, so he told the others: "He's a monk in meditation!" Everybody became respectful, they bowed to him and asked: "Master, we are sorry to bother you, but did you see a man running by earlier? We are looking for a thief." The thief reply: "Oh no... I did not notice anything..." So they left, but came back after a while. The thief was still sitting there, because he did not know where to go. Thinking this is a kind of profound meditating practice, the pursuers were full of respect. They asked him to become the monk of the village's temple, which until now had been without any residing monk. Being in such a situation, the thief had no other choice than to accept it.

Although living in the temple, a thief was always a thief. He soon thought of stealing the valuable things in the temple and take off when there was a chance.

That morning, he went into the main shrine, removed all the valuable statues, worshipping appliances etc... stuffed them into a bag and got ready to go. Suddenly there came a crying believer, because a member of his family just passed away last night. The believer asked him to go to his house to pray for the dead. The thief hastily put

down his bag, acting as though he was just dusting and cleaning the appliances. He comforted the believer, took his name on a piece of paper, then promised to go there to pray. Sighing disappointingly for his foiled plan, he put back all the stolen things and set out to the believer's house. Before that, he was careful to bring along one of the prayer book that he found in the shrine.

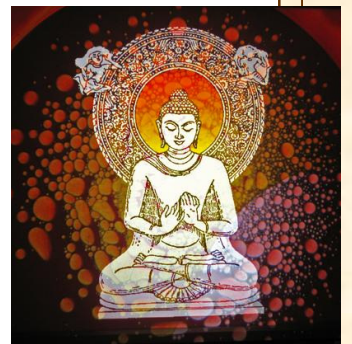
And so the days went by, he stayed in the temple waiting for the good time to leave. But he never had the chance. Believers kept coming, asking questions, or inviting him to their house for funeral prayers, and to be able to serve them he had to read and learn the sutras. Soon he began to practice meditation, chanting the Buddha's name to relieve himself of his worries and stress. The old thief who was forced to become a monk now had to learn to live the life of a monk, and unexpectedly, this simple life gradually brought peace to him.

A year passed by. His daily schedule now was like the schedule of a real practitioner. He worked all day, cleaning, growing the vegetables, practicing meditation and chanting the sutras every morning and night. He partook in the joy, the sadness of the peasants in the village, shared with them the products that he grew by himself. Looking back at his previous life, he was horrified. How can he think of stealing from these poor, hard working people! He was ashamed of himself. From now on, he would make time to repent for his past sins.

Henceforth, he was transformed from a thief to a real practitioner. All traces of his past life were now erased. He became a new person, a person of goodness and a spiritual support for the people of the village.

Sông Ni-Liên-Thiền

Tự ngàn xưa, đến bây giờ,
Dòng sông đưa nước lặng lẽ ra khơi.
Bên bờ lau, sậy là lời,
Nghiêng theo ngọn gió, chơi vơi nắng chiều!
Bốn bề quang cảnh tịch liêu,
Nước trong lòng lạnh, phi nhiêu đất bồi.
Thiên nhiên gợi cảm xa xôi,
Còn đây cảnh củ, đậu rồi Người Xưa!
Không màng dải nắng, dầm mưa!
Nước sông làm sạch, cỏ thưa làm giường,
Bỏ đi cuộc sống để vương,
Quyết tâm thiền định, tìm phương pháp mẫu:
Vô Thượng, Chánh Pháp, thâm sâu,
Con đường duy nhất, dứt khâu nghiệp trần!
không còn sanh, diệt, khổ thân,
Tu Tâm Kiến Tánh, xuất trần Chơn Như!
(Neranjan River, Gaya – India)



NHỰT THANH - TUYẾT NGUYỄN



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

TRUNG QUỐC : Ngôi chùa phản ánh sự hòa trộn văn hóa Hoa-Ấn

Chùa Bạch Mã ở tỉnh Hà Nam, miền trung Trung quốc, đã chứng kiến sự hòa trộn của các nền văn hóa Trung Hoa- Ấn Độ qua các thời đại.

Tọa lạc tại thành phố Lạc Dương với diện tích khoảng 3.450 m², "chùa Bạch Mã là một giao lộ đối với văn hóa Hoa-Ấn, tượng trưng cho những thành tựu của sức mạnh tổng hợp về văn hóa Trung Hoa-Ấn Độ" - R.N. Biswas, một quan chức Ấn Độ đến viếng chùa này đã phát biểu.

Theo tài liệu lịch sử, vào thời nhà Hán (206 B.C - 220 A.D), một vị hoàng đế đã phái sứ thần đi Tây phương để tìm các học thuyết Phật giáo.

Năm 67 A.D, các sứ thần trở về Lạc Dương cùng 2 vị cao tăng Ấn Độ. Các nhà sư mang theo kinh và tượng Phật, được chở trên lưng những con ngựa trắng.

Chùa Bạch Mã đã được xây lên để vinh danh 2 nhà sư này. Và kinh Phật đầu tiên của Trung Hoa đã được 2 sư dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán tại chùa Bạch Mã, là nơi Phật giáo bắt đầu truyền bá đến Đông Á và Đông Nam Á.

(IANS - October 1, 2011)

THÁI LAN: Thành phố Pattaya nồng nhiệt chào đón Lễ hội Ăn chay

Hơn 1.000 người đã tham gia buổi khai mạc Lễ hội Ăn chay tại thành phố Pattaya vào ngày 26-9-2011.

Thị trưởng Pattaya là ông Itthipol Kunplome công bố lễ hội năm nay mang tên "Hoàn thành Lễ hội Ăn chay Thịnh vượng của thành phố Pattaya 2011 bằng Tâm & Đức", và ông vui mừng khi thấy rất nhiều du khách đến dự khán sự kiện nhiều màu sắc này.

Sau cuộc diễn hành lộng lẫy và thú vị trên đường phố, tại hội trường ăn chay đã diễn ra một lễ cầu nguyện để xin chư thần chứng giám.

Điểm nổi bật trong ngày bao gồm món cơm được chiên trong những cái chảo lớn, với các thành phần như gạo, nấm, đậu khuôn. Sau đó cơm được múc vào hơn 5.000 cái bát để phân phối cho các tín đồ. Cùng với cơm chiên, những trái đào cũng được phát cho tín đồ tham dự.

Lễ hội truyền thống này được người Hoa sống tại Thái Lan duy trì. Cuối cùng nó lan truyền đến người dân địa phương và đã được thực hành từ nhiều thế hệ, trở thành một sự kiện quần chúng thu hút du lịch.

(urbandharma - October 2, 2011)



Photos: PMTV



HOA KỲ: Chùa An Lạc Grafton ở New York tổ chức lễ kỷ niệm năm thứ 18

Grafton, N.Y - Vào ngày 01-10-2011, chư tăng ni của tông phái Phật giáo Nhật Bản Myohoji đã tổ chức lễ kỷ niệm 18 năm thành lập chùa An Lạc Grafton.

Trên 30 tầng ni địa phương và từ các nước Tích Lan, Ấn Độ, Nepal, Anh và Nhật Bản đã dự lễ. Có rất đông người đến chùa Grafton nhân sự kiện này, để tham dự các lễ truyền thống Phật giáo, các khóa lễ liên tôn giáo, âm nhạc và một bữa ăn nấu sẵn.

Trong khi kỷ niệm ngày khánh thành chùa Grafton, sự kiện này cũng là để cử hành Phật sự hướng đến hòa bình và suy nghiệm về thảm kịch và các thảm họa thiên nhiên xảy ra gần đây.

(Urban Dharma - October 3, 2011)



Chư tăng ni tông phái Myohoji trong lễ kỷ niệm 18 năm thành lập Chùa An Lạc Grafton, New York - (ZEKE WRIGHT)

HÀN QUỐC: Đại sứ Pakistan thăm di tích PG tại huyện Yeonggwang

Ngày 04-10-2011, ông Shaukat Ali Mukadam - đại sứ Pakistan tại Seoul, Hàn quốc - đã đến viếng thăm huyện Yeonggwang, nơi khai sinh Phật giáo Đại Thừa ở Hàn quốc. Tại đây, ông hứa sẽ tìm cách tăng cường những mối giao lưu văn hóa giữa 2 quốc gia.

Đại sứ S.A. Mukadam đã tham quan một viện bảo tàng tại huyện Yeonggwang (tỉnh Jeolla Nam), cách Seoul khoảng 322 km về phía nam. Bảo tàng này dành cho việc tưởng niệm tu sĩ Ấn Độ Marananta, là một trong những người đầu tiên mang việc giảng dạy Phật giáo Đại Thừa đến Hàn quốc khi ông đến Yeonggwang vào thế kỷ thứ 4. (Onanews.org - October 4, 2011)

THÁI LAN: Buổi trình diễn từ thiện những bài đạo ca Phật giáo

Nữ danh ca nhạc Pop Thái Lan Ma-leewan "Mint" Jemina sẽ cùng các nhạc sĩ đồng nghiệp trình diễn một số bài hát có chủ đề Phật giáo vào tối ngày 15-10-2011 tại Hội trường MCC của Trung tâm mua sắm Bang Kapi, Bangkok.

Đây là buổi hòa nhạc từ thiện mang tên 'DIY Concert: Dharma in You' (Đạo pháp trong Ta), do Hội Thanh niên Phật tử Thái Lan (YBAT) và Hãng Bảo hiểm Nhân mạng Muang Thái tổ chức.

Buổi hòa nhạc từ thiện này nhằm mục đích mang đạo pháp đến gần gũi hơn với giới trẻ, và gây quỹ cho 2 dự án "Minh sát tuệ cho thanh niên" do YBAT khởi xướng, và "Phát triển Trẻ em và Thanh niên ở vùng xa" dưới sự bảo trợ từ hoàng gia của Công chúa Maha Chakri Sirindhorn.

(Bangkok Post - October 6, 2011)



Nữ danh ca nhạc Pop Thái Lan Ma-leewan Jemina - Photo: Bangkok Post

TRUNG QUỐC: Lễ nhậm chức của tân trụ trì chùa Lingyin

TIN ẢNH (Tân Hoa Xã): Ngày 8-10-2011, chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu (tỉnh Chiết Giang, Trung quốc) đã tổ chức lễ

nhậm chức tân trụ trì của Đại sư Guangquan. Hơn 1.000 người, bao gồm chư tăng chùa Linh Ẩn và các tăng sĩ nổi tiếng trên khắp đất nước và từ nước ngoài, đã tham dự lễ.



Quang cảnh của lễ nhậm chức tân trụ trì chùa Linh Ẩn - Photos: Wang Dingchang



ẤN ĐỘ: Phường hội Đá quý Phật giáo của Mã Lai làm từ thiện tại Ladakh

Trong gần một thập kỷ, các hội viên của Phường hội Đá quý Phật giáo (BGF) Mã Lai đã nhiệt tình cung cấp các dịch vụ nhân đạo cho trẻ em nghèo tại Ladakh - một vùng xa của bang Jammu và Kashmir, bắc Ấn Độ - thuộc dãy Hi Mã Lạp Sơn khô cằn.

Sử dụng các quỹ, phần lớn được tài trợ bởi một nhà hảo tâm nữ người Mã Lai, hội đã giúp đỡ cho gần 500 trẻ em miền núi đang sống một cuộc sống trần tục tại các tu viện và trường học ở Thung lũng Leh của Ladakh.

Hiện nay, hệ thống nước năng lượng mặt trời do BGF tài trợ đã cung cấp nước nóng, nguồn cấp nước ngầm và các hệ thống tưới tiêu để tưới rau và cây ăn trái trên vùng đất khô hạn của các tu viện.

Hội viên BGF là Charlie Chia Lui Meng nói, "Hiện nay có nguồn cung cấp nước nóng suốt 24 giờ tại 8 tòa nhà, ngay cả vào mùa đông".

(Bermana - October 9, 2011)

HOA KỲ: Mạng lưới Phật giáo Dẫn thân Quốc tế tổ chức Dạ hội Gây quỹ và Đấu giá Từ thiện Nghệ thuật Phật giáo

Vào ngày 19-11-2011, Mạng lưới Phật giáo Dẫn thân Quốc tế (INEB) sẽ tổ chức buổi triển lãm nghệ thuật cuối cùng và dạ hội (gala) của Hội Phật giáo Quốc tế 2011 tại Nhà Tây Tạng ở thành phố New York.

Gala INEB bao gồm nhạc sống, các tiết mục khiêu vũ văn hóa, một cuộc triển lãm và bán đấu giá từ thiện đặc biệt các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo của các nghệ nhân nổi tiếng từ khắp thế giới.

Tất cả tiền thu được từ dạ hội và bán đấu giá sẽ được đóng góp cho các chương trình xã hội và xây dựng hòa bình của INEB tại châu Á.

INEB được các nhà tư tưởng và các nhà hoạt động xã hội - là Phật tử và không phải Phật tử - thành lập vào năm 1989 tại Thái Lan. Trong những năm qua, mạng lưới đã mở rộng để nhận thêm thành viên - gồm cả các cá nhân lẫn các tổ chức - từ hơn 20 nước khắp châu Á, châu Âu, Bắc Mỹ và Úc. Từ sự đa dạng này, một sự hiểu biết về Phật giáo dẫn thân vì xã hội đã nổi bật lên, hợp nhất sự thực hành Phật giáo với hành động xã hội vì một thế giới lành mạnh, công bằng và hòa bình.

(PRWeb - October 11, 2011)



Poster của Gala Nghệ thuật Phật giáo do INEB tổ chức tại New York - Photo: PRWeb

THÁI LAN: Phục hồi các di tích cổ bị lũ lụt tàn phá

Cục Mỹ thuật Thái Lan đã yêu cầu Hòa Lan và Ý gọi các chuyên gia về phục hồi di tích khảo cổ học sang làm việc cùng các quan chức của bộ này. Ngoài ra, khu vực tư nhân cũng được kêu gọi tài trợ cho các chi phí của việc phục hồi các di tích.

Hiện nay Cục Mỹ thuật đang đánh giá tầm quan trọng của các di tích lịch sử bị lũ lụt tàn phá, và chuẩn bị để khôi phục lại chúng ngay khi tình hình trở lại bình thường.

Các quan chức của Bộ Văn hóa Thái Lan sẽ phân phối các bộ dụng cụ cứu sinh để giúp nạn nhân lũ lụt tại Lop Buri, nhất là tại các khu vực của Chùa Bot, Chùa Lai và Chùa Amphawan. Ngoài ra, các bộ dụng cụ cũng sẽ được gửi đến các quan chức tại Sở Văn hóa tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Chủ nhật, Trung tâm Văn hóa và Quan hệ Cộng đồng Thái, các cơ sở giáo dục tỉnh cũng như cư dân tại tỉnh Lop Buri bị lũ lụt.

(NNT - October 12, 2011)

TÍCH LAN: Gian hàng Pakistan tại Viện Bảo tàng Phật giáo Quốc tế Kandy

Để đáp lại đề nghị thành lập Viện Bảo tàng Phật giáo Quốc tế, chính phủ và nhân dân Pakistan đã lập Gian hàng lịch sử Paki-

stan tại Viện Bảo tàng Quốc tế của Phật giáo Thế giới ở Kandy, Tích Lan.

Gian hàng Pakistan được Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksha khánh thành vào tháng 5 năm nay. Gian hàng này tạo cho khách tham quan cơ hội tuyệt vời để biết thông tin tôn giáo về những thánh địa Phật giáo tại Pakistan.

Đạo Phật đã để lại một di sản hoành tráng và phong phú về nghệ thuật và kiến trúc tại Pakistan. Và hiện nay, các tác phẩm điêu khắc vùng Gandhara của Pakistan chiếm một vị trí nổi bật tại các viện bảo tàng của nhiều nước, cùng với nhiều bộ sưu tập cá nhân trên khắp thế giới và một bộ sưu tập lớn tại các bảo tàng của Pakistan.

Với nền tảng này, và với mối quan hệ hữu nghị bền vững giữa 2 nước Pakistan và Tích Lan anh em, gian hàng Pakistan tại Viện Bảo tàng Phật giáo Quốc tế đã được thành lập. Nó nhằm mục đích giới thiệu di sản lịch sử vùng Gandhara của Pakistan, vốn được bảo quản một cách rất tôn quý tại Pakistan.

(Sri Lanka Daily - October 13, 2011)

HOA KỲ: Triển lãm Nghệ thuật Thiên tại khu Morikami

Khu Bảo tàng và Vườn Nhật Bản ở Đường Công viên Morikami, Delray Beach (Florida, Hoa Kỳ) tổ chức cuộc triển lãm mang tên "Zemni - Mùi Thiên: Tranh, Thư pháp và Đồ gốm từ Bộ sưu tập Riva Lee Asbell".

Triển lãm giới thiệu trên 80 tác phẩm nghệ thuật của các Thiền sư từ thế kỷ thứ 17 đến thế kỷ thứ 20. Những hiện vật trưng bày bao gồm tranh vẽ và thư pháp viết trên cuộn tre, đồ gốm chạm khắc dùng trong trà đạo, và nhiều tác phẩm về những con đường khác nhau dẫn đến giác ngộ. Triển lãm khai mạc vào ngày 18-10-2011 và kéo dài đến ngày 22-1-2012.

(Palm Beach Illustrated - October 18, 2011)



Daruma, Inaba Shinden, 1970s

Bồ đề Đạt ma, tranh của Inaba Shinden (thập niên 1970)



Bồ đề Đạt ma, tranh của Seki Bokou (thập niên 1980)



Pure and Empty, Fukushima Keidō, 1991

Tịnh Không, thư pháp của Fukushima Keido (1991) - Photo: Palm Beach Illustrated

ĐÀI LOAN: Các chuyên gia về di tích Phật giáo thế giới hội thảo tại Đài Bắc

Đài Bắc, Đài Loan - Vào ngày 21 và 22-10-2011 tại Đài Bắc, các chuyên gia nổi tiếng về di sản Phật giáo từ khắp thế giới sẽ gặp nhau để thảo luận về việc bảo vệ và xây dựng lại Lâm Tì Ni - nơi Đức Phật đản sinh, để di tích này trở thành một di sản văn hóa cho toàn thế giới. Đây là hội nghị khoa học quốc tế 'Liên minh Bảo vệ Di sản Văn hóa Đông phương 2011' với chủ đề "Từ Nam Á đến Đài Loan - Di sản Văn hóa, Ký ức Lịch sử, Nghệ thuật Phật giáo". Hội nghị sẽ diễn ra tại trường Đại học Nghệ thuật Quốc gia Đài Bắc ở Guan-du Đài Bắc.

Các chuyên gia từ các nước sẽ nói chuyện về di tích Lâm Tì Ni linh thiêng; về chương trình UNESCO dành cho việc phát triển các di sản văn hóa thế giới - tập trung vào sinh quán của Đức Phật tại Lâm Tì Ni; về vai trò của các cộng đồng tôn giáo trong tài sản di sản thế giới của Lâm Tì Ni; và về các tượng Phật Bamiyan 10 năm sau khi bị phá hủy tại Thung lũng Bamiyan ở Afghanistan.

(CNA - October 17, 2011)

THÁI LAN: Chư tăng cứu kinh sách trong lũ lụt

Ayutthaya, Thái Lan - Trường Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya dành cho tăng sĩ, tọa lạc tại Ayutthaya, đã bị nước lũ tràn ngập vào ngày 13-10-2011.

Để giữ cho bộ kinh Tam Tạng được khô ráo và ở cao hơn mặt nước, chư tăng phải chạy đua với nước lũ đang dâng lên.

Các nhà sư lội trong lũ lụt và xếp thành hàng trên các tầng cấp của trường đại học để chuyển đi số kinh sách đã được bọc bằng giấy.

Kinh Tam Tạng là biểu tượng của những lời Phật dạy từ hơn 2.500 năm trước, vốn được Phật tử tôn kính giữ gìn.

Một số kinh sách đã bị hư hỏng, khi mực nước cao ít nhất là 1,5 mét tràn ngập trường đại học được xem là một trung tâm dành cho tăng sĩ châu Á này.

Có một nửa của khoảng 90.000 cuốn sách Phật giáo được giữ trong một căn phòng đã bị lũ lụt làm hư hỏng.

(buddhistchannel - October 18, 2011)

TRUNG QUỐC: Nhà xuất bản kinh Phật giáo bằng mộc bản tại Nam Kinh

Nam Kinh, Giang Tô (Trung quốc) - Nhà xuất bản kinh Jiling nằm ẩn trong khu thương mại sầm uất Xinjiekou ở Nam Kinh. Đây là một trong rất ít nơi của thế giới vẫn còn in kinh Phật giáo bằng mộc bản.

Nó bao gồm một nhà bảo tàng và

một nhà xuất bản, với bộ sưu tập mộc bản khắc tay để in kinh lớn nhất của Trung quốc.

Nhà xuất bản nhỏ này đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể Thế giới. Các ấn bản của nó được phân phối cho các đền chùa Phật giáo trên khắp Trung quốc.

Nhà xuất bản Jinling chứa khoảng 125.000 mộc bản các loại, được dùng để in hơn 1.500 kinh điển.

Nhiều mộc bản là cùng một loại, và loại cổ xưa nhất có cách đây trên 300 năm. Phần lớn số mộc bản này được sưu tập bởi Yang Wenhui (1837 -1911), người sáng lập nhà xuất bản này.

(Shanghai Daily. Com - October 19, 2011)

TÂY TẠNG: Khánh thành Phật học viện Tây Tạng

Lhasa, Tây Tạng - Viện Phật học Tây Tạng đã khánh thành vào ngày 20-10-2011 nhằm mục đích thúc đẩy việc nghiên cứu Phật giáo Tây Tạng.

Hơn 600 người, trong đó có 150 sinh viên mới ghi danh cùng các đại biểu Phật giáo và quan chức chính phủ, đã tham dự một đại lễ khánh thành được tổ chức tại thủ phủ Lhasa của khu vực này. Là Phật học viện duy nhất của Tây Tạng, học viện này tọa lạc tại thị trấn Nyetang ở Hạt Quxu, do Lhasa quản lý.

Việc xây dựng bắt đầu vào tháng 10-2008 và hoàn thành vào tháng 9-2011.

Với phong cách kiến trúc đặc trưng của Tây Tạng, Phật học viện rộng khoảng 17,9 hectares, có tổng vốn đầu tư khoảng 16,1 triệu usd.

150 sinh viên đầu tiên bao gồm các vị Phật sống và tăng sĩ từ các giáo phái Phật giáo Tây Tạng khác nhau.

Viện cung cấp 3 chương trình: 2 chương trình tập trung vào các nghiên cứu riêng biệt về Phật giáo phổ thông và Phật giáo bí truyền, còn chương trình thứ 3 phù hợp với các vị Phật sống.

Tất cả sinh viên được yêu cầu phải tham dự các lớp về nghiên cứu Phật giáo, văn hóa và pháp lý. Các chương trình học kéo dài từ 2 đến 4 năm.

(Xinhua - October 20, 2011)



Các đại biểu tham dự lễ khánh thành trường Đại học Phật giáo Tây Tạng vừa được xây dựng—Photo: Xinhua





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ, xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:**

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **31**

11.2011

GIỖ TỔ LIỄU QUÁN VÀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP MÙA THU TẠI CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE, WASHINGTON TỪ NGÀY 21 ĐẾN 23/10 /2011



Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP
 803 S. Sullivan Street
 Santa Ana, CA 92704
 Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp Số 31, tháng 11 năm 2011, do Chùa Phật Tổ (California) ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.